

NHỮNG THÁNG NGÀY CUỐI ĐỜI CỦA ĐỨC PHẬT

Nhân dịp sắp tới là ngày 08/12 Âm lịch, kỷ niệm ngày Đức Phật thành đạo, trong những ngày tới Thầy gửi đến đại chúng bài Pháp với chủ đề là ***Những tháng ngày cuối đời của Đức Phật*** để quý Phật tử hiểu thêm về cuộc đời của Đức Phật. Trong những ngày tháng cuối đời, Ngài làm những việc gì và nói những bài pháp thoại nào. Ở đây Thầy giảng là từ 10 tháng, còn 3 tháng, còn một ngày và đến còn một đêm, Thầy dựa vào **Kinh Đại Bát Niết Bàn** và giảng rộng thêm để quý vị hiểu.

Thời Đức Phật còn gọi là thời chánh pháp, các bậc Thánh rất nhiều, các Ngài thấy rõ, tin chắc những gì các Ngài hiểu. Còn phàm phu chúng ta thì chưa hiểu rõ lắm những gì mình tin, cho nên đôi lúc niềm tin của mình còn cạn cợt lắm, và còn thay đổi. Khi chúng ta hiểu được về Đức Phật, hiểu được và tin vào giáo lý của Ngài thì rất là khó. Tại sao rất khó? Vì đa phần những lời dạy của Đức Phật là đi ngược với dòng đời, đi ngược với đại đa số tâm lý của chúng sanh, cho nên chúng sanh rất khó hiểu và khó chấp nhận, khó tin lời Phật. Và ứng dụng được lời Phật dạy lại càng khó hơn nữa.

Cho nên Thầy mong muốn giảng bài Pháp này để đại chúng hiểu Phật hơn, tin Phật hơn, thương Phật hơn. "*Con tin Phật vì con hiểu Phật*", chứ không phải "*Con tin Phật vì con sợ Phật*" hay "*Con cầu mong gì nơi Phật*", mà con hiểu được rằng Đức Phật quá vĩ đại. Tùy theo cái hiểu của chúng ta, ta càng hiểu Phật thì mới càng thương Phật, mới tin Phật được, đó là mong muốn của Thầy mà cũng là tấm lòng của chúng ta cùng dâng lên cúng dường Đức Phật.

"Kính lạy Đức Thế Tôn! Người con kính, Người con tin, Người con thương nhất cuộc đời này, chính là Đức Thế Tôn!"

Trong bài Kinh này là những sự kiện mà chúng ta sắp nói, đây là những tháng ngày cuối đời của Đức Phật. Minh hình dung còn 10 tháng nữa, còn 3 tháng nữa Đức Phật nhập niết bàn, mà lúc này Ngài đã lớn tuổi rồi, 80 tuổi với những bệnh ở nơi thân, và Ngài biết là không còn bao lâu nữa nên Ngài cố gắng nói lại những gì cần thiết nhất, quan trọng nhất, tất cả nằm trong bài Kinh này.

Chúng ta bắt đầu vào Chánh Kinh.

**** Sự kiện thứ 1: Mở đầu bài Kinh, có 2 vị đại thần của vua A-xà-thế hỏi ý kiến Phật về việc muốn đánh nước Vajjī (Bạt-Kỳ)***

Hai vị đại thần được lệnh của Vua A-Xà-Thế (*Ajātasattu*) đến thưa với Đức Phật, hỏi ý kiến về chuyện Vua A-Xà-Thế muốn đánh dân nước Bạt-kỳ (dân *Vajjī*). Khi họ hỏi Phật là nên đánh hay không nên đánh, thay vì Phật trả lời là "có" hay "không" thì Phật không trả lời, mà Ngài hỏi lại Thầy A-Nan (*Ānanda*). Chúng ta thấy trí tuệ của Phật không? Nếu Ngài trả lời “Đánh” thì chẳng khác nào Ngài ủng hộ cho việc binh đao, còn nếu Ngài trả lời “Không” thì đôi lúc đó là chuyện của quốc gia, Ngài phải chịu trách nhiệm. Với trí tuệ của Đức Phật, thì những câu hỏi đáp với Thầy A-Nan cũng chính là câu trả lời.

“—Này *Ānanda*, Người có nghe dân *Vajjī* thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?

— *Bạch Thế Tôn*, con có nghe dân *Vajjī* thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo.

Này *Ānanda*, Người có nghe dân *Vajjī* tụ họp trong niệm đoàn kết giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không?

— *Bạch Thế Tôn*, con có nghe dân *Vajjī* tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết.

Này Ānanda, Ngươi có nghe dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thời xưa không?

– Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thuở xưa.

Này Ānanda, Ngươi có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này.

Này Ānanda, Ngươi có nghe dân Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình.

Này Ānanda, Ngươi có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

Này Ānanda, Ngươi có nghe dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại V Vajjī ajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

→ Chính do 7 pháp bất thối này được giữ gìn nên dân xứ Bạt Kỳ sẽ ngày càng cường thịnh, phát triển.”

Đó là 7 câu hỏi mà Đức Phật đã hỏi Thầy A-Nan, trong đó Thầy A-Nan đã nói những câu "có" và những câu "không". Sau đó Phật nói với Thầy A-Nan rằng dân Bạt-kỳ hùng mạnh, chỉ có ly gián, chia cắt nội bộ mới may ra. Nghe câu nói của Đức Phật, hai vị đại thần quay về thưa với Vua A-Xà-Thế, Vua biết lúc này chưa nên đánh. Và tại sao Vua A-Xà-Thế không đến hỏi Đức Phật mà lại cho hai đại thần đến để hỏi? Vì nếu Vua A-Xà-Thế hỏi vậy thì Phật rất khó trả lời. Chúng ta cùng phân tích đoạn này có mấy từ, lúc này Phật đang ở tại núi Linh Thứu, gần thành Vương Xá. Gọi là núi Linh Thứu vì ngọn núi này có hình con kền kền, còn Vương Xá là một vùng đất của những người có đại phước. Khi mà có những người đại phước ở đây thì nơi thành Vương Xá này rất phát triển, có ngọc ngà, châu báu, vật quý. Đến thời kỳ khi nào mà không còn những người đại phước ở đây nữa thì nơi này sẽ trở nên hoang vắng và có những Dạ-xoa sẽ trú ngụ nơi đây. Nơi này rất phát triển, giống như một điểm hẹn của những người đại phước ở nơi đây.

Bạt-kỳ (Vajjī) có nghĩa là kẻ bị xua đuổi. Câu chuyện từ xưa là có một vị đạo sĩ, ông thấy trong một bông hoa sen có một cục thịt, đôi lúc chúng ta không hiểu hết chỗ này, cuộc đời có những chuyện kỳ lạ lắm. Ông lấy cục thịt đó ra, ông nuôi lớn lên và cục thịt trở thành một cô gái rất đẹp. Vua đem cô gái về cung làm Hoàng hậu, sau này khi Hoàng hậu hạ sinh thì bà lại sinh ra cái bọc, thế là bà sợ quá đem quăng xuống sông cho trôi đi. Cái bọc đó sinh ra hai đứa bé. Hai đứa bé này rất mạnh khỏe nhưng da của nó rất mỏng, nhìn như người không da vậy, và hai đứa bé này rất là thô bạo. Cho nên thường bị người ta xua đuổi, và rồi dần dần

nó chỉ ở trong một cái góc riêng. Sau này hai đứa bé này lớn lên lập gia đình, hình thành dân xứ Bạt-kỳ xứ Licchavi. Đó là lý do có dân Bạt-kỳ.

Còn A-Xà-Thế (*Ajātasattu*) có nghĩa là *vị sanh oán, là kẻ thù chưa sanh*. Khi mẹ ông mang thai ông thì vị xem tướng đã nói rằng, đứa con này về sau sẽ là kẻ thù, là người giết cha. Là người cha, người mẹ dù biết tương lai như vậy nhưng vì rất thương con nên vẫn sanh ra A-Xà-Thế. Sau này A-Xà-Thế kết hợp với Đề-Bà-Đạt-Đa (*Devadatta*) mưu hại Phật. A-Xà-Thế giết cha là Vua Tần-Bà-Sa-La (*Bimbisāra*), còn Đề-Bà-Đạt-Đa thì muốn lãnh đạo Tăng đoàn thay Đức Phật. Đề-Bà-Đạt-Đa đã phạm những tội ngũ nghịch là phá hoại hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu; còn A-Xà-Thế thì phạm tội giết cha. Sau này khi mà cha mất rồi ông giác ngộ. Có một lần ông đến đánh lễ Đức Phật, thấy im lặng quá, ông mới đi vào trong giảng đường thì thấy Đức Phật và cả ngàn vị ngồi trong giảng đường, mà im thin thít không một tiếng động. Sau đó ông quỳ dưới chân Đức Phật mà thưa rằng: "*Kính Bạch Đức Thế Tôn, nhìn thấy Tăng đoàn của Đức Thế Tôn, con có niềm tin nơi chánh pháp của Ngài!*" Tức là chỉ nhìn thấy hình ảnh Tăng đoàn là ông có niềm tin nơi chánh pháp của Phật. Và sau đó ông trở lại thành Phật tử rất thuần thành.

Tại sao Vua A-Xà-Thế muốn đánh dân Bạt-kỳ này? Có một cái làng nằm giữa đất nước của Vua A-Xà-Thế và dân Bạt-kỳ xứ Licchavi, nhưng khu vực của dân Bạt-kỳ lại phát triển hơn, có nhiều khoáng sản phong phú hơn, phì nhiêu hơn. Nên Vua A-Xà-Thế muốn đánh dân Bạt-kỳ và xin ý kiến của Đức Phật. Lúc này Đức Phật ở trên núi Linh Thứu gần thành Vương Xá, ông cử hai vị đại thần đến hỏi ý kiến của Đức Phật, Đức Phật không trả lời mà Ngài hỏi Thầy A-nan những câu hỏi trên. Biết là bên đó rất hùng mạnh hai vị đại thần trở về nói với Vua A-xà-thế là chưa đến lúc đánh.

Trong hai vị đại thần này có một ông tên là Vassakara. Trong một lần ông thấy Ngài Ca-Chiên-Diên (*Mahā Kaccāyana*) đi xuống núi mà đi nhanh lắm, ông mới nói là Ngài đi *nhANH NHƯ KHỈ*. Sau đó Phật biết là ông đã xúc phạm bậc Thánh và dặn ông là sám hối đi chứ không sau này chết ông làm con khỉ ở ngay sau Tinh xá Trúc Lâm này. Ông Vassakara nhiều việc quá ông lại quên, sau này ông vào thưa với quý Thầy xin trồng những cây xoài để sau này lỡ mà ông chết làm khỉ ở Tinh xá thì có xoài cho ông ăn. Ông dặn say này thấy có con khỉ nào vô ăn xoài thì cũng đừng xua đuổi nó mà biết đó là ông. Cũng có lần khác, một ông thấy Ngài Ca-Chiên-Diên có màu da rất đẹp thì ông mới nói "*Ước gì vợ mình cũng có làn da đẹp như vậy*", sau đó ông tự nhiên bị biến từ thân nam thành thân nữ luôn. Lúc còn là thân nam thì ông đã có hai người con, khi biến thành thân nữ - lúc này là "cô", cô đi nơi khác lập gia đình và có thêm hai người con nữa, tổng cộng là bốn người con. Sau đó, có một lần Ngài Ca-Chiên-Diên đi ngang nơi đó thì có một người bạn biết được câu chuyện này chỉ cho cô đến sám hối với Ngài. Và ngay sau đó cô trở lại thân nam, vị này đi xuất gia. Khi hỏi ông, lúc chưa đi tu thì Ngài làm *Cha* của hai đứa con, và làm cả *Mẹ* của hai đứa con, thì trong bốn đứa Ngài thương đứa nào hơn? Ngài trả lời là thương hai đứa con lúc làm *Mẹ* hơn. mấy Thầy hỏi tiếp khi Ngài xuất gia đắc Thánh rồi thì thương đứa nào hơn? Ngài trả lời là thương bốn đứa như nhau. Phật tử hiểu không, vì đắc Thánh rồi không còn phân biệt, không còn ái luyến nữa, ai cũng thương, dù là con hay Cha Mẹ gì cũng thương như nhau, không có cái ái phân biệt *ta và của ta* như phàm phu.

Quay trở lại bài, thì một trong hai ông đại thần đến hỏi Đức Phật về chuyện có nên đánh nước Bạt-kỳ hay không, thì có ông Vassakara. Đức Phật hỏi chuyện Thầy A-Nan đồng nghĩa câu trả lời là chưa đến lúc đánh, phần bắt đầu bài Kinh là như vậy.

**** Sự kiện thứ 2: Qua câu hỏi của hai vị đại thần về xứ Bạt-kỳ nên Phật dạy chư Tỷ-kheo về Bảy Pháp Bất Thối khiến cho Tăng Đoàn cường thịnh lớn mạnh.***

Sau khi hai vị đại thần này ra về, nhân đây Đức Phật dạy cho quý Thầy về 7 pháp làm cho Tăng đoàn phát triển, vững mạnh, chúng ta nghe qua chánh Kinh:

“Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

-Khi nào chúng Tỷ-kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết.

-Khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành.

-Khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo thượng tọa những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lập trường, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và nghe theo lời dạy của những vị này.

-Khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác.

-Khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh.

-Khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở, được sống an lạc.

Khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

Đại ý của 7 pháp Bất thối này là trong một đoàn thể nào muốn phát triển, muốn lớn mạnh, muốn hưng thịnh thì chuyện đoàn kết hòa hợp rất quan trọng. Trong 7 pháp này Đức Phật đều khuyến khích sự đoàn kết, hòa hợp, phát triển, đó là 7 pháp Bất thối Phật dạy.

*** Sự kiện thứ 3: Đức Phật tiếp tục dạy về Bảy Pháp Bất Thối khác.**

“Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự.

- Khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận.

- Khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ.

- Khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quân tụ, không hoan hỷ quân tụ, không đam mê quân tụ.

- Khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng.

- Khi nào chúng Tỷ-kheo không bận bẻ ác dục vọng, không thân tín ác dục vọng, không cộng hành với ác dục vọng.

- Khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng, giữa sự đạt đến những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”

Đại ý cũng là lời Phật dạy đưa đến hòa hợp, đưa đến đoàn kết, đưa đến phát triển.

*** Sự kiện thứ 4: Bảy Pháp Bất thối khác.**

“Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo có tín tâm, có tà, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”

*** Sự kiện thứ 5: Phật dạy về Thất Giác Chi**

Sau khi dạy về Bảy Pháp Bất Thối, Đức Phật dạy về Thất Giác Chi. *Thất giác chi* là bảy chi phần đưa đến giác ngộ, là con đường, đưa đến Niết-bàn, chứng Thánh quả, gồm: *Niệm, Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả*. *Thất Giác Chi* thuộc phần Đạo đế trong 37 Phẩm trợ đạo. *Niệm* là chánh niệm. *Trạch pháp* là tâm trí tuệ chọn lựa, phân biệt thiện ác. *Tinh tấn* là Tứ chánh cần. *Hỷ* là niềm vui, khi thực tập giáo pháp thì sẽ có niềm vui, sự an vui của đời sống tu tập. *Khinh an* là sự nhẹ nhàng của thân tâm. Rồi *định* và *xả*.

“Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”

Khi đọc về Thất giác chi, chúng ta sẽ thấy rất là đặc biệt. Có những lần Đức Phật bị bệnh, Ngài nói với Thầy thị giả đọc Thất giác chi cho Ngài nghe, và Ngài hết bệnh. Có lần Thầy Đại-Ca-Diếp bị bệnh thì Đức Phật đọc Thất giác chi cho Thầy Đại-Ca-Diếp nghe thì Thầy khỏe. Hay có lần Thầy Xá-Lợi-Phất, Thầy Mục-Kiền-Liên, Thầy Assaji bị bệnh, Phật nói Tăng chúng đọc Thất giác chi cho quý Thầy nghe, và sau khi nghe chư Tăng đọc thì quý Thầy khỏe lại.

Lạ không? Chính Đức Phật là người giác ngộ và giảng dạy Pháp, mà khi bị bệnh thì Phật nói thị giả đọc cho Ngài nghe và Ngài khỏe. Thầy Ca-Điếp nghe Thất giác chi cũng khỏe, Thầy Xá-Lợi-Phất, Thầy Mục-Kiền-Liên, Thầy Assaji nghe Thất giác chi cũng khỏe hết, nghe qua chúng ta tưởng bài kinh Thất giác chi là bài Kinh trị bệnh đúng không? Không phải đâu, Thất giác chi là *niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả* trong đó có *hỷ*, có *khinh an*, có niềm vui, có an lạc trong đó. Mình nhớ có một chi tiết rất đặc biệt ở đây, đối với Đức Phật thì Ngài có cần học thêm gì nữa không mà tại sao Ngài lại bảo quý Thầy đọc lại Thất giác chi cho Ngài nghe? Là vì Đức Phật hay quý Thầy nghe lại Thất giác chi là để các Ngài sống lại với những gì đã được nghe.

Thầy nói ví dụ, có những bài Pháp chúng ta đã được nghe, được thực tập rồi, thấy vui và an lạc trong bài Pháp đó. Rồi hôm nào mình quên hẳn bài Pháp đi, nhưng rồi sau đó có ai đó mở lại, hay mình mở lại bài Pháp đó nghe, thì thật mình rất hoan hỷ, như được sống lại với bài Pháp đó, từ cái nhỏ đó mà nhân hoá ra cái lớn hơn.

Đối với Đức Phật, Thầy Xá-Lợi-Phất, Thầy Mục-Kiền-Liên, Thầy Đại-Ca-Điếp, Thầy Assaji thì các Ngài tu tập đã xong hết rồi, nhưng khi nhắc lại là các Ngài sống lại với những gì đã học, đã được nghe và sống lại với niềm hoan hỷ, sống lại với sự nhẹ nhàng khinh an của thân tâm cho nên các Ngài hết bệnh. Có một lần Thầy Xá-Lợi-Phất ngồi nghe chú Sa-di bảy tuổi thuyết pháp, chúng ta hiểu ở đây không phải là Ngài học cái gì, mà là biểu hiện sự tôn trọng Pháp.

**** Sự kiện thứ 6: Phật dạy về bảy pháp Quán tưởng***

“Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập vô ngã tưởng, tu tập bất tịnh tưởng, tu tập nguy hiểm tưởng, tu tập

xả ly tướng, tu tập vô tham tướng, tu tập diệt tướng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

Đây là Phật dạy cho mình bảy cách quán tưởng về vô thường, quán tưởng vô ngã, quán tưởng bất tịnh, quán tưởng về nguy hiểm, quán tưởng về tu tập xả ly, quán tưởng về vô tham, quán tưởng về diệt tướng (Diệt Thọ Tướng định). Và khi chúng Tỷ-kheo thực tập bảy pháp Quán tưởng này thì Tăng đoàn sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm.

**** Sự kiện thứ 7: Phật dạy về sáu pháp Hòa kính***

“Này các, Tỷ-kheo khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa.

- Khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa.

- Khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ ý nghiệp từ hòa.

- Khi nào các vị Tỷ-kheo phân phối không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới đức đồng tu, mọi lợi dưỡng chơn chánh, hợp pháp, cho đến những vật thọ lãnh trong bình bát khát thực. (là lợi hòa đồng quân)

- Khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ trì những giới luật đúng với Sa-môn hạnh, những giới luật không bị gây vụn, không bị sứt mẻ, không bị tì vết, không bị uế trước, những giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm. (là giới hòa đồng tu)

- Khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn hạnh,

những Thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thực hành theo. (là kiến hòa đồng giải)

Này các Tỷ-kheo, khi nào sáu pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy sáu pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

Sáu pháp Hòa kính (hay còn gọi là Lục hòa), đây là sáu pháp sống với nhau hòa hợp, được an lạc, làm cho Tăng đoàn phát triển, không bị suy giảm, là: *thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, kiến hòa đồng giải, lợi hòa đồng quân, giới hòa đồng tu*, đây gọi là sáu pháp Hòa kính (Lục hòa).

Không phải bây giờ mà từ thời Đức Phật, khi còn Đức Phật và còn các vị Thánh đã có những chuyện bất hòa xảy ra. Vào mùa hạ thứ mười, nhân câu chuyện có hai nhóm Tỷ-kheo bất hòa với nhau và họ không nghe Thế Tôn khuyên ngăn, Đức Phật đã nhập hạ một mình trong rừng Pālileyyaka- Kosambi. Lúc này thì có một chú voi và một chú khỉ hộ độ cúng dường cho Ngài. Chú khỉ có lần cúng dường mật ong, thấy Đức Phật dùng mật ong xong, vui quá nhảy nhót sao đó rớt xuống đất chết và sanh Thiên luôn. Còn chú voi ấy khi hết ba tháng hạ thì tiễn Đức Phật về lại địa giới của loài người, khi đến bìa rừng thì Phật mới nói: “Này con, con đừng tiễn Như Lai nữa, đây là địa giới của loài người, nếu con đi qua địa giới của loài người sẽ nguy hiểm cho con”. Chú voi thương Đức Phật lắm, đứng nhìn theo và sau đó mất luôn, cũng sanh Thiên. Chú voi này sẽ là Phật Chánh Đẳng Giác ở tương lai.

Chúng ta cũng thấy, từ thời còn có Đức Phật mà đã có những chuyện bất hòa rồi. Trong nhà mình có vài người thôi đã không hoà rồi, hay đừng nói đâu xa trong chính con người chúng ta, tứ đại này cũng đã bất

hoà rồi. Ông bà ta nói "*chín người mười ý*", nghĩa là chín người ngồi họp bàn, thống nhất với nhau về một vấn đề nào đó; thì chín người là chín ý, nhưng lại thống nhất với nhau ra một ý chung, đó là ý thứ mười.

Trong cuộc sống này nếu không phải là các bậc Thánh sống với nhau, phàm mà không có tu thì bất hòa nhiều, có tu thì bất hòa ít. Chỉ có bậc Thánh hết thân kiến, hết tham dục, hết giận, hết kiết sử, hết phiền não thì sống với nhau mới hòa được. Con người phàm phu sống với nhau, còn chấp trước, còn ngã mạn, còn thân kiến thì sống với nhau rất khó hòa. Vì vậy quý vị cũng không có gì ngạc nhiên rằng tại sao trong Tăng đoàn lại có chuyện bất hòa nha. Không có gì ngạc nhiên cả, đó là chuyện phải xảy ra thôi, từ thời còn có Đức Phật mà vẫn xảy ra thôi, huống chi đến bây giờ. Chuyện bất hòa là chuyện tự nhiên, đừng nhìn đâu xa cả, gia đình mình dù chỉ có vài người thôi mà cũng còn bất hòa.

Có một lần Đức Phật và Thầy A-Nan đi ngang cái cốc thì nghe tiếng của một Thầy Tỳ-kheo nào đó đang bị bệnh. Phật liền ghé vào thăm thì thấy cơ thể của Thầy Tỳ-kheo này mọc những mụn mủ tanh hôi vỡ ra chảy ướt hết cả y. Thầy Tỳ-kheo Pūtigatta Tissa ấy nói rằng lúc đầu cũng có chúng Tăng chăm sóc cho Thầy, nhưng mà dần dần thì không còn ai nữa chịu nổi nữa, Thầy rất là đau nhức. Sau đó Đức Phật bảo Thầy A-Nan đi lấy nước ấm về, chính tay Đức Phật lau tắm và chăm sóc bệnh cho vị Thầy này. Trong Kinh diễn tả là khi đó máu mủ hôi tanh vỡ ra ướt hết tấm y, những chuyện này nếu không có tình thương lớn thì khó làm được lắm. Sau khi chăm sóc cho Thầy Pūtigatta Tissa, Đức Phật thuyết pháp và Ngài đắc Thánh. Và sau đó thì Ngài nhập Niết-bàn. Quý Thầy mới bạch hỏi Đức Phật tại sao Thầy Pūtigatta Tissa lại đắc Thánh, và bị cái quả gì mà cơ thể của Thầy bị máu mủ tanh hôi như vậy? Đức Phật dạy rằng trong tiền nghiệp, vào thời của Phật Ca Diếp (*Kassapa*), Thầy Pūtigatta Tissa từng là một thợ săn chuyên đi bẫy chim, mỗi lần bẫy là cả tấm lưới lớn rất nhiều chim, xong Thầy bẻ cánh bẻ chân ra, con

nào loại tốt để riêng. Người thợ săn đó đã có lần cúng dường cho một vị Thánh A-la-hán với tâm rất hoan hỷ và nguyện rằng sẽ đạt được quả vị như vị A-la-hán đó. Do sát sanh nhiều như vậy cho nên quả trở đời này là tay chân rã rời, lở loét và máu mủ chảy ra rất là thương, và Ngài đắc A-la-hán trước khi mất là do cái thiện nghiệp kia. Đức Phật mới nói bây giờ quý Thầy đi tu, xa cha, xa mẹ, không thương nhau nữa thì ai thương đây.

Đời sống xuất gia mà nhất là ở vùng núi, vùng quê hẻo lánh, khi những tiếng chuông chùa vang xa, những cơn mưa chiều, những trận sấm chớp đêm về, nếu không có biết tu là buồn lắm, nếu không có đời sống tu tập sẽ không chịu được đời sống trong chùa đâu nha. Chúng ta nhiều khi đi làm đầu tắt mặt tối, bán mặt cho đất bán lưng cho trời, vậy mà chịu được, chứ cho vô chùa ở là ở không được đâu. Cảnh chùa vốn nhàn tịnh, nếu quý vị không có duyên tu, không có pháp tu, ở trong cảnh buồn đó chịu không nổi đâu, và cảm thấy cô đơn, cô độc là bỏ tu, cho nên đi xuất gia tu học không phải dễ.

Chúng ta nên nhớ từ thời Đức Phật đã có những chuyện bất hòa, có những chuyện Đức Phật khuyên còn không được. Trong hội chúng đông người như vậy, để hòa hợp thì rất khó, bắt người này phải làm như vậy, người kia phải làm như vậy thì rất khó, thì thôi cứ làm theo nội quy của đại chúng, theo đúng giới luật, mỗi người thương một chút, buông bỏ một chút thì mới hòa hợp được.

Vào thời của Tây Sơn, thời Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ có câu thơ nổi tiếng về sự không hòa hợp giữa hai anh em. Có lần Nguyễn Nhạc với Nguyễn Huệ xảy ra bất hòa thì lúc này Nguyễn Nhạc nói Nguyễn Huệ "*Bì oa chữ nhục, đệ tâm hà nhân*", nghĩa là nòi da nấu thịt, sao đành

lòng hỡi em, mình là hai anh em sao mà đành lòng như vậy. Sau đó ở Bình Định khi đi săn người ta có câu:

*"Da nai mà nấu thịt nai,
Việc đời như thế ai không động lòng,
Thịt nai mà chín bên trong
Da nai cũng cháy còn mong nổi gì"*

Cảm động trước câu nói của Nguyễn Nhạc, người Bình Định thời đó đã diễn ý lại bằng câu *"Lỗi lầm, anh vẫn là anh, Nồi da xáo thịt sao đành hỡi em"*. Chúng ta nhớ là chuyện hòa thì khó hòa lắm, ở số đông thì cứ vì tinh thần của đại chúng, theo nội quy, theo cái chung đó mà làm.

Vào thời Tào Tháo, ông có hai người con là Tào Phi và Tào Thực. Ông để cơ nghiệp lại cho Tào Phi, thì Tào Thực có ý chống trái. Hôm đó Tào Phi giận, ông ra đề tài cho Tào Thực làm thơ, tại vì Tào Thực hay làm thơ:

*"Củi đậu đun hạt đậu,
Đậu trong nồi khóc kêu:
Cùng sinh trong một gốc
Bức nhau chi đến điều!"*

Nghĩa là hai anh em cùng sinh ra từ cha mẹ mà tại sao áp bức nhau chi đến như vậy.

Đại ý là Đức Phật dạy về Lục Hòa, Tăng đoàn muốn lớn mạnh thì phải giữ được Lục Hòa này. Thật rất khó giữ được nhưng khi học Phật pháp chúng ta hiểu được chuyện này, trong một Tăng đoàn nào đó, trong một hội chúng tu tập nào đó mà xảy ra chuyện bất hòa thì cũng hiểu đó

là chuyện bình thường để mà giữ vững tâm tu tập, phải nhớ ra liền là thời Đức Phật còn bất hòa huống chi là thời này.

**** Sự kiện thứ 8: Trong những thời gian ở các nơi, Thế Tôn đều nhắc đến tu tập Giới – Định – Tuệ.***

Giới – Định – Tuệ chính là pháp hành của Phật giáo, là cốt tủy, nói Bát Chánh Đạo, hay Giới - Định - Tuệ, hay 37 Phẩm trợ đạo, hay Đạo đế, hay Tứ Diệu Đế, hay Tứ Niệm Xứ cũng được, đó là cốt tủy của đạo Phật. Trong thời gian này, Đức Phật dạy về Giới - Định - Tuệ ở nhiều nơi, chúng ta nghe qua chánh Kinh.

“Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: “Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu”.

Nếu chúng ta có thực tập Giới - Định - Tuệ thì *kết quả lớn* có nghĩa là sao? Nghĩa là thực hành Giới - Định - Tuệ rốt ráo, kết quả lớn nhất là đắc Thánh, Niết-bàn, chấm dứt sinh tử khổ đau. Nếu chưa đắc Thánh thì ngay khi tu tập Giới - Định - Tuệ cũng đã có an lạc, sống đời sống chánh niệm đã có an lạc. Đó là lý do vì sao lúc nào chúng ta cũng phải sống đời sống chánh niệm. Giả dụ không đắc Thánh thì ngay giờ phút đó mình cũng an lạc. Còn như mình chết bất ngờ đi nữa mà với tâm chánh niệm thì cũng được về cảnh giới lành để tiếp tục tu tập. Cho nên lợi ích lớn nhất là đắc Thánh quả, Niết-bàn, còn không thì hiện tại được an lạc. Và lợi ích nữa là bây giờ tuy chưa đắc Thánh nhưng nó là duyên lành, là chủng tử cho đời sau kiếp khác, là cách vun bồi Ba-la-mật.

- *Giới* dạy cho mình những điều đạo đức để chế ngự những phiền não thô ở thân và khẩu. Tùy giới của người cư sĩ tại gia là năm giới hay tám giới, hay là giới của người xuất gia.

- *Định* là tu tập một trong 40 đề mục để cột tâm lại, để đạt được Cận định hay An chỉ định, đoạn Năm Triền Cái để chứng đắc các tầng thiền: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền hoặc Tứ không thiền.

- *Tuệ* là quán thân, thọ, tâm, pháp với Tam tướng: vô thường, khổ, vô ngã để mà tùy duyên đoạn phiền não, đoạn kiết sử. Tu tập *Tuệ* qua 37 Phẩm trợ đạo, qua Bát chánh đạo cũng được, qua Giới - Định - Tuệ cũng được. Thấy được Tam tướng qua thân, thọ tâm, pháp, qua Danh Sắc, đoạn phiền não, đủ Ba-la-mật thì đắc Thánh.

**** Sự kiện thứ 9: Thế Tôn rời núi Linh Thứu, Ngài cùng chư Tỷ kheo đi đến Thành Ambalatthikā, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo VỀ GIỚI - ĐỊNH - TUỆ***

Lúc này là Đức Phật rời núi Linh Thứu, đến nhà nghỉ mát của Vua và Đức Phật một lần nữa giảng về giới - định- tuệ. Tu theo Phật chính là tu theo giới - định - tuệ.

Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu”

**** Sự kiện thứ 10: Thầy Xá-lợi-phất tán thán Đức Phật và Phật quả Ngài vì chỉ có chư Phật mới hiểu hết về chư Phật.***

Đoạn này rất cảm động nha đại chúng, chúng ta học qua chánh Kinh:

“Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nalanda. Tại đây, Thế Tôn ở Pavārikambavana (Ba-ba-lợi Âm-bà-lâm).

Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và xuống một bên. Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn

—Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác.

Nalanda là quê quán của Thầy Xá-Lợi-Phất. Thầy là bậc trí tuệ đệ nhất, có thể đếm được từng hạt mưa trong suốt một kiếp trái đất. Lúc này Thầy Xá-Lợi-Phất nói rằng không ai có thể vĩ đại, sáng suốt hơn Đức Phật.

– Nay Sāriputta, lời nói của Ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiếng rống con sư tử: “Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác”. Nay Sāriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, Ngươi đã biết tâm những Vị này nói với tâm của Ngươi: “Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức như vậy, có thiên định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy”?

Nghĩa là Phật hỏi Ngài Xá-Lợi-Phất có phải Ngài đã biết được tâm của chư Phật không? Theo chúng ta thì có hiểu không? Thật sự không hiểu được đâu! Chỉ có chư Phật mới hiểu được chư Phật thôi. Nếu có ai hỏi mình là “Ai hiểu chư Phật nhất?”, thì câu trả lời là “Chỉ có chư Phật mới hiểu chư Phật nhất thôi”. Lúc này Thầy Xá-Lợi-Phất nói:

– Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Nhưng con biết truyền thống về chánh pháp. Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại Biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biết tài và nhiều kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nổi hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này. Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về chánh pháp. Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đăng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đăng Giác. Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đăng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đăng Giác. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đăng Giác”

Nghĩa là khi Đức Phật về *Nalandā* quê của Thầy Xá-Lợi-Phất, thì lúc này Thầy Xá-Lợi-Phất gặp và ca ngợi Đức Phật, tán thán Đức Phật và tin tưởng Đức Phật, Ngài nghĩ rằng quá khứ, hiện tại và vị lai không ai qua được Đức Phật ở phương diện Chánh giác. Đức Phật mới nói Thầy Xá-Lợi-Phất con biết gì về các Đức Phật mà con nói vậy. Thầy Xá-Lợi-Phất nói con không có tha tâm thông biết về các chư Phật, nhưng mà con biết về truyền thống Chánh pháp của các chư Phật là vị Phật nào cũng đoạn Năm Triền Cái rồi, cũng an trú Tứ Niệm Xứ, tu tập Thất Giác Chi

rồi, chứng quả vị Phật dưới cội Bồ Đề, dĩ nhiên Ngài Xá-Lợi-Phất biết rất nhiều nhưng biết về các vị Phật Chánh Đẳng Giác thì Ngài không biết.

Giữa một vị Sơ quả và một vị Tứ quả hiểu về chư Phật thì vị nào hiểu nhiều hơn? Là vị Tứ quả hiểu nhiều hơn. Vị Sơ quả hiểu về chư Phật không bằng vị Nhị quả, vị Nhị quả hiểu về chư Phật không bằng vị Tam quả, Vị Tam quả hiểu về chư Phật không bằng vị Tứ quả, vị Tứ quả A-la-hán hiểu về chư Phật không bằng vị Đệ nhất biệt hạnh, vị Đệ nhất biệt hạnh hiểu về chư Phật không bằng Nhị vị Thượng thủ Thanh văn. Đó là chúng ta học về các bậc Thánh.

Bây giờ không nói đâu xa, chính bản thân của mình, tùy theo mỗi người có học giáo lý hay không mà chúng ta hiểu Phật đến mức độ nào, tùy vào trí văn, tùy vào sự học hỏi, tùy vào công phu tu tập, tùy duyên lành Ba-la-mật của mỗi người mà chúng ta hiểu biết về Đức Phật khác nhau. Một trong những chủ ý mà Thầy giảng bài này là để đại chúng: *"Con tin Phật vì con hiểu Phật!"* Qua những sự kiện về những tháng ngày cuối đời của Đức Phật, để chúng ta biết rằng một người Cha già như vậy, lúc này Phật đã 80 tuổi biết mình sắp Niết-bàn nên sắp xếp những gì quan trọng, những gì cần nói. Hiểu như vậy mà mình càng thương, những tháng cuối đời của Đức Phật.

Lúc này còn 10 tháng, Ngài dạy cho Thầy Xá-Lợi-Phất và Thầy Xá-Lợi-Phất nói như vậy. Chúng rút ra bài học là tùy mỗi người, tùy công phu tu tập, tùy trí văn, trí tư, trí tu của mỗi người, tùy công đức của mỗi người, tùy duyên lành Ba la mật của mỗi người mà chúng ta hiểu về Đức Phật khác nhau.

Lúc này Ngài Xá-Lợi-Phát 84 tuổi. Thầy sẽ kể thêm câu chuyện về Ngài Xá-Lợi-Phát, phần này ngoài chánh Kinh.

Lúc này Thầy Xá-Lợi-Phát quán xét nhân duyên thì biết rằng thọ mạng Ngài còn 7 ngày nữa thôi, và Ngài chọn cái chỗ để Ngài Niết-bàn. Ngài quán xét thấy rằng Thầy La-Hầu-La (*Rāhula*) nhập Niết-bàn ở trên cung trời Đao Lợi, về huyết thống thì Ngài La-Hầu-La là con của Thái tử Tất-Đạt-Đa (*Siddhattha*) và tại sao Ngài La-Hầu-La nhập Niết-bàn trên cung trời Đao lợi? Là vì chư Thiên Đao lợi thương kính Ngài lắm, đề nhờ đó mà chư Thiên vì hoan hỷ đánh lễ Ngài mà sanh phước. Ngài La-Hầu-La cũng có 32 tướng tốt như Đức Phật. Còn Ngài Kiều-Trần-Như (*Añña Koṇḍañña*) sau khi đắc Thánh rồi thì Ngài lên núi ở với 8.000 chú voi, Ngài gắn bó với voi cho nên bây giờ hình của Ngài là có mấy chú voi bên cạnh hầu. Ngài Kiều-Trần-Như nhập Niết-bàn trên núi, lễ tang của Ngài có chư Thiên, có voi và có các vị Tỳ-kheo lo tang lễ cho Ngài. Thầy Kiều-Trần-Như là anh cả của Tăng đoàn.

Thì Ngài Xá-Lợi-Phát quán chiếu như vậy, và chọn một nơi Niết-bàn để được lợi ích. Ngài mới quán về mẹ của Ngài, kể tới đây thì thật cảm động, Thầy Xá-Lợi-Phát thương mẹ lắm, bà có 7 người con và điều đặc biệt là 7 người con đều đi tu và chứng quả A-la-hán. Ngài quán xét thấy mẹ của Ngài có đủ duyên để đắc Sơ quả. Khi Ngài về Nalanda, lúc này Ngài 84 tuổi rồi và Đức Phật cũng còn mấy tháng nữa Niết-bàn.

Câu chuyện là trước đó Ngài Xá-Lợi-Phát mới thưa với Đức Phật là còn 7 ngày nữa Niết-bàn và xin về quê để nhập Niết-bàn. Ngài Xá-Lợi-Phát nhập Niết-bàn ở ngay cái phòng mà trước kia Ngài được sinh ra. Đức Phật biết là cái duyên nên im lặng đồng ý, lúc này Đức Phật mới nói: “Này Xá-Lợi-Phát, con hãy thuyết pháp đi”. Mọi lần Đức Phật mệt vì già yếu, đang giảng mà bị đau lưng thì Ngài Xá-Lợi-Phát thuyết tiếp, nhưng lần này Đức Phật muốn Ngài Xá-Lợi-Phát thuyết bài pháp đặc biệt. Ngài Xá-Lợi-Phát dùng thần thông bay lên, bay xuống 7 lần như vậy cao bằng cây thốt nốt rồi sau đó Ngài thuyết pháp. Sau khi thuyết

bài pháp đó xong Ngài từ biệt Thế Tôn để đi về quê nhà, Ngài nói: *"Kính bạch Đức Thế Tôn, cách đây 1 A-tăng kỳ 100 ngàn đại kiếp, con đã phát nguyện trở thành cánh tay phải của Đức Phật và tới đời này con được gặp Đức Thế Tôn lần đầu tiên ở Tinh xá Trúc Lâm. Và hôm nay con xin từ biệt Đức Thế Tôn, đây là lần cuối cùng con được gặp Thế Tôn, sau lần này rồi không bao giờ con còn được gặp Thế Tôn một lần nào nữa."*

Chúng ta nhớ Ngài Xá-Lợi-Phất là cánh tay phải của Đức Phật, là một trong nhị vị Thượng thủ Thanh văn, thời gian tu là 1 A-tăng kỳ 100 ngàn đại kiếp. Trong khoảng thời gian dài 1 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp như vậy, Ngài gặp Đức Phật rất nhiều lần, giữa Đức Phật, Da-Du-Đà-La, Thầy Xá-Lợi-Phất, Thầy Mục-Kiền-Liên, Thầy A-Nan, Thầy Đại-Ca-Diếp... nhiều kiếp các Ngài đã là quyến thuộc với nhau. Cái câu rất là cảm động, cách đây 1 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp Ngài đã quỳ dưới chân Đức Phật Tỳ-Bà-Thi (*Vipassī*) để mà phát nguyện. Trải qua quá trình lâu dài như vậy thì trong đời này Ngài gặp Đức Phật lần đầu tiên ở Tinh xá Trúc Lâm và hôm nay là lần cuối cùng, Ngài lay và từ biệt Đức Thế Tôn. Đây là lần duy nhất của Đức Phật, Ngài đứng dậy tiến đưa Thầy Xá-Lợi-Phất một đoạn. Chúng ta nhớ chi tiết là Đức Phật không tiến ai, và không cúi đầu chào ai. Không phải là Đức Phật không quý kính, không tôn trọng ai nhưng với những công đức của Đức Phật, Ngài mà cúi đầu chào ai là đầu người đó vỡ ra làm bảy mảnh. Cho nên khi Ngài mới sinh ra, tiên A-Tư-Đà thấy Ngài thay vì đưa đầu ra chào thì quay cái chân lại. Một con người vĩ đại như vậy đứng dậy tiến Thầy Xá-Lợi-Phất thì chúng ta biết rằng Thầy Xá-Lợi-Phất cũng là nhân vật vĩ đại như thế nào. Thầy Xá-Lợi-Phất cúi xuống và đi lui dần, cho đến khi không còn thấy hình bóng Đức Phật nữa. Đọc trong Kinh cảm động lắm, tiến đưa lần này là lần cuối.

Thầy Xá-Lợi-Phất đi về quê cùng với một số Thầy Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni. Mẹ Thầy Xá-Lợi-Phất là một người tà kiến nặng không tin Phật,

bà thờ Phạm Thiên. Bà giận Phật vì nghĩ Phật cướp đi cả bảy người con của bà. Nhưng mà giận thì giận, thương thì thương, bà cho người sắp xếp cái phòng của Thầy Xá-Lợi-Phất và Tăng chúng. Thầy Xá-Lợi-Phất lúc này bị bệnh kiết lỵ, giận đó nhưng mà thương con lắm, bà chăm sóc cho đứa con bằng tình thương của người mẹ thương con. Tới khuya bà ra phía sau thì thấy chư Thiên có hào quang xuống đánh lễ Ngài, bà hỏi ai vừa đánh lễ con vậy, Thầy nói đó là các vị trời Tứ Đại Thiên Vương. Lát sau, bà lại thấy hào quang sáng nữa bà vô hỏi ai xuống vậy con, Thầy nói đó là các vị chư Thiên Đạo Lợi, Vua trời Đế Thích. Lúc này bà biết con mình không phải là người tầm thường. Cuối cùng các vị Phạm Thiên xuống đánh lễ Ngài, khi đánh lễ xong hào quang sáng rực và khi các vị Phạm Thiên đi rồi thì bà lại hỏi ai xuống đánh lễ con vậy, Thầy Xá-Lợi-Phất nói đó là các vị Phạm Thiên. Bà hỏi ra thì mới biết là các vị Phạm Thiên mà bà đang thờ. Khi đó Ngài Xá-Lợi-Phất thưa với mẹ, các vị Tứ Đại Thiên Vương, chư Thiên Đạo Lợi, các vị này như là thị giả của Đức Phật, rất thương, rất kính Đức Phật. Tức là bao nhiêu sự cung kính bà dành cho con, thì Ngài lại chuyển qua cho Đức Phật. Bà lại nghĩ con mình mà đã như vậy, thì huống gì là Thầy của con mình, đó chính là Đức Phật! Lúc này Thầy Xá-Lợi-Phất thấy duyên đã đến, thời đã hợp, Ngài thuyết pháp cho mẹ nghe, sau bài pháp đó bà đắc Sơ quả. Năm 39 tuổi Thầy Xá-Lợi-Phất đi xuất gia, 84 tuổi Ngài trở về nhập Niết-bàn tại căn phòng cũ.

Đức Phật gặp Ngài Xá-Lợi-Phất tại Nalandā là lúc này, khi Ngài Xá-Lợi-Phất về quê để độ mẹ. Sau khi độ cho bà chứng Sơ quả xong, Ngài mới nói rằng *"Ta đã trả ơn cho mẹ xong rồi"*. Trong Kinh dạy, dù cho công Cha bên vai trái, công Mẹ bên vai phải, suốt cả trăm năm vẫn chưa trả hết cái ơn dưỡng dục sinh thành. Không phải rằng chúng ta chỉ lo chút ăn uống, nhà cửa, xe cộ... hay vật chất mà có thể trả hết ơn Cha Mẹ, không phải đâu! Để trả ơn cho Cha Mẹ rốt ráo, trong Kinh Phật dạy là phải đưa Cha Mẹ vào được 4 điều: Tín – Thí – Giới – Tuệ. Làm cho Cha Mẹ có niềm tin, biết quy y Tam Bảo, biết sống với bàn tay rộng mở, với

tấm lòng vàng, biết cởi mở, biết chia sẻ, giúp cho Cha Mẹ giữ giới Năm giới hay Tám giới, và có chánh kiến. Và khi bắt đầu trọn vẹn Tín – Thí – Giới – Tuệ thì đắc Sơ quả, đó là cách trả ơn cho Cha Mẹ xong rất ráo.

Nhắm mắt rồi đường ai nấy đi, trong vòng sinh tử luân hồi thương cha thương mẹ thì phải khéo hướng dẫn tạo duyên cho cha mẹ làm các phước lành. Mỗi năm cứ đến mùa Vu Lan, hay Phật tử muốn cúng trai Tăng để hồi hướng cho cha mẹ. Thầy chỉ cách là chúng ta đem số tịnh tài, tịnh vật này tặng cho cha mẹ, cho sòng phẳng. Sau đó khuyến khích cha mẹ cúng trai Tăng, thì lúc đó cha mẹ làm phước thì cha mẹ có phước, mình không cần hồi hướng cho cha mẹ. Cho dù cha mẹ có nhờ mình làm đi nữa, thì cha mẹ cũng có phước chính. Việc cha mẹ làm phước khác với việc chúng ta làm rồi hồi hướng công đức cho cha mẹ mình.

"Đường sinh tử, hồn ai nấy giữ", "Lênh đêngh trong cõi diêm phù, khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm", dù cho chúng ta có thương cha mẹ bằng trời đi nữa mà khi nghiệp đã trở rồi thì phải chịu thôi. Dù ta có thương ai bằng trời cũng không bằng thiện nghiệp của họ, quan trọng là người đó có thiện không, có phước hay không thôi. Và ta có ghét kẻ thù bằng trời bằng biển, nhưng không bằng ác nghiệp của họ đâu, chúng ta ghét là chuyện của mình, vấn đề là họ có thiện hay không thôi. Còn chính bản thân mình thì chúng ta cũng phải tu:

*"Sống hôm nay ai biết được ngày sau
Chuyện hôm nào cũng đã thành xưa cũ,
Lau nước mắt em mỉm cười làm chủ,
Tự thương mình em hãy sống thật vui"*

Chính mình làm chủ mình, đừng để ai làm chủ mình cả, nương theo Phật pháp chúng ta biết vòng sinh tử luân hồi nhắm mắt rồi đi đâu thì không biết được.

**** Sự kiện thứ 11: Thế Tôn ở Nalandā cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pāṭaligāma. Tại đây, Thế Tôn dạy cho các cư sĩ ở Pāṭaligāma về 5 nguy hại và lợi ích của giữ giới.***

Những tháng ngày này khi Đức Phật đã rời nơi đó thì cũng là lần cuối. Đức Phật dạy cho các cư sĩ ở Pāṭaligāma về 5 nguy hại của không giữ giới và lợi ích của giữ giới.

- Nay các Gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?

- 1. bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sống phóng dật.*
- 2. bị tiếng dữ đồn xa.*
- 3. khi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bối rối.*
- 4. sẽ chết với tâm hồn rối loạn.*
- 5. sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục.*

Này các Gia chủ có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

- 1. sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. - Khi giữ giới thì chúng ta sẽ không sống phóng túng, dễ gìn giữ tài sản.*

2. *được tiếng tốt đồn xa.* - chế ngự được thân khẩu, giữ gìn oai nghi nên được vậy.

3. *khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối.* - do thân khẩu không bất thiện nên thường dạn dĩ, không run sợ trước hội chúng.

4. *chết với tâm hồn không rối loạn.* - tâm định tĩnh, không bị rối loạn do giữ giới trong sạch.

5. *sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới.*

Phần này, chúng ta nghe lại trong bài **Năm Giới** Thầy đã dạy kỹ.

*** Sự kiện thứ 12: Phật nói về việc những ai quý mến chư Thiên thời chư Thiên cũng kính mến hộ trì nơi đó.**

a. “*Lúc bấy giờ Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajjī. Một số rất lớn các thiên thần tụ họp hàng ngàn tại các trú địa ở Pātali-gāma. Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá. Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá. Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá*”.

Lúc này Đức Phật đi đến nơi này và thấy hai vị đại thần đang xây dựng của Vua A-Xà-Thế đang xây thành trì ngăn chặn dân Bạt-kỳ. Ngài thấy việc đang xây thành đó có rất nhiều chư Thiên hỗ trợ. Sau đó Đức Phật nói nếu có những chư Thiên đại oai thần lực và bậc đại, hoặc trung hay tiểu về thần lực các vị sẽ tác động cho các vị đại thần. Từ đó chúng

ta hiểu rộng ra là ở nơi nào mà có các vị Chư Thiên, các vị thiện thần có chánh kiến thì các vị đó sẽ tác động cho dân chúng ở đó - ở đây là *tác động* chứ không phải đi làm giùm, có thể làm việc thiện. Cho nên ở nơi nào có các vị tu tập thì thường có các vị chư Thiên ở đó, các vị sẽ âm thầm hỗ trợ, tác động để các vị ở đó làm thiện, và chỗ nào mà có các vị chư Thiên gọi là ác thần, thì họ có thể tác động cho những chuyện lục đục, bất hòa, lộn xộn xảy ra rất nhiều nơi đó.

b. “Này Ānanda, chỗ nào các vị Ariyans an trú, chỗ nào các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một thành thị bậc nhất tên gọi là Pāṭaliputta, một trung tâm thương mại. Nhưng này Ānanda, Pāṭaliputta sẽ bị ba hiểm nạn về lửa, về nước hay chia rẽ bất hoà”.

Đây là cả một câu chuyện dài, Thầy sẽ giảng đoạn này.

Pāṭaliputta là tên một ngôi làng vào thời Đức Phật, 200 năm sau tại làng này sẽ trở thành Kinh đô của Vua A-Dục (*Ashoka*). Đây là Kinh đô của một dòng vua thuộc một nhánh hậu duệ của dòng Thích Ca, kéo dài tới thời Vua A-Dục, cái làng này sẽ trở thành Kinh đô. Vào thời Đức Phật, có một lần Phật và Ngài A-Nan đi qua đoạn đường đó thì thấy có những đứa bé đang chơi cát và xây thành lâu đài. Trong đó có đứa bé rất là đặc biệt, nó rất trân trọng đem cái lâu đài đó cúng cho Đức Phật. Đức Phật nhận và chứng minh cho đứa bé đó, và Ngài nói Thầy A-Nan lấy cát đó về bỏ trong chỗ Hương thất của Ngài. Đứa bé đó sau này chính là Vua A-Dục.

Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn thì Ngài Đại-Ca-Diếp (*Mahākassapa*) cùng với Vua A-Xà-Thế (*Ajātasattu*) lấy những viên Xá-lợi của Đức Phật, Thầy Xá-Lợi-Phát, Thầy Mục-Kiền-Liên cùng với các vị Thánh, để vào trong Tháp và ghi trong một thỏi vàng, chú nguyện 3 điều:

1. Hai trăm năm sau đền này không tắt.

2. Hai trăm năm sau hoa này không héo.

3. Hai trăm năm sau trầm này không hết mùi thơm.

Các Ngài dùng thần thông chú nguyện trong Tháp và biết rằng hơn hai trăm năm sau sẽ có một vị Vua ra đời, và đó chính là A-Dục, sẽ là một vị hộ pháp để phát triển Phật Pháp.

****Hoa không héo, đèn không tắt, và trầm vẫn còn thơm!***

Hơn hai trăm năm sau Vua A-Dục chấn hưng Phật giáo, hỗ trợ cho kỳ kết tập Kinh điển lần thứ ba. Khi sinh ra vua A-Dục rất xấu, nên các anh em của ông rất khinh thường, rồi các vị cung phi mỹ nữ cũng không có cảm tình với ông. Sau khi lên ngôi, Vua A-Dục tìm có giết sạch gần hết anh em của mình, chỉ còn một người em mà sau khi giác ngộ ông khuyến khích xuất gia. Lúc đó Vua A-Dục cho trồng những vườn hoa, hoa tốt trồng bên ngoài còn cỏ dại trồng ở giữa, các cô cung phi mỹ nữ thấy vậy không vừa ý. Mượn có làm trái ý ông, ông giết hết. Ông làm một khu vườn mặc định là "*có vào mà không có ra*", ai vào đó là đều bị giết hết. Có một lần kia, một vị Tỳ-kheo có thần thông đến khu vườn đó. Theo quy luật là vào thì giết, vị này biết như vậy thì Ngài nói Vua hãy cho Ngài bảy ngày rồi giết.

Sau bảy ngày, Vua A-Dục giết vị này bằng cách đốt trong chảo dầu nhưng Ngài không cháy. Lúc này Ngài dùng thần thông hóa độ được vua A-Dục. Khi vua A-dục giác ngộ, ông biết rằng trước kia mình đã tạo ra quá nhiều ác nghiệp, cho nên ông làm rất nhiều công đức, hỗ trợ cho Phật pháp rất nhiều. Khi Vua A-Dục ngộ rồi, ông tìm lại được cái Tháp đó. Ông mở ra thấy Xá-lợi của Phật vẫn còn, mấy trăm năm mà bằng thần thông các Ngài chú nguyện: *Hoa không héo, đèn không tắt, và trầm vẫn còn thơm*, ông bừng tỉnh giác ngộ. Sau đó ông cho xây 84 ngàn Tháp thờ Xá-lợi, hỗ trợ cho kỳ kết tập Kinh điển lần thứ ba. Có đoạn thơ trong *Trường ca Kalinga* (Trúc Thiên) thế này:

II. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG A DỤC

1.

Kalinga! Kalinga!

*Kalinga ngày nào Máu Lửa hóa
Sen Toà!*

Kalinga, lau đi dòng nước mắt

hỏi làm chi ai còn ai mất

bạo chúa giờ đâu?

đây chỉ có Chuyển Luân Vương

bạo chúa là ai?

đây chỉ có đau thương

đây chỉ có một tâm hồn ray rứt

*quằn quại giữa muôn niềm đau
ấm ức*

*Vương gục đầu cắn lệ nuốt trong
sương*

*Vương suốt một đời ngang dọc
ngọn trường thương*

uy vũ lệch nghiêng trời đất

đầu lâu rắc nẻo biên cương

mà hôm nay

*khi chiến thắng hồi loa vừa ngáy
ngất*

*núi xương máu vút trời lên chát
ngất*

*Vương gục đầu cắn lệ nuốt trong
sương*

*và chùa xa chuông vắng tiếng du
ương ...*

*mà tiếng vọng cứ triền miên
trong gió rít*

*như giục giã như chan hòa như
quần quít*

*như nức lên từ giữa khối hư
không*

hồn ai kêu ời ời giữa mông lung

*như chuỗi máu nhiều dài trong
bóng tối*

*Vương ngấm đôi tay: tay đầm
những máu*

*Vương ôm hồn gục xuống giữa
hoang vu*

*và chùa xa chuông vắng tiếng vi
vu ...*

đầu gục trên niềm hối tiếc

tay buông nhẹ hết triều nghi

chấp lại một lời tha thiết :

« Con nguyện sám hối qui y

« gương giáo đó sẽ là chuông là
tượng

« thân tâm này sẽ là bát là y

« con thành kính dựng lên niềm
tin tưởng

« trên khung đời tạc lại nét từ bi

«Nam Mô Thích Ca Mâu Ni ! »

---o0o---

2.

« đây: chôi Bồ Đề

« đây: ngọc Xá Lợi

« đây: Ba Tạng Pháp Bửu Pa Li

« trầm cung kính trao về chư Đại
Đức

« đây: Muôn đời Thông Điệp của
Tỳ Bì

« xin hãy lên đường hoằng pháp

« khung đời tô lại nét huyền vi

« mặt người tạc lại niềm u hiển

« tâm người khơi lại ánh vô vi

« đâu đâu chẳng hồn mơ từng tia
nắng mỏng?

« đâu đâu chẳng môi khát từng
giọt từ bi?

« Nam Mô Thích Ca Mâu Ni!»

rồi từng đoàn người đi ...

rồi từng đoàn người đi...

đi từ thành Kalinga

kinh đô của Ánh Sáng

đi từ hòn Asoka

nguồn lửa của Tỳ Bì

đạo theo đoàn khát sĩ

kinh theo nẻo vân du

hành trang : một bình bát

vô khí: một lòng tu

đốt lên từng ngọn đuốc

kéo qua cõi Diêm phù

đường đi dầu có vi vu

núi rừng dầu có hoang vu

truông đèo dầu bao chón chở

sông ngòi dầu bao trắc trở

hiểm nguy dầu khắp nẻo chốn
đường tu

nhưng Sứ Giả của Như Lai có
bao giờ nhũn bước?

nhưng Chiến Sĩ của Tình Thương
có bao giờ lỗi ước?

hào quang khoác áo chinh phu

*... và Pháp Phật tràn lan như
sóng nước*

*và Bồ Đề bóng ngả mát mười
phương*

từ kinh kỳ ra hải ngoại

nói liền lục địa với trùng dương

pháp nào là chẳng Pháp Phật ?

tâm nào là chẳng Tâm Thương ?

tung ra thì đạo mở muôn đường

khép lại thì bắt từng mảy bụi

ai ngàn xưa mở núi

ai ngàn sau hành hương

*thấy chẳng trong nhịp hoằng
dương*

*bóng Người Hộ Pháp lòng khuôn
Phật đà ?*

***Trích Trường ca Kalinga (Trúc
Thiên)***

Thầy rất thích đoạn thơ này, là lúc này Vua A-Dục đã giác ngộ. Lúc trước cũng đôi tay này, cũng tấm thân này đã gây cho người biết bao nhiêu đau khổ. Ông giác ngộ và hỗ trợ cho Phật Pháp rất nhiều. Tại sao ông lại có cái tướng không đẹp? Đó là lúc đưa bé cúng dường lên cho Đức Phật, lúc đó là tất cả tấm lòng của nó, nhưng mà lúc cúng tay chân còn lộ lem, còn dơ, cho nên sau này trở quả thì cái phước không hoàn thiện, không được đẹp lắm. Cũng có câu chuyện về cô gái cúng đất sét cho vị Thánh để Ngài làm thuốc, cô kỹ lưỡng chọn đất sét tốt để cúng dường, tức là có quả lành. Sau này cô có làn da rất là đẹp nhưng mà lúc cúng thì người cô chưa được sạch sẽ lắm, cho nên cô không đẹp toàn diện mà chỉ được đẹp ở làn da thôi. Cho nên khi làm được cái phước gì đó, cố gắng làm cho trọn vẹn, cố gắng tốt nhất có thể.

c. “Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara bạch Thế Tôn: "Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

Hai vị thỉnh Phật cúng trai Tăng và Phật nhận lời.

d. “Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ. Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người phạm hạnh. Và san sẻ công đức với Chư Thiên trú tại chỗ ấy. Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại. Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại. Chúng sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con. Và những ai được thiên thần thân mến luôn luôn được thấy may mắn.”

Lúc này sau khi thọ trai, Đức Phật thuyết dạy thêm cho hai vị đại thần. Ở đây Đức Phật dạy chúng ta nhớ hồi hướng cho chư Thiên. Thông thường chúng ta hồi hướng cho chư Thiên nơi đất của mình ở, rồi hồi hướng cho chư Thiên trên toàn cõi giới. Tại sao mình hồi hướng cho các vị này? Vì chúng ta cũng biết ơn họ đã giữ gìn, hỗ trợ cho vùng đất mình ở được bình yên. Khi chúng ta hồi hướng cho chư Thiên, không phải là họ nhận được phước từ mình, mà họ hoan hỷ với cái thiện tâm đó. Và họ sẽ tùy duyên hỗ trợ cho mình, chúng ta đối xử với họ bằng tâm nào, họ cũng sẽ đối xử với ta bằng tâm đó. Đôi khi chúng ta không biết trong cuộc đời của mình có những lần thoát được một số cái nạn tai nào đó, chúng ta tưởng đó là may mắn nhưng đôi khi đó là sự che chở, hộ trì âm thầm của một số vị chư Thiên. Nhưng không phải chúng ta hồi hướng cho chư Thiên để cầu điều gì, mà đây là lòng biết ơn và muốn chia sẻ những điều thiện lành đến mọi loài.

Có câu chuyện về ông Cấp-Cô-Độc (*Anāthapiṇḍika*), có một vị Thiên nữ sống trên nóc nhà của ông Cấp-Cô-Độc, vị này chưa có tin Tam Bảo và hay cản ông Cấp-Cô-Độc làm công đức. Nhưng ông Cấp-Cô-Độc là Sơ quả, cản ông cúng dường Tam Bảo, thì ông không cho ở trong nhà của ông nữa. Vị Thiên nữ này đi tới đâu cũng được khuyên là nên quay về sám hối với ông Cấp-Cô-Độc. Thế là vị Thiên nữ sám hối

và xin ở lại nhà ông Cấp Cô Độc, và hứa giúp với ông. Vốn dĩ ông Cấp-Cô-Độc này giàu có, nhưng có một số tiền vàng lớn chôn giấu ở dòng sông, rồi bị nước dạt trôi đi ra biển, còn một số cho mượn mà không trả. Thế là vị này mới tác động cho những người kia trả nợ cho ông Cấp-Cô-Độc, và bằng thần lực tìm lại số tiền, vàng bạc của ông Cấp Cô Độc đã bị trôi đi. Đối với các vị có thần thông là các vị làm được, nhưng không phải chư Thiên có thần thông thì làm gì thì làm. Nó cũng phải nằm trong vòng phước báu nghiệp quả, các vị đó âm thầm trợ duyên cho chúng ta ở một phương diện nào đó. Thứ nhất phải coi phước báu cũ của mỗi người đến đâu mà mình nhận được sự hỗ trợ thế nào, thứ hai là hiện tại chúng ta sống đối với họ như thế nào.

e. "Rồi Thế Tôn đi đến sông Gangā (sông Hằng). Lúc bấy giờ, sông Gangā tràn ngập nước đến bờ đến nỗi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ đuổi cánh tay được co lại hay co cánh tay đã duỗi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo".

Chi tiết này là Đức Phật sau khi thọ trai ở nhà hai vị đại thần thì nước sông Hằng dâng cao, thì lúc này Đức Phật dùng thần thông để từ bờ bên này sang bờ bên kia. Đôi lúc có một số trường hợp cần dùng thần thông thì Đức Phật vẫn dùng.

*** Sự kiện thứ 13: Ngài nói A-ān đi đến làng Kotigāma, Ngài dạy về Tứ Đế và Giới-Định-Tuệ.**

"Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ānanda: "Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Kotigāma"

"Xin vâng, bạch Thế Tôn". Tôn giả Ānanda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigāma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigāma"

Koti: là đỉnh, là nóc, *Gāma*: là làng. *Kotigāma* là cái làng nằm trên cái đỉnh, cái nóc, làng này nằm trên đỉnh, nóc của cung điện của một lầu đài.

Ở bài giảng trước, Thầy có giảng về một Thầy tên là Bhaddaji. Thầy xuất gia với Phật, một hôm khi Đức Phật về quê hương của Thầy thuyết pháp. Sau khi thuyết pháp xong và đang đi trên dòng sông Hằng, Đức Phật mới nói này Bhaddaji, con thấy gì dưới dòng sông này. Thầy Bhaddaji dùng tay bốc lên một tòa lầu đài ở dưới dòng sông, trong tòa lầu đài còn có tôm tép. Đức Phật kể, trong thời quá khứ xa xưa có hai cha con hộ trì, xây cốc cho 8 vị Độc giác trong 7 năm. Sau khi mất hai cha con sanh thiên. Rồi sau đó nữa người cha làm Vua chuyển Luân vương và ở trong cái lầu đài đó. Và đến thời Đức Phật Di-lặc (*Metteyya*) thì người Cha sẽ lại xuất hiện và tiếp tục làm Vua Chuyển luân vương cái lầu đài này khi đó lại hiện lên cho ông dùng. Sau đó ông sẽ đi xuất gia và tòa lầu đài biến mất. Vào thời Phật Thích Ca thì cái lầu đài này đang nằm dưới dòng sông. Làng Kotigāma nằm trên đỉnh, trên cái nóc của lầu đài này. Ngài Bhaddaji trong tiền nghiệp là con của vị Vua Chuyển luân vương này.

Chúng ta thấy là khi người có phước xuất hiện thì những cái khác nó có. Có những bài Kinh Đức Phật thuyết là đại địa chấn động. Hiện nay, có người chỉ cần ký một ký, ra một văn bản, nói một câu thôi thì cả năm châu này chấn động. Mình đôi khi không hiểu nhưng cái oai lực của người có phước là như vậy. Khi Ngài Bhaddaji dùng thần thông bốc tòa lầu đài đó lên thì những tôm, tép, cá tức là những thân quyến ở trong lầu đài vào thời đó, nhưng họ còn chấp vào nó nên còn ở. Sau đó Ngài bỏ tòa lầu đài xuống và nó ẩn rồi. Có rất nhiều câu chuyện mà Đức Phật

không dạy thì chúng ta không hề biết được, mắt mình là nhục nhãn. Mình không nhìn được thấy gì ngoài bức tường nhưng với những người đắc thiên, đắc thần thông sau bức tường họ thấy.

Đến đây thì Đức Phật thuyết về Tứ Diệu Đế:

“Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?

Tức là vì không giác ngộ, không hiểu Tứ đế mà sinh tử luân hồi, đấng cay mỗi một nghìn trùng thiên thu máu lệ.

"Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi..

Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi..

Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Nay các Tỷ-kheo khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dấy dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa."

Tức là khi giác ngộ rốt ráo, thì là một bậc Thánh Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả. *Tứ đế* là mọi sự hiện hữu ở cuộc đời này là *Khổ*, gọi là vô minh trong Tứ đế, bất tri trong Tứ đế, là không biết rằng mọi hiện hữu là *Khổ*. Dù ở đâu trong 31 cõi, trong Tam giới, sự có mặt của mình, sự có mặt của 5 uẩn là *Khổ*, là bắt đầu của cuộc hành trình đắng cay và nước mắt. Và vì không biết sự có mặt là *Khổ* nên tiếp tục đam mê, tham ái, tiếp tục luân hồi sinh tử đau khổ. Không biết rằng nếu có duyên lành gặp Phật pháp tu tập có thể đạt được *Diệt đế*, có thể chấm dứt được cái vòng luân hồi này. Và không biết con đường đưa đến chấm dứt luân hồi này chính là Bát chánh đạo, là giới định tuệ, là 37 Phẩm trợ đạo. Đó gọi là vô minh trong Tứ đế. Bây giờ chúng ta cũng hiểu Tứ đế nhưng chỉ hiểu trên Trí Văn, chỉ khi là bậc Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả mới thấy về Tứ đế một cách rốt ráo. Đức Phật nói khi mà thấy Tứ đế một cách rốt ráo rồi thì vòng luân hồi này chấm dứt.

Sau đó Ngài nói về Giới-Định-Tuệ:

"Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu"

*** Sự kiện thứ 14: Thầy A-Nan hỏi về sanh thú của chư vị Tỷ kheo, cư sĩ nam nữ tại Nadika và Thế Tôn đã giảng về Pháp Kính - Gương Chánh Pháp gồm: niềm tin bất động với Tam Bảo và không bao giờ phạm Giới đã thọ.**

"Này Ānanda, Tỷ-kheo Sātha diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này Ānanda, Tỷ-kheo ni Nandā đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại

đời này nữa. Đây Ānanda, cư sĩ Sudatta, diệt trừ ba kiết sử làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Đây Ānanda nữ cư sĩ Sujatā diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác. Đây Ānanda cư sĩ Kakudha đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa....

...Đây Ānanda, hơn chín mươi chín nam nữ cư sĩ mệnh chung tại Nāḍika, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Đây Ānanda, hơn năm trăm cư sĩ, mệnh chung tại Nadika, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác”.

Ở đây Đức Phật nói về sự sanh thú của các vị đã mất, "*sanh thú*" tức là nơi sanh sau khi mất. Sau đó Phật giảng về pháp Kính, tức là cái gương chánh pháp, qua đây để chúng ta nhìn và biết mình tu tập đến đâu. Ngài dạy về niềm tin bất động với Tam bảo và với giới, một người nếu có niềm tin bất động về Phật, Pháp, Tăng, Giới thì lúc đó người đó chứng Thánh.

“Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến. Nadika, tại ngôi nhà gạch. Đây Ānanda, thật không có gì lạ, vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này thời Ānanda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai. Đây Ānanda, vì vậy ta sẽ giảng Pháp kính (Gương chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngã quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác".

Mệnh chung là chết, chết có 4 lý do: hết tuổi thọ, hết nghiệp, hết tuổi thọ hết nghiệp và chết phi thời. Chết phi thời đôi lúc chưa hết tuổi thọ, chưa hết nghiệp mà là do buồn, giận, cảm xúc tác động vào sinh mệnh của mình. Có câu hỏi được đặt ra, tại sao có người lại chết yểu? Có 2 lý do chết yểu, thứ nhất là thời kỳ tuổi thọ ngắn quá, giả dụ tuổi thọ chúng sanh hiện là 70 tuổi, rồi từ từ xuống 60 – 50 thì chúng sanh thời đó phải chết sớm do tuổi thọ ít. Thứ hai là do bất thiện quá, hoặc là thiện quá. Bất thiện chết sớm là vì ác quá, làm quá nhiều điều bất thiện, một số điều bất thiện đó nó tác động đến tuổi thọ làm cho mình chết yểu. Nói dễ hiểu là đời trước sát sanh nhiều quá, cắt đứt sinh mệnh của chúng sanh nhiều, thì đời này nghiệp nó trở thì sinh mạng phải bị chết sớm như 5, 10, 20 tuổi. Còn thiện quá mà mất sớm là do có những quả lành nó trở, ví dụ người này trở quả lành phải ở thân tướng của một Chư thiên hào quang sáng chói, dung sắc của vị chư thiên, tuổi thọ của vị chư thiên, trong khi thân tướng của họ ở đời này có thể bị tật hay xấu quá, khổ quá. Với cái phước đang trở đó nó không hợp, không xứng đáng với cái thân đó, ở cõi đó, địa vị đó, hoàn cảnh đó, cho nên phải mất cái thân đó để tái sanh vào một thân tướng, cảnh giới tương xứng. Có một số mất sớm cũng là do bất thiện nghiệp, và một số là do thiện nghiệp nào trở quả. Ví dụ chúng ta thấy đang thân ở ngạ quỷ, địa ngục, giả dụ cái phước của ngạ quỷ trở thì có phải ngạ quỷ đó phải mất đi cái thân ngạ quỷ để tái sanh làm người hay làm chư Thiên.

Ở đây Đức Phật dạy chúng ta chỉ chắc chắn không còn bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là khi đắc Sơ quả Dự lưu. Chúng ta hay quy y và đọc thế này:

Quy y Phật không đọa địa ngục

Quy y Pháp không đọa ngạ quỷ

Quy y Tăng không đọa bàng sanh

Đại chúng phải hiểu thế này, *Quy y Phật không đọa địa ngục*, Phật là trí tuệ, Phật là ánh sáng, còn địa ngục là vô minh, là tối tăm thì khi chúng ta hành theo lời Phật, sống với chánh niệm, sống với phước đức, sống với ánh sáng trí tuệ, thì chúng ta không bị đọa địa ngục. *Quy y Pháp không đọa ngã quý*, ngã quý thì là luôn luôn khát khao muốn gom về. Trong khi tinh thần của Pháp, rốt ráo là buông bỏ, là ly dục, thì nương theo pháp thì mới không đọa ngã quý. *Quy y Tăng không đọa bàng sanh*, bàng sanh là hưởng thụ, bàng sanh là tối tăm, bàng sanh là mê ăn, mê ngủ, đắm trong năm trần, hưởng thụ. Còn chư Tăng là tỉnh thức, hòa hợp, thanh tịnh, chúng ta hành theo hạnh của chư Tăng mới không đọa bàng sanh.

Chúng ta phải nhớ rằng, chắc chắn cửa ngã quý, súc sanh sẽ đóng lại chỉ khi chúng được Dự lưu quả, gọi là Sơ quả, còn không chứng được thì không nói trước được điều gì, cho nên ngày chưa chứng Sơ quả thì chưa gọi là yên tâm. Ranh giới giữa phàm Thánh là chỗ Sơ quả, là bất vô nhập lưu là vào dòng Dự lưu. Còn chứng thiên thì an lạc, sanh về cõi lành, nhưng nhớ là sau khi hết phước đắc thiên rồi thì chuyện gì sau đó không nói trước được. Ở đây, Đức Phật nói về gương chánh pháp với bốn điều về bất động là: tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Phật, tin Giới. Là 9 ân Đức Phật, 6 ân Đức Pháp, 9 ân Đức Tăng, và tin giới. Sau khi tin bất động, mà bất động ở đây có nghĩa là đắc Sơ quả, ai bất động được điều này đồng nghĩa với chứng Sơ quả, Sau đó Ngài nhắc lại Giới - Định - Tuệ, mình mới hiểu được sự quan trọng của Giới - Định - Tuệ.

****Sự kiện thứ 15: Phật dạy thế nào là Chánh Niệm, thế nào là Tỉnh Giác và pháp tu Tứ Niệm Xứ tại Vesālī, nơi vườn xoài Ambapālī.***

Lúc này Thế Tôn cùng với quý Thầy Tỳ-kheo đi đến Vesālī, ở đây Ngài trú tại khu vườn xoài của bà Ambapālī. Đại chúng biết là bà Ambapālī là một người đặc biệt, bà là một kỹ nữ rất đẹp, bà cúng dường lên Đức Phật một khu vườn xoài, sau đó bà giác ngộ và xuất gia. Bà có một người con cũng xuất gia đắc Thánh. Cái tiền nghiệp của bà là trong thời quá khứ, bà Ambapālī đi cùng với các Thầy Tỳ-kheo đi khát thực, lúc này có tiếng tăng hăng và tiền thân của bà Ambapālī mới nói một câu thế này *"Đồ kỹ nữ, chỗ này mà cũng khạc nhổ được à!"* Vì lời nói ác khẩu, không được dễ thương đó xúc phạm một vị Thánh Tỳ-kheo ni mà nhiều kiếp bà Ambapālī đã bị đọa xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và sau đó được làm người. Nhưng khi làm người thì lúc nào bà cũng bị cái nghiệp làm kỹ nữ. Cho nên Thầy nói có những cái nghề là do cái nghiệp của mình, có những cái là mình được chọn lựa, nhưng có những cái là do cái nghiệp nó khiến cho mình làm cái nghề như vậy. Và có những kiếp bà biết tu, ngấm thấy cái cảnh trong bụng mẹ nó mệt mỏi, đắng cay, nhơ nhớp nên mới nguyện rằng được đắc Thánh quả nhưng kiếp nào mà chưa đắc Thánh được thì né bụng mẹ ra. Vào thời Đức Phật thì bà sinh ra ở dưới gốc xoài bằng hình thức hóa sanh rất đặc biệt. Tức là không có cha, không có mẹ, không cần có những điều kiện sinh học. Cái này mà chúng ta không học Phật Pháp mình nói *"mê tín, phản khoa học"* nè phải không? Không có gì hết, chẳng qua là mình chưa biết thôi, có các loại: **thai sanh** là sanh ra từ bào thai, **thấp sanh** là sanh ra từ nơi ẩm thấp, **noãn sanh** là sanh ra từ trứng, và **hoá sanh** là sanh ra mà không cần điều kiện sinh học không cần có cha mẹ. Cho nên đâu đó trong cuộc đời này, thân người mình là từ thai sanh, nhưng có một số trường hợp do cái nghiệp nào đó nó khiến cho người đó được sinh ra rất đặc biệt. Và như Ambapālī hoá sanh dưới gốc xoài.

Khi Đức Phật ở khu vườn xoài của bà Ambapālī thì người dân Licchavi muốn dâng cúng dường thọ trai lên Đức Phật và quý Thầy Tỳ-kheo, họ trao đổi với bà một số vàng rất lớn và mong bà nhường lại. Đại chúng thấy không, người mà hiểu được thì họ biết được có cơ hội cúng

đường lên Đức Phật, lên chư Tăng là một phần phước của cuộc đời vị đó. Thì khi ở đây, Đức Phật mới dạy cho quý Thầy thế nào là tỉnh giác và thế nào là chánh niệm.

“Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Vesālī. Ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapālī.

- Nay các Tỷ-kheo, các Ngươi phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an trú chánh niệm? Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với thân, quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời, đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Nay các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chánh niệm.

Này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác? Nay các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ Kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui, tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác khi mang áo sanghati (tăng-già-lê) mang bát, mang y, tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi đi; khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng. Nay các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống tỉnh giác. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Ngươi.”

Đức Phật dạy chánh niệm là quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên pháp. Quán thân, thọ, tâm, pháp, tức là ghi nhận những gì đang xảy ra ở thân, thọ, tâm, pháp. Quý vị nhớ là

ghi nhận, là "hãy gọi đúng tên tôi". Còn tỉnh giác là ban đầu mình chánh niệm, ghi nhận, rồi mình biết được cái này là nó vô thường, là khổ, là vô ngã, tức là biết được Tam tướng qua thân, thọ, tâm, pháp. Thì đó là tỉnh giác, tâm niệm, tâm tuệ, đây là tu tập thiền quán.

Có một chuyện đặc biệt, là Đức Phật nói thế này:

“Thế Tôn từ xa thấy các vị Licchavi liền nói với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy các chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên, hãy ngó chúng Licchavi, hãy nhìn chúng Licchavi. Này các Tỷ-kheo chúng Licchavi cũng giống như chúng Tam thập tam thiên".

Tam thập tam thiên là cõi trời Đao Lợi, Phật tán thán và nói quý Thầy nào chưa thấy chư thiên Đao Lợi hãy nhìn các thanh niên Licchavi này, họ có hình tướng giống chư Thiên Đao Lợi. Chúng ta không biết là họ đẹp hay thế nào, nhưng điều đặc biệt ở đây là Đức Phật dạy chúng ta nên phòng hộ sáu căn, không nắm tướng chung, không nắm tướng riêng để không sanh phiền não, tham, sân mà ở đây Ngài lại khuyến khích nhìn người dân Licchavi phải không? Ở đây Đức Phật muốn nói điều này để người nhìn hoan hỷ với cái nhân, cái quả lành, cái thiện pháp của người dân Licchavi. Họ được đẹp như vậy mà chúng ta biết nhìn, biết hoan hỷ với họ là mình có Phước. Khi đó ta không có tâm đồ kỵ, hiểu được rằng phải do nhân lành gì đó mà họ mới được như vậy, và muốn được như họ thì cố gắng gieo cái nhân lành hoan hỷ với công đức họ làm. Sau này trong đời mà chúng ta gặp những người đẹp, giàu, giỏi thì thứ nhất là mình tùy hỷ, hoan hỷ, thứ hai mình biết đây là quả lành của họ do có làm nhân lành chứ không đồ kỵ. Còn gặp người xấu, không giỏi giang hay nghèo khó, bệnh tật thì mình không chê bai hay khinh thường họ nha, và cũng hiểu vì cái nghiệp gì đó mà họ lại bị cái quả này. Chúng ta tu nhân quả là vậy, để tránh đi những cái nghiệp bất thiện, chứ không biết tu thì cái nghiệp xấu, quả xấu là của họ mà chuyển qua thành cái nhân xấu của mình. Rất nhiều lần trong cuộc sống này, chúng ta đã làm như vậy đó à, quý vị xem lại đi có đáng cay cho thân phận phàm phu của mình không?

Cuối cùng bao nhiêu năm tháng như vậy thì đựng vào đâu cũng thấy mình khổ hết, mình xem lại bài ***Tu Nhân Tu Quả*** nha. Và lúc này Đức Phật cũng nhắc lại về Giới - Định - Tuệ.

****Sự kiện thứ 16: Thế Tôn trải qua cơn bạo bệnh tại làng Baluvā và Thầy A-Nan thương Phật, cảm thấy Ngài yếu ớt như lau sậy.***

Lúc này Đức Phật trải qua cơn bạo bệnh tại làng Baluvā. Nhiều người trong chúng ta nghĩ: “*Ưu Phật mà cũng bệnh nữa sao Thầy?*” Dạ thưa đại chúng, tu theo Phật là để thoát khổ chứ không phải thoát nạn nha! “*Nam mô hai chữ từ bi, Phật còn bị hại huống chi là mình*”, cái nạn nào nó tới làm sao mình biết được phải không. Nhưng mà bị bệnh là một chuyện nha, là khổ thân thôi, còn khổ tâm lại là một chuyện khác. Chúng ta là từ khổ thân rồi chuyển qua khổ tâm, rồi từ khổ tâm lại chuyển sang khổ thân, ta khổ cả thân và tâm. Nếu mà người thường vì cơn bạo bệnh này mà có thể mất mạng, từ đây mà quý vị hiểu có thân là có bệnh. Hiếm ai có thân mà không bệnh lắm, trong Phật sử thì đặc biệt có Ngài Bạc-câu-la (*Bakkula*) là đệ nhất vô bệnh, 80 tuổi Ngài xuất gia rồi đến 160 tuổi Ngài nhập Niết-bàn mà không có bệnh. Trong cuộc đời Đức Phật, có những lúc Ngài đau lưng, đau đầu, đau bụng. Có lần thần y Jīvaka, vì thương Đức Phật nên đã tán mịn thuốc ra để vào trong hoa sen, cho Phật ngửi hoa sen rồi thuốc ngấm vào để chữa bệnh. 3 tháng trước khi nhập Niết-bàn, Ngài gặp cơn trọng bệnh, chúng ta đọc qua chánh Kinh:

“*Thế Tôn an cư tại làng Baluvā cùng chúng Tỷ kheo. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết. Nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán.*

- *Thế Tôn tự nghĩ: "Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức tinh tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp*

tục sống". Và Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục bệnh ấy duy trì mạng căn.

Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, Đức Phật rời khỏi tịnh xá và ngồi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tịnh xá.

Ngài Ānanda thấy Đức Phật bệnh nặng, Ngài thương Phật và nói như thế này:

Lúc bảy giờ tôn giả Ānanda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn kham nhẫn, bạch Thế Tôn, thấy Thế Tôn bệnh hoạn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng, dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng, Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

Thầy Ānanda là Đệ nhất Đa văn, Đệ nhất Thị giả, Đệ nhất Trí nhớ, Đệ nhất Kiên trì, Đệ nhất Oai nghi mà nghe Phật bệnh mà Thầy còn như vậy, mình nói sao Thầy Ānanda "yếu đuối" vậy phải không? Đại chúng nhớ là các bậc Thánh từ A-na-hàm trở lên mới hết tham dục và sân nên các Ngài không còn buồn, thương ở đây. Nhưng các vị chưa chứng quả A-na-hàm trở lên thì vẫn còn phiền não (lúc này Thầy Ānanda là Sơ quả thôi), dĩ nhiên là những phiền não gốc thì đoạn rồi, và tham dục, sân vẫn còn nhưng không nặng như người phàm. Thầy Ānanda là thị giả của Đức Phật và Ngài rất thương Phật, trong Kinh kể vào mỗi tối Ngài cảm ngọn

đền đi quanh Hương thất của Đức Phật 3 lần trong đêm để sắp xếp mọi việc an toàn, bảo vệ cho Đức Phật có một giấc ngủ ngon. Rồi đại chúng có nhớ lần khi Đề-Bà-Đạt-Đa (*Devadatta*) thả voi say Nālāgiri ra để hại Phật. Loài voi này to khỏe, lông của nó như cây lau, khi voi Nālāgiri uống rượu vô thì nó chạy tới muốn dẫm lên Đức Phật. Thầy Ānanda thấy vậy mới chạy đến trước Đức Phật để bảo vệ Phật, mà Thầy Ānanda quên là không ai có thể hại Phật, không ai có thể làm thân Phật chảy máu. Đức Phật nói Thầy Ānanda lui đi con, Thầy Ānanda quá thương Phật nên không nghe nhưng cho đến lần thứ 3 thì trong tích tắc thấy mình đứng phía sau Phật. Đức Phật nói: *"Này Nālāgiri, con là chúa tể của loài voi, ta là Thầy của trời người. Người ta cho con uống 12 hũ rượu để mê loạn tâm trí của con để con hại Như Lai. Con là Phật sẽ thành!"* Đức Phật thọ ký là sau này voi Nālāgiri là Phật Chánh Đẳng Giác nha quý vị.

Tại sao Thầy Ānanda lại thương Phật đến vậy? Trong huyết thống trước khi xuất gia Ngài cũng là dòng dõi vua chúa, trong hiện tại Thầy Ānanda là thị giả của Phật, được hầu cận, được gần gũi một con người vĩ đại như vậy, được thấy đức Thế Tôn trong từng cử chỉ, oai nghi, cách độ sanh của Ngài qua từng tháng ngày mà Ngài có mặt ở cuộc đời này, và hiểu Ngài trong cái hiểu của mình thì Thầy Ānanda thương Phật vô cùng. Nhưng mà chúng ta nhớ chi tiết là giữa Đức Phật và Thầy Ānanda, Thầy Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*), Thầy Mục-Kiền-Liên (*Moggallāna*), Thầy Ma-ha-Ca-Điếp (*Mahākassapa*), Da-Du-Đà-La (*Yasodharā*)... là các vị đã có nhiều kiếp đi chung với nhau lắm rồi. Cho nên không phải vì là thị giả mà Ngài thương Đức Phật không đâu, mà còn là duyên từ nhiều kiếp nữa đó quý vị, Ngài hộ trì, hỗ trợ cho Đức Phật.

Thầy muốn nói trong cuộc đời có những con người như vậy đó. Như Thầy Ānanda đối với Phật, trong đời này có những người mà quý vị thấy họ là quý vị thương, thương một cách kỳ lạ, như từ kiếp nào rồi, nhiều khi mình nói *"cần gì mình giúp liền luôn đó"*. Và đâu đó ở đời này luôn,

nhiều khi phải hy sinh cho người đó mình cũng dám hi sinh, giống như họ có một cái ân nghĩa nào đó với mình rất lớn rồi nên giờ chúng ta nhìn là thấy thương và biết ơn, hay cảm mến người đó. Phật tử có nhớ câu chuyện hai vợ chồng ông bà người Bà-la-môn, ông Nakulapita và bà Nakulamata thấy Đức Phật chạy ra ôm và nhận Ngài làm con không? Bà nói: “*Ông ơi ông con mình về*”, còn ông chạy ra ôm Phật: “*Bà ơi bà con mình về*”. Tại vì họ có nhiều kiếp làm cha mẹ Đức Phật rồi. Và cũng trong đời, cũng do duyên bất thiện nào đó, chúng ta gặp ai đó mà mình ghét cay ghét đắng. Ví dụ như Đề-Bà-Đạt-Đa (*Devadatta*), bao nhiêu người thương kính Phật không hết vậy mà Đề-Bà-Đạt-Đa thấy Phật là ghét, oan trái với Ngài. Thì chúng ta cũng vậy, Thầy chưa nói đến thiện và bất thiện nha, có những người mình gặp là thấy thương đến như vậy, giải thích theo Phật Pháp là cũng là do thiện duyên nào đó trong tiền nghiệp, từ đó mà nhân lên, đẹp hơn nữa là tình thương của Thầy Ānanda đối với Đức Phật, các Ngài đã rất nhiều kiếp đi với nhau.

****Sự kiện thứ 17: Đức Phật nói với Thầy A-Nan rằng Ngài không nghĩ rằng mình: “Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo” hay “Chúng Tỷ-kheo phải chịu sự giáo huấn của Ta”. Ngài là vị đạo sư với bàn tay rộng mở, không giữ lại một giáo gì.***

Đức Phật là vị Đạo sư thuyết Pháp với bàn tay rộng mở, tức là Ngài không có giấu gì hết, quý vị nhớ điều này. Pháp Phật là không có gì bí mật, hay huyền ký gì cả, như là Đức Phật dạy cho cư sĩ chúng này thôi, còn cái này là bí mật cho người xuất gia, không có điều đó nha. Đây là đoạn Kinh này đây:

“Này Ānanda, chúng Tỷ-kheo còn mong mọi gì nữa ở Ta! Này Ānanda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo và không phải mật giáo), vì này Ānanda, đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy).

Này Ānanda, những ai nghĩ rằng: "Như Lai là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo"; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Như Lai" thời này Ānanda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

Này Ānanda, Như Lai không nghĩ rằng: "Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta" thời nay Ānanda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?

Đại chúng nhớ vậy đó, Đức Phật là Ngài không nói rằng ta giảng nhưng còn giữ lại một chút. Ở đời thì khác, người ta có thể giữ lại một chút vì nghĩ rằng lỡ mà người học trò, đệ tử phản mình phải không ạ? Trong khi trong đạo Phật là:

Đệ tử bằng Thầy kém Thầy nửa đức

Đệ tử hơn Thầy mới khá truyền trao.

(Thiền sư Bách Trượng)

Tinh thần của một vị Thầy trong Phật Pháp là "*che mặt chỉ đường*", thấy đúng thì giúp thôi, không cần biết tên, không cần biết ơn, chỉ thấy đúng là làm thôi. Nó đẹp vậy đó đại chúng! Thầy xin nhắc lại là Đức Phật thuyết Pháp với bàn tay rộng mở, Ngài không giấu gì nha. Quý vị đừng nghĩ là chắc con là cư sĩ, Phật giảng riêng cho người xuất gia, Thầy giấu con, dạ không điều đó nha. Vấn đề là có những bài Kinh, chúng ta hiểu hay không hiểu thôi chứ Phật không giấu gì cả. Hôm nay mình nghe Đức Phật nói rõ ràng chưa ạ? Không có chuyện gì như là bàn tay nắm lại, như là mật giáo, cái gì cao siêu mầu nhiệm mà Ngài không dạy, hoặc là dạy cho đối tượng nào đó mà không dạy cho đối tượng khác. Ngài dạy hết, còn hiểu đến đâu là căn cơ, phước đức, ba-la-mật của mỗi người.

****Sự kiện thứ 18: Đức Phật nói lên sự già cỗi nơi thân.***

Lúc này Đức Phật đã 80 tuổi rồi, và tuổi thọ trung bình thời kỳ đó là 100 tuổi, thường pháp của các vị Phật Chánh Đẳng Giác là các Ngài nhập Niết-bàn trước tuổi thọ trung bình của chúng sanh vào thời kỳ đó. Ngài nói thế này:

“Này Ānanda, Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến tám mươi tuổi. Này Ānanda, như cỗ xe đã già mòn, sờ dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chống đỡ dây chằng. Này Ānanda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú vô tướng tâm định, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái”.

Tức là Đức Phật an trú trong định thì thân Ngài mới không đau nhức, còn bình thường thì thân Ngài cũng có đau, đau bụng, đau lưng. Có những lúc Phật thuyết Pháp thì Ngài để cho Thầy Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) thuyết, Thầy Mục-Kiền-Liên (*Moggallāna*) thuyết hay Thầy Đại-Ca-Diếp (*Mahākassapa*) thuyết. Nên chúng ta nhớ có thân là có bệnh nha, phước lắm thì mới ít bệnh thôi chứ còn vô bệnh như thầy Bạc-Câu-La (*Bakkula*) thì hiếm lắm. Có thân là có già, là có bệnh, chuyện đó phải xảy ra, Đức Phật nói lúc này thân Ngài đã già, thân Ngài đã bệnh rồi.

****Sự kiện thứ 19: Đức Phật dạy hã dùng Chánh Pháp làm ngọn đèn cho chính mình.***

“Vậy nên, này Ānanda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác. Này Ānanda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa

một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác."

Chỗ này rất quan trọng cho quý Phật tử. Trong cuộc đời này chúng ta thường hay "*nương*" lắm: nương vợ, nương chồng, nương con, nương cha mẹ, nương anh chị em, nương nhà xe, nương tiền bạc... quá chừng cái mình nương vào. Lâu nay mình nương nhiều cái như vậy, bây giờ mình ngồi học mà có cây cột là nương vào cây cột. Chúng ta là những chúng sanh thích nương, thích dựa, "*hãy cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ nâng thế giới này lên*", mà đại chúng nhớ là dựa thì có ngày bị dẫm, nhờ thì có ngày bị vả.

Mình là Phật tử, phải nhớ lời Phật dạy là "***dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác***".

Có những người nương người, nương đời mà sống: kệ, mình sao cũng được, mình suy nghĩ sao cũng không quan trọng, quan trọng là người khác, là hàng xóm, bạn bè, bà con nhìn mình như thế nào, mình sống làm sao mà người khác đừng đánh giá mình.

Có những người nương mình mà sống, anh nói sao kệ anh, chị nói sao kệ chị tui không quan tâm, mình thích gì thì làm đó, không quan tâm đúng sai, không quan tâm thị phi.

Xin thưa Phật tử, người con Phật là mình không nên như vậy nha. Khi mà chúng ta chưa chứng Thánh thì đừng vội tin vào tâm mình. Tâm mình vô minh, phiền não, nó lừa mình khủng khiếp lắm nha. Có những khi ta thấy điều này là tà kiến, ta phải mạnh dạn đặt câu hỏi cho bước chân đi của mình. Cho nên Đức Phật nói không nương mình, cũng không nương ai khác, mà nương vào Pháp, nương vào sự thật, nương vào chân lý, nương điều thiện. Lâu nay mình toàn nương theo cảm xúc không thôi,

ngày trước người kia buồn là nguyên ngày mình buồn, người kia vui là nguyên ngày mình vui, người kia cười thì mình vui, người kia mắng một câu là mình buồn cả ngày. Vậy là mình giống như cục đất sét rồi phải không ạ, người ta nặn làm sao mình ra y như vậy. Rất nhiều lần trong đời của mình, chúng ta sống mà niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc, khổ đau của mình lại do người khác quyết định.

Bây giờ chúng ta học Phật Pháp rồi thì không chuyện đó nữa nha, mình phải nương vào Pháp, đúng Pháp, đúng điều thiện, đúng lời Phật dạy thì nương vào.

****Sự kiện thứ 20: Phật dạy những ai dùng Chánh Pháp làm ngọn đèn được gọi là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo đệ tử Ngài.***

“Này Ānanda, những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, Này Ānanda là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.”

Tức là những vị nào nương vào Pháp, nương vào Pháp Học, hành theo Pháp Hành là Giới-Định-Tuệ thì sẽ được Pháp Thành là Tứ đạo, Tứ quả, Niết-bàn. Những vị nào sống theo Pháp, tùy pháp, *"Đi đứng nằm ngồi trong chánh niệm. Vào ra cười nói tướng đoan nghiêm"*, thì Đức Phật nói đây chính là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ngài.

Cuộc sống mưu sinh, cơm áo gạo tiền đôi lúc nó đẩy đưa làm mình đi xa con đường Đạo. Chúng ta mãi miết chạy theo cái gì đó để đạt được mục đích, mục tiêu, để rồi đến khi có rồi thì mới biết sự thật phũ phàng

và mâu thuẫn. Thầy ví dụ như khi còn trẻ mình bỏ sức khỏe ra làm quần quật ngày đêm, có khi là phải làm những công việc nguy hiểm để kiếm tiền, và khi có tiền rồi mình lại dùng tiền để mua thuốc uống lại cho sức khỏe. Dĩ nhiên là chúng ta còn sống ở đời, cuộc sống mưu sinh, chúng ta cứ làm việc trong chánh mạng để hoàn thành trách nhiệm của mình. Nhưng ngoài việc chúng ta cứ mãi mê chạy theo chuyện đời như vậy thì cũng hãy dành thêm những giây phút thực tập, thực hành thiện cấp thấp, thiện cấp cao như là hành thiện, làm các công đức.

Cuộc sống này nếu không biết tu tập thì nó cứ quanh quẩn như vậy, Thầy nhớ có câu chuyện về con chuột sa vào lu gạo. Con chuột mà nó vô được lu gạo rồi thì nó đắm trong lu gạo, nó không biết được rằng nó càng ăn gạo thì càng không có đường ra. Cái lu khi đầy gạo thì còn ra được, gạo mà hết rồi thì nó cũng ở dưới đáy lu, làm sao mà nhảy ra ngoài được phải không ạ? Và nó chết luôn ở trong đó. Chúng ta cũng vậy đó ạ, đôi lúc trong cuộc sống này, ta có chút sắc đẹp, tài sản, địa vị, thông minh... là ta đắm luôn trong đó, ta không còn nghĩ đến chuyện học Đạo đâu. Giàu quá khó học Đạo lắm, mà nghèo quá cũng khó học Đạo, bệnh quá cũng khó nữa.

Người xưa dạy "*Chiêu văn đạo dạ tịch khả hỷ*", sáng nghe Đạo chiều chết cũng vui, ở thời Đức Phật người ta thà bỏ mạng chứ không bỏ Đạo đâu. Bây giờ càng ngày càng xa Phật Pháp, chúng ta rất dễ đắm vào năm trần. Có đầy đủ vật chất thì càng có nhiều cơ hội để làm điều thiện, tuy nhiên đại chúng nhớ là làm phải làm điều thiện, nghề phải nghề chánh mạng. Và trong cuộc đời này Thầy biết là có những người muốn làm thiện không có điều kiện để làm, và cũng có những người có điều kiện để làm thì lại không đủ duyên, không có việc đó cho họ làm, chứ không phải có điều kiện thôi là quý vị có thể làm được đâu ạ. Có những trường hợp như vậy, cho nên chúng ta có thể nguyện xin Tam bảo "*Đời sau, và*

những đời sau nữa khi con muốn làm điều thiện là con đều có thể làm được".

****Sự kiện thứ 21: Thế Tôn ở tại Vesālī – nơi điện thờ Cāpāla, Ngài nói về Tứ Thần Túc ba lần và Ma-Vương che tâm Thầy A-Nan nên Thầy ấy đã không thỉnh Đức Phật trụ thế dài lâu.***

“Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn; tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: *"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người"*. Vì tâm tôn giả bị Ma vương che mờ.

Đức Phật nói như vậy nhưng Thầy Ānanda bị Ma vương che lấp tâm nên đã không thỉnh Phật trụ thế. Nhiều khi chúng ta đặt câu hỏi: *"Ưa Thầy Ānanda chúng Sư quả rồi còn bị Ma vương tác động hả Thầy?"* Mà đúng vậy đó nha quý vị, một vị Sư quả vẫn còn phiền não nên có khi vị này phiền não, có khi vị này phóng dật. Và Ma vương canh những lúc như vậy mà ám tâm Thầy Ānanda, không để cho Thầy thỉnh Phật trụ thế, như chúng ta hay nói là *"nhất đẳng huyền đai không bằng dao phay chém lén"* vậy. Ngay liền sau đó thì Ma vương đi đến bên Đức Phật.

****Sự kiện thứ 22: Ma-Vương thỉnh Phật nhập Niết-bàn.***

“Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn.

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta, khi nào những Tỷ-kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu".

Nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn, những tỷ kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ; đã trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn, hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!”

Khi Đức Phật vừa thành Đạo thì Ma vương đã thỉnh Phật nhập Niết-bàn, Đức Phật nói khi nào chưa có đủ tứ chúng và các đệ tử của Ngài chưa được sống trong Pháp, tùy Pháp, vững mạnh thì Ngài chưa diệt độ. Lúc này Ma vương nhắc lại lời Đức Phật và Đức Phật hứa với Ma vương là sau 3 tháng kể từ hôm nay Ngài sẽ diệt độ:

“Khi được nói vậy Thế Tôn nói với Ác ma: "Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ".

Sau lời hứa khả nhập diệt với Ma vương tại đền Cāpāla, đại địa chấn động, chúng ta cùng đọc chánh Kinh:

“Và tại điện thờ Cāpāla, Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái như sau:

Mạng sống có hạn hay vô hạn,

Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài.

Nội tâm chuyên nhất trú thiền định.

Như tháo áo giáp đang mang mặc.”

Quý Phật tử nhớ, những sự kiện quan trọng trong cuộc đời của Đức Phật thì trái đất rung động: ngày Phật đản sanh, ngày Phật xuất gia, ngày Phật thành đạo, ngày Phật niết bàn, hay Ngài thuyết những bài Kinh quan trọng. Chúng ta nghĩ làm gì mà trái đất rung động được, nhưng mà người có phước họ khác, không những rung động ở cõi người mà còn rung động ở cả chư Thiên. Thầy ví dụ chuyện nhỏ như ở thế giới mình có những người mà chỉ cần họ nói ra lời nào là cả thế giới rung động vì chuyện đó. Thì có những chuyện cả trời người rung động, chỉ là chúng ta không có thần thông hay có cái duyên để thấy được những sự kiện này.

****Sự kiện thứ 23: Thầy A-Nan nghe được đại địa chấn động nên hỏi Đức Phật nguyên nhân.***

Sau đó Thầy Ānanda thấy đại địa chấn động, Thầy hỏi Đức Phật thì Phật dạy như sau:

“Này Ānanda, có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động. Thế nào là tám?”

1. Này Ānanda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Này Ananda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

2. Lại nữa này Ānanda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

3. Lại nữa, này Ānanda, khi vị Bồ-tát ở cõi Tusita (Đâu suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

4. Lại nữa, này Ānanda, khi vị Bồ-tát, chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

5. Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

6. Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chuyển bánh xe Pháp, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

7. Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai, chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

8. Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai nhập vô dư y Niết Bàn, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động. Này Ānanda, do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động."

Với một con người vĩ đại như vậy, thì chuyện cả đại địa, đất trời rung động là chuyện bình thường. Giống như hình ảnh của một con voi, ngày mà Ngài đản sanh là hình ảnh của chân voi bước xuống cái thuyền nhỏ và cái thuyền chòng chành. Và hôm nay, Đức Phật hứa với Ma vương 3 tháng sau Ngài diệt độ thì là hình ảnh con voi bước ra khỏi cái thuyền thì nó lại chòng chành.

***Sự kiện thứ 24: Phật dạy về Tám Chúng và Ngài từng ở nơi tám chúng, tùy nghi hóa độ chúng sanh với thân sắc tương ứng các chúng sanh ấy.**

“Này Ānanda, có tám chúng. Thế nào là tám. Chúng Sát-đế-Lý, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, chúng Bốn Thiên vương, chúng Tam thập tam thiên, chúng Ma, chúng Phạm thiên.”

Này Ānanda, Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát -đế-ly hơn một trăm lần. Tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện, và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu, dung sắc của chúng Sát-đế-ly như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói của chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "Kẻ biến mất ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?".

Này Ānanda. Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Bà-la-môn hơn một trăm lần... chúng Cư sĩ... chúng Sa-môn... chúng Bốn Thiên vương... chúng Tam thập tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần, tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng vậy; giọng nói của chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "Kẻ biến mất đó là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" Này Ananda, như vậy là tám chúng.

Chúng ta học chi tiết này và phải rất thương Phật nha, đâu đó trong cuộc đời có những lúc Đức Phật trong thân tám chúng mà Ngài thuyết Pháp, tám chúng: chúng Sát-đế-Ly, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, chúng Bốn Thiên vương, chúng Tam thập tam thiên, chúng Ma, chúng Phạm thiên. Ngài đã rất nhiều lần thuyết Pháp như vậy với hình tướng, hình dáng của chúng nơi đó. Ví dụ như, là trong chúng hội Bà-la-môn thì Ngài hoá hiện là thân Bà-la-môn, hội chúng Vua thì Ngài là thân Vua, thuyết xong thì Ngài đi và mọi người không biết đó là Đức Phật, hoặc là có 20 vị cư sĩ ngồi nghe một vị cư sĩ thuyết pháp, họ không thể biết được người đó là Đức Phật. Và có thêm trường hợp là Đức Phật đến Ngài thuyết thôi chứ không thấy hình dáng của Ngài. Ở đây ta biết cũng giống như Phật giáo Bắc tông có Bồ tát Quan Âm, Ngài cũng hoá hiện nhiều hình tướng khác nhau.

Học đến đây ta thấy được tình thương bao la của Đức Phật. Những tháng ngày hiện hữu trên cuộc đời là Ngài đã làm tất cả những gì có thể để đưa người về với Phật Pháp, đến Tứ đạo Tứ quả.

****Sự kiện thứ 25: Đức Phật dạy về Tám Thắng Xứ.***

“Này Ānanda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám?”

1. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

2. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

3. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

4. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

5. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

6. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông Kanikāra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sắc vàng hình sắc vàng - như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

7. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujivaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng

màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

8. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai Osadhi màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám. Đây Ānanda như vậy là tám thắng xứ.

****Sự kiện thứ 26: Phật dạy về Tám Giải Thoát.***

“Này Ānanda, tám giải thoát. Thế nào là tám?

1. Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là sự giải thoát thứ nhất.
2. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là sự giải thoát thứ hai.
3. Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là sự giải thoát thứ ba.
4. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng khác biệt, với suy tư "hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ; đó là sự giải thoát thứ tư.

5. *Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ; đó là giải thoát thứ năm.*

6. *Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ; đó là sự giải thoát thứ sáu.*

7. *Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ; đó là sự giải thoát thứ bảy.*

8. *Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tướng; đó là sự giải thoát thứ tám.*

Ở mục thứ nhất là lấy thân mình làm đề mục tu tập, niệm bất tịnh, niệm thể trước, niệm bộ xương, màu trắng của xương, màu đỏ của máu.

Đề mục thứ 2 lấy cảnh bên ngoài làm đề mục. Đề mục thứ 3 là tu tứ vô lượng tâm. Đề mục thứ 4, 5, 6, 7 là tu 4 đề mục Vô sắc. Đề mục thứ 8 là tu tập Diệt Thọ Tướng Định.

****Sự kiện thứ 27: Đức Phật kể lại cho Thầy A-Nan về lời hứa của Ngài với Ma-vương khi Ngài mới thành đạo.***

Khi Đức Phật thành Đạo, Ma vương thỉnh Ngài nhập Niết-bàn, và lúc này Đức Phật kể lại với Thầy A-Nan lời hứa của Ngài với Ma vương.

“Này Ānanda, một thời Ta ở tại Uruvelā, trên bờ sông Neranjara, dưới gốc cây Ajapālanigrodha khi Ta mới thành đạo. Này Ānanda, lúc bấy giờ Ác ma đến tại chỗ Ta ở, khi đến xong liền đứng một bên. Này Ānanda, sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

Này Ānanda, khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

- "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo, tỷ kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ của ta, chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có truyền bá Chánh pháp thân diệu."

***Sự kiện thứ 28: Thế Tôn nói về sự nhập diệt sau 3 tháng nữa với Thầy A-Nan.**

"Này Ānanda tại điện thờ Cāpāla này, Ta nói với Ác ma: "Này Ác ma, hãy an tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay Như Lai sẽ diệt độ". Này Ānanda, hôm nay tại điện thờ Cāpāla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa).

Đức Phật kể với Thầy A-Nan là Ngài đã hứa với Ma vương 3 tháng sau sẽ nhập Niết-bàn. Thầy A-Nan thương Đức Phật lắm, khi Phật bị bệnh nặng, Thầy đã thấy thân như lau sậy, mắt mờ mịt còn lúc này thì Thầy A-nan còn buồn hơn nữa và xin thỉnh Phật trụ thế.

***Sự kiện thứ 29: Thầy A-Nan thỉnh Phật trụ thế.**

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho

chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

- Nay Ānanda, Ngươi có tin sự giác ngộ Thế Tôn không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin!

- Vậy, nay Ānanda, sao Ngươi lại làm phiền Như Lai đến ba lần.

- Bạch Thế Tôn, chính con được tận mắt, đích thân nghe Thế Tôn dạy như sau: "Nay Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Nay Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".

- Nay Ānanda, Ngươi có tin tưởng không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng!

- Nay Ānanda, như vậy là lỗi của Ngươi, như vậy là khuyết điểm của Ngươi, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Ngươi không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Nay Ānanda, nếu Ngươi thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Nay Ānanda như vậy là lỗi của Ngươi, như vậy là khuyết điểm của Ngươi."

****Sự kiện thứ 30: Đức Phật nhấn mạnh không có sự trượng lời Ngài đã tuyên bố ra mà lại không thực hiện.***

Tức là Đức Phật đã hứa với Ma vương 3 tháng nữa Ngài nhập Niết-bàn thì đúng 3 tháng nữa Ngài sẽ Niết-bàn. Đại chúng nhớ Ngài là Như Lai, nói sao làm vậy và làm sao nói vậy. Lúc này Thầy A-Nan đã 3 lần

thỉnh Phật trụ thế nhưng không được, và Ngài cũng nói có sanh phải có diệt, có sinh phải có già, có chết:

“Này Ānanda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân hình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch?”

Này Ānanda, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khởi có sự biến diệt? Thật không có sự trượng ấy.

Này Ānanda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng xả, khước từ, chính là thọ, hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: "Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ". Nói rằng Như Lai vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên thời thật không có sự trượng ấy.”

****Sự kiện thứ 31: Đức Phật cùng Thầy A-Nan đến rừng Đại Lâm tại giảng đường Kūtagāra, Vesālī. Ngài gọi các Thầy Tỷ-kheo đến và dạy về 37 Phẩm Trạo Đạo.***

“Này các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các Ngươi, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người? Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Này các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng

để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.”

37 Phẩm trợ đạo hay gọi là Đạo đế, là 37 chi phần đưa ta đến con đường giải thoát, Niết-bàn, chấm dứt tử sanh, đó là: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo.

****Sự kiện thứ 32: Lời nhắn nhủ của Đức Thế Tôn với chúng Tỷ-kheo tại Vesālī.***

“- Nay các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các Ngươi. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Đó là lời Thế Tôn dạy.

Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao,

Từ biệt các Ngươi, Ta đi một mình.

Tự mình làm sở y cho chính mình,

Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật,

Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm.

Ai tinh tấn trong pháp và luật này

Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.”

Đây là lời nhắn nhủ cuối cùng của Đức Phật ở Vesāli, Ngài dạy các Thầy các pháp có điều kiện, các pháp do duyên sinh thì đều vô thường. Mọi cái trên đời này đều là vô thường, là khổ, là vô ngã, hãy tinh tấn lên mà tu tập giải thoát, và Phật cũng nói sau 3 tháng nữa Ngài sẽ diệt độ.

****Sự kiện thứ 33: Cái nhìn của Voi chúa – Lần cuối cùng của Như Lai nhìn Vesāli.***

Sáng hôm đó Đức Phật đi khát thực về, Ngài nhìn lại thành Vesāli và nói với Thầy A-Nan:

“Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesāli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesāli, ăn xong và trên đường khát thực trở về, Thế Tôn nhìn Vesāli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ānanda:

- Nay Ānanda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesāli. Nay Ānanda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagāma”.

Kể từ bây giờ, tất cả những gì Đức Phật nói hay làm, bước chân của Ngài qua nơi nào đều là lần cuối. Chúng ta nhớ không bao giờ Đức Phật chỉ quay đầu lại khi nhìn lui, khi muốn nhìn là Ngài sẽ quay nguyên cả người qua, như hình ảnh của con voi chúa quay cả người ra sau. Đức Phật nói đây là lần cuối cùng Ngài nhìn Vesāli, quý vị có để ý những chỗ kia Đức Phật không nói phải không? Đây là điểm nhấn, ta hiểu là bây giờ Ngài sẽ không quay lại những nơi này nữa, thật cảm động phải không?

****Sự kiện thứ 34: Đức Phật đi đến làng Bhandagāma. Nơi đây Ngài dạy chư Tỷ-kheo về Thánh Giới – Thánh Định – Thánh Tuệ - Thánh Giải Thoát.***

“- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn? Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ không chứng đạt Thánh Giới mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh Định mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh Tuệ mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh giải thoát mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Nay các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

“Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng

Gotama danh xưng đã chứng ngộ.

Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng Tỷ-kheo.

Đạo Sư diệt khổ, pháp nhãn, tịnh lạc.”

****Sự kiện thứ 35: Thế Tôn lại lần lượt đi đến các nơi khác để giáo huấn chư Tỷ-kheo.***

“- Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Hatthigāma... Ambagāma... Jambugāma..., hãy đi đến Bhoganagara.

“Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.”

Đức Phật tiếp tục đi nhiều nơi để thuyết về Giới, Định, Tuệ. Ở đây là Đức Phật dạy tu tập kết hợp, lợi ích lớn nhất là đắc Đạo, đắc Quả, Niết-bàn, hoặc là được an lạc ở hiện tại, và sẽ là nhân lành cho đời sau nữa, là duyên lành cho ta làm các thiện pháp, các Ba-la-mật.

****Sự kiện thứ 36: Đức Phật giảng về Bốn Đại Giáo Pháp Bhoganagara.***

Bốn đại giáo pháp là bốn điểm tựa, bốn điều để chúng ta khẳng định một điều nào đó, ta nghe qua chánh Kinh:

“Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ānanda, Ngài nói với các Tỷ-kheo: - Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

1. Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "Này Hiền giả, tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư". Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "Chắc chắn

những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm. Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các Ngươi hãy thọ trì.

2. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: "Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư". Này các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thời các Ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ hai, các Ngươi hãy thọ trì.

3. Này các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: "Tại trú xứ kia có nhiều Tỷ-kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. Tôi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư". Này các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh

với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và, này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các Ngươi hãy thọ trì.

4. Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "Tại trú xứ kia, có một vị Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa, tự thân lãnh thọ; như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư". Này các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các Ngươi hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, bốn Đại giáo pháp này, các Ngươi hãy thọ trì.

Thứ nhất khi nghe một cá nhân nào nói rằng Đức Phật thuyết điều đó, thứ hai có một nhóm Tỷ-kheo nói rằng Đức Phật thuyết điều đó, thứ

ba là có *một nhóm danh Tăng* nào đó nói rằng Đức Phật thuyết điều đó, thứ tư là *một cá nhân xuất sắc* nào nói rằng Đức Phật thuyết điều đó, thì khi nghe như vậy chúng ta phải đem so sánh, đối chiếu với Kinh luật, lời dạy của Đức Phật xem có đúng hay không. Nếu như sai khác thì dù vị đó là ai cũng không nên tin. Thầy biết là có một số vị nghe là *"Phật nói như vậy, như vậy..."*, chúng ta không học và không biết là không dám cãi đâu. Nhưng mình học Phật Pháp rồi thì nên đem so sánh với lời trong Kinh, Luật, Luận để biết đúng sai, nếu không đúng thì vị kia dù có là ai đi nữa thì ta cũng nên đặt câu hỏi lại. Thầy ví dụ ai đó nói con ơi cuộc đời này đâu có vô thường, cuộc đời này làm sao mà vô ngã, thì xét lại chúng ta thấy không đúng với Kinh điển.

****Sự kiện thứ 37: Thế Tôn đi đến Pāvā – nơi vườn xoài của thợ rèn Cunda và nhận vật thực là món nắm mộc nhĩ do ông Cunda cúng dường.***

“Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ānanda:

- Nay Ānanda, chúng ta sẽ đi đến Pāvā.

Và Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ sắt Cunda, khi đến xong liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Nay Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo”

Lúc này chỉ còn một ngày nữa thôi, Đức Phật đến nhà ông Cunda và đây là bữa ăn cuối cùng của Đức Phật.

****Sự kiện thứ 38: Thế Tôn dạy ông Cunda chôn phần thức ăn thừa của Ngài xuống đất do đã có mỹ vị của chư Thiên cúng dường Đức Phật trong món ăn đó.***

Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Nay Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại. Ngươi hãy đem chôn vào một lỗ. Nay Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên, Nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

Chúng ta hiểu tại sao Đức Phật lại kêu bỏ phần cháo còn lại đi chưa a, lâu nay chúng ta được biết là do cháo nắm có độc phải không? Thật ra vì trong đó có mỹ vị chư Thiên cúng dường và với người thường thì không tiêu hoá được thức ăn này, kể cả con voi to lớn cũng không thể dùng được chứ không phải do cháo có độc. Ông Cunda là đệ tử cư sĩ chúng Sư quả, ông đã mang tất cả thức ăn ngon nhất mà ông có để cúng dường lên Đức Phật và chư Tăng.

****Sự kiện 39: Sau bữa ăn nơi nhà thợ rèn Cunda, Thế Tôn bị bệnh kiết lỵ nặng và dạy Thầy A-Nan cùng Ngài đi về Kusināra.***

“Sau khi dùng cơm của thợ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lỵ huyết, đau đốn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh.

Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ānanda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusināra.”

Bữa ăn này do ông Cunda cúng dường, là bữa ăn cuối cùng, nếu sau này chúng ta có độc đầu đó là cháo nấu thịt heo thì cũng không có gì lạ cả, là do dịch nha. Sau đó Đức Phật bị đau bụng nặng, Phật tử nhớ là Phật bị đau bụng không phải là do trong cháo có độc, mà tại vì trong tiền nghiệp của Ngài, Ngài là một người bán thuốc. Ngày nọ có người đến mua thuốc mà kỳ kèo bớt một thêm hai, thay vì Ngài bán đúng thuốc thì Ngài cho luôn cả thuốc xỏ vào. Cái nghiệp đó trở vào ngay lúc này.

Buổi trưa hôm đó, Ngài đã yếu lắm và Ngài nói với Thầy A-Nan là đi về Kusināra.

****Sự kiện thứ 40: Trên đường về Kusināra, Thế Tôn dừng nghỉ đến 25 lần. Từ nơi đây, có những sự kiện đáng nhớ đáng kính của người con Phật với bậc Đạo Sư của mình.***

Từ Thành phố Pāvā đi về Kusināra chỉ khoảng 8 đến 12 dặm đường tính theo địa lý thời đó, ấy vậy mà Đức Phật phải nghỉ chân 25 lần. (Sự kiện này được ghi lại trong Chú Giải Phật Tự Thuyết tập 2, tr 693_TK Siêu Minh việt dịch_thuộc Tiểu Bộ Kinh.)

Trên đoạn đường này, Phật đã giảng về hai bữa ăn có phước nhất đó là: bữa ăn của cô Sujātā - người cúng dường trước khi Ngài thành đạo, và bữa ăn của ông Cunda - người cúng dường trước khi Đức Phật nhập Niết-bàn. Tại sao vậy ạ? Ở bữa ăn của cô Sujātā, Ngài dùng và có sức khỏe để 49 ngày dưới cội Bồ đề chứng thành Phật quả, nhập Hữu dư y Niết bàn. Ở bữa ăn của ông Cunda, Ngài dùng bữa xong để có sức khỏe đi về Kusināra gặp người đệ tử cuối cùng và nhập Vô dư y Niết-bàn.

Và tại sao Ngài lại dạy về hai bữa ăn lớn? Là vì Ngài thương ông Cunda, Ngài biết mọi người sẽ hiểu lầm trong bữa ăn của ông Cunda là có độc, mà họ không hiểu là do tiền nghiệp của Ngài trở cái quả này.

Từ sự kiện này trở đi, đây là những bước chân cuối cùng của Ngài.

NHỮNG BƯỚC CHÂN TRONG ĐÊM CUỐI CÙNG THẾ TÔN VỀ LẠI KUSINĀRA NHẬP DIỆT....

41. *"Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc cây và nói với Tôn giả Ananda: - Nay Ānanda, hãy xếp tư áo Sanghāti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, nay Ānanda."*

42. *Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả Ānanda: - Nay Ānanda, hãy đem nước cho Ta. Nay Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước."*

Lúc này Đức Phật mệt lắm, Ngài ngồi nghỉ và bảo Thầy A-Nan đi lấy nước. Khi Ngài đến con sông thì có năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua làm nước đục, Thầy A-Nan không dám múc cho Đức Phật uống và Ngài quay trở về. Minh mà thương ai, đồ ăn có dở một chút, mặn đắng một chút cũng không muốn đưa cho người đó dùng, huống chi Thầy A-Nan lại thương Đức Phật đến có thể bỏ cả thân mạng này trăm ngàn lần vì Ngài.

****Sự kiện thứ 43: Ba lần Thế Tôn khát nước và bảo Thầy A-Nan lấy nước.***

“Lần thứ ba, Thế Tôn nói với tôn giả Ānanda: Này Ānanda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi tôn giả Ānanda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng, không vẩn đục.”

Và Thế Tôn uống nước.

Đến lần thứ 3 thì Thầy A-nan đem nước về cho Phật. Quý vị nhớ là với phước đức của Đức Phật, nước có đục mà múc cho Phật dùng thì nó sẽ tự nhiên mà trong. Thầy A-Nan cũng biết điều này, nhưng mà chỗ này cũng là một nghiệp quả của Đức Phật. Trong tiền nghiệp có con bò uống nước nhưng Đức Phật thấy nước đục và kéo mũi, không cho bò uống nước, mặc dù không phải là tâm xấu nhưng vẫn trở quả này. Thầy nói cho quý vị dễ hiểu, ví dụ mình đến nhà bạn, đói bụng lắm chuẩn bị ăn tô mì nhưng mà người kia lại bưng đi mất và nói thôi để lát nữa ăn hủ tiếu ngon hơn. Thì ở đây nghiệp quả của Đức Phật lại trở ngay lúc này. Rồi Đức Phật uống nước. Nói tới đây Phật tử thấy thương Phật quá phải không, chúng ta thấy cuộc hành trình sinh tử luân hồi thật khủng khiếp, từng cái nghiệp nhỏ thôi nhưng đủ duyên là nó sẽ trở.

Cái hình ảnh bữa ăn cuối cùng của Đức Phật, những cái nghiệp trở ra ngay lúc này. Còn luân hồi là còn hồi hộp. Đức Phật là người đã giác ngộ rồi, Ngài không còn tạo nghiệp nữa, dù là thiện hay ác. Nhưng những nghiệp cũ từ vô lượng kiếp nào của Phật, Ngài vẫn phải trả. Cuộc đời nó vốn khắc khe vậy đó, đâu phải mình bé nhỏ mà cuộc đời không nổi gió, nghiệp nó không mềm lòng với mình đâu. *"Phước bất trùng lai, họa vô đơn chí"*, phước thì thường không lập lại, còn họa thì nó thường không

đến một mình. Chúng ta học điểm này để hiểu rằng dù cho một nhân bất thiện nhỏ ta cũng không dám làm. Hình ảnh Đức Phật ăn bữa trưa xong Ngài mệt, Ngài đau bụng, Ngài khát nước nhưng không có nước để uống làm cho ta thấm thía điều này.

Thầy sẽ giảng tại sao Đức Phật lại về Kusināra - một thị trấn nhỏ lẻ, hẻo lánh để nhập Niết-bàn chứ không phải là một nơi nào đó mà Ngài thường thuyết pháp, hay những thành phố lớn, đông đúc dân cư, phồn hoa đô lệ. Vì ba lý do:

- Thứ nhất là Đức Phật sẽ độ cho vị đệ tử cuối cùng là Ngài Tu-Bạt-Đà-La (*Subhadda*). Thầy là vị đã chứng được Ngũ thông, và Thầy thấy được các giáo phái luôn tự xưng tôn giáo phái của mình là bậc nhất, và Thầy đem điều đó bạch hỏi Đức Phật cái nào mới là số một. Đức Phật nói với Thầy rằng nơi nào có Bát Chánh Đạo thì nơi đó có Tứ Đạo, Tứ Quả. Có những người Phật không độ thì các vị Thánh đệ tử Ngài có thể độ được, nhưng Ngài quán nhân duyên biết rằng nếu Ngài không độ Thầy Tu-Bạt-Đà-La thì không ai có duyên độ được vị này hết.

Đức Phật là vì một chữ "thương" đó ạ! Vì một người đệ tử cuối cùng. Chúng ta nhìn theo đời, một ông lão 80 tuổi bệnh nặng mà phải đi một đoạn đường xa đến nơi đó vì còn một người đệ tử chưa được độ. Đại chúng có thấy tình thương của Đức Phật khủng khiếp chưa, mình có thấy thương Đức Phật không ạ!

-Lý do thứ hai Ngài về Kusināra là vì Ngài muốn nhắc nhở cho tứ chúng về bài pháp vô thường. Xưa kia Kusināra là kinh thành của Vua Đại-Thiện-Kiến, một nơi phồn hoa đô lệ nhưng nay đã trở thành một thị trấn nhỏ lẻ, hẻo lánh. Ngài muốn nhắc nhở mọi cái trên cuộc đời này cũng đều vô thường, đều đổi thay. Và chính nơi này, Ngài đã 6 lần bỏ mạng tại đây, và lần này là lần thứ 7. Khi Đức Phật nằm xuống Ngài

cũng chọn nơi có lợi ích cho chúng sanh, như Ngài La-Hầu-La (*Rāhula*) nhập Niết-bàn nơi vườn Hoan Hỷ ở cung trời Đao Lợi lợi ích cho chư Thiên, Ngài Kiều-Trần-Như (*Añña Koṇḍañña*) thì ở trong núi có rất nhiều voi.

-Lý do thứ ba là vì ở đây có ông Dona. Vị này đã đắc Thánh A-na-hàm, ông có một đặc tài là có khả năng thương thuyết, chỉ cần có ông ở đâu là mọi chuyện sẽ được giải quyết trong nhẹ nhàng, ôn hoà, suôn sẻ. Đức Phật biết rằng khi Ngài nằm xuống nếu không khéo thì sẽ có sự tranh giành, chiến tranh chết chóc bởi vì các vị Vua chúa đều muốn tranh giành lấy Xá-lợi Phật. Chính vì vậy mà Ngài chọn nơi này, có ông Dona sẽ giải quyết tranh chấp trong hòa bình. Mà đúng là như vậy, sau khi Ngài nhập Niết-bàn thì ông Dona đứng ra thương thuyết phân chia Xá-lợi Phật ra làm 8 phần cho 8 nước.

Một con người mà chúng ta nói là 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, xa là 20 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp tu năm đại thí, ba pháp hạnh, vô số kiếp làm các công đức Ba-la-mật bậc thượng, trung, hạ, bao nhiêu lần máu lệ rơi, bao nhiêu kiếp Ngài đã cho vợ, con, tài sản, tứ chi, thân mạng mà đến kiếp cuối cùng khi công thành quả mãn Ngài đã thành Phật, đã làm xong những việc cần làm rồi, nhưng cái nơi mà nằm xuống Ngài vẫn còn nghĩ cho chúng sanh. Vẫn còn nghĩ để độ người đệ tử cuối cùng, để thuyết bài pháp vô thường, để tránh những can qua chết chóc, nói tới đây chúng ta thấy thương Đức Phật chưa? Bây giờ mình có hiểu được câu ***"Ai đức Thế Tôn cũng thương"*** chưa?

Con kính lạy Đức Thế Tôn, ai đức Thế Tôn cũng thương, điều gì đức Thế Tôn cũng biết, công đức lành nào đức Thế Tôn cũng có!

Có hiểu về Đức Phật mình mới tin sâu, có hiểu mình mới có thương a, còn nếu chúng ta hiểu lơ mơ thì mình cũng tin lơ mơ thôi. Rồi học cũng lơ mơ, hành cũng lơ mơ và cho ra quả cũng lơ mơ, nhân nào quả nấy mà phải không? Con tin Phật vì con hiểu Phật nha, chứ không phải con tin Phật vì con sợ Phật. Mà để hiểu thì mình phải biết qua từng chuyện nhỏ như vậy. Thầy giảng tặng bài này đến đại chúng để chúng ta hiểu và thương Phật nhiều hơn nữa. Khi chúng ta hiểu, tin và tôn kính Đức Phật thì đó chính là những phẩm vật tôn quý nhất của mình kính dâng lên cho Ngài nhân ngày thành Đạo sắp đến.

*** Sự kiện 44, 45, 46**

Ba sự kiện này kể về một vị tên là Pukkusa. Vị Pukkusa chính là đệ tử của ông Alāra Kālāma. Quý vị có nhớ ông Alāra Kālāma không? Ông là một trong hai vị Thầy mà sau khi Thái tử Tất-Đạt-Đa (*Siddhattha*) đi xuất gia, Ngài có học với hai vị Thầy là Alāra Kālāma và Uất-Đầu-Lam-Phát (*Uddaka Ramaputta*). Ở hai vị này Ngài chứng được Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, đây là những tầng thiền cao nhất vào lúc đó và cũng là những tầng thiền, những thiền chứng tâm linh cao nhất trong thời kỳ không có Đức Phật. Quý vị nhớ như vậy. Và đối với thế gian là cao tốt nhất. Nhưng Đức Phật biết đó là chưa phải là tận cùng, là rốt ráo, cho nên Ngài tiếp tục xin rời đi và dưới cội Bồ đề Ngài đã đắc thành Phật quả.

Vị thương buôn Pukkusa đi đến một đoạn đường, ở đó ông thấy Đức Phật ngồi thiền dưới gốc cây trong trạng thái trầm tĩnh của một người xuất gia rất đẹp, Ngài rất an nhiên, tĩnh tại. Sau đó vị này tới đánh lễ Đức Phật và thưa là ngày trước vị Thầy của mình cũng ngồi thiền trong trạng thái tĩnh lặng như vậy và có một câu chuyện xảy ra. Khi vị đó ngồi điềm nhiên như vậy, thì có 500 cỗ xe bò đi ngang nhưng cái vị đó không nghe.

Tại sao vị đó không nghe? Vì vị đó đang nhập định cho nên không nghe 500 cỗ xe bò đi bên cạnh.

Sau đó Đức Phật mới nói thêm, Ngài cũng đã từng ngồi trong trạng thái yên tĩnh thiền định đó, và không những là 500 cỗ xe bò mà ngay cả khi có những tiếng sét đánh xuống vang trời, có hai người nông dân chết mà Ngài cũng không nghe. Sự kiện 44, 45, 46 này nói về trạng thái rất trầm tĩnh của người xuất gia.

Có một điều Thầy muốn nói ở đây, là ông Alāra Kālāma ngồi thiền và không nghe tiếng xe bò vì ông đang nhập định, và với cái định đó ông không nghe. Nhưng mà có khác nhau với cái thiền không nghe của Đức Phật không? Chúng ta nhớ là khác nha! Cũng là không nghe nhưng thiền của Đức Phật là đi đến giải thoát. Còn ông Alāra Kālāma thiền cao nhất là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ và cảnh giới sanh về là Phạm thiên. Còn thiền của Đức Phật là đi đến rốt ráo của Niết-bàn.

Chúng ta cùng nghe qua chánh Kinh:

****Sự kiện 44: Vị thương buôn Pukkusa yết kiến Phật và thưa về sự trầm tĩnh của vị xuất gia.***

“Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài Alāra Kālāma đang đi trên con đường từ Kusināra đến Pāvā.

— Pukkusa, dòng họ Mallā thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallā, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, trạng thái trầm tĩnh của một vị xuất gia!

"Bạch Thế Tôn, thuở xưa, ngài Alāra Kālāma đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuống một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn, lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài Alāra Kālāma. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau lưng đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Alāra Kālāma và nói với ngài: "Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không?" - "Này Hiền giả, ta không thấy". - "Tôn giả có nghe tiếng không?" - "Này Hiền giả, ta không nghe tiếng". - "Có phải Tôn giả đang ngủ không?" - "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ". - "Vậy có phải Tôn giả đang thức tỉnh?" - "Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh". - "Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi". - "Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi".

Bạch Thế Tôn, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh của vị xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng".

****Sự kiện thứ 45: Phật nói cho thương buôn Pukkusa về sự trầm tĩnh của người xuất gia qua câu chuyện nhập định của Ngài.***

- Này Pukkusa, một thời, Ta ở Atumā, tại nhà đập lúa. Lúc bảy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Này Pukkusa, một số đông người từ Atumā đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết...

Này Pukkusa, lúc bảy giờ Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa, Này Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chờ Ta, đánh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên: - "Này Hiền giả, vì sao có số đông người

tụ họp như vậy?" - Bạch Thế Tôn vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào?" - "Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại đây". "Bạch Thế Tôn, Ngài không thấy gì cả sao?" - "Này Hiền giả, Ta không thấy gì". - "Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao?" - "Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì?" - "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang ngủ, phải không?" - "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ". - "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải không?" - "Này Hiền giả, phải". - "Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức, nhưng trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, nhưng Ngài không thấy, cũng không nghe gì". - Này Hiền giả, phải như vậy".

Này Pukkusa, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, dầu có mưa tầm tã ào ào, điện quang chói lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì, không nghe gì hết". Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở nơi Ta, người ấy đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt.

***Sự kiện 46: Thương buôn Pukkusa quy y Phật và cúng dường cặp áo kim sắc cho Thế Tôn. Đức Phật dạy cúng một chiếc áo cho Thầy A-Nan.**

“Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Alāra Kālāma, nay con đem rải rắc trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dòng nước cuốn. Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận

con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallā nói với một người khác: "Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc". - "Tôn giả, xin vâng". Người ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallā và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallā đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói:

- Bạch Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc. Mong Thế Tôn vì thương xót con mà thu nhận cho.

- Này Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ānanda một áo."

****Sự kiện 47: Sau khi thương buôn Pukkusa rời đi, Thầy A-Nan đắp tấm kim sắc lên thân Thế Tôn và điều kì diệu hy hữu xảy ra. Đức Phật nói lên hai trường hợp màu da của Thế Tôn sáng chói là trước khi Niết-bàn và trước khi thành đạo.***

Trước khi vị thương buôn rời đi ông có cúng dường cho Đức Phật hai tấm áo. Phật mới nói ông cúng cho Phật một cái và cúng cho Ngài A-Nan một cái. Khi Phật đắp áo lên người thì chuyện gì xảy ra, quý vị nghe nha:

“Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi.

- Thật vậy, này Ānanda. Này Ānanda, có hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói. Thế nào là hai? Này Ānanda, trong đêm Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa.

Này Ānanda, đó là hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.”

Tức là khi vị thương buôn này cúng dường cho Đức Phật hai tấm áo, Đức Phật nói cúng cho Ngài A-Nan một tấm, còn một tấm thì đắp lên mình. Thì khi Ngài đắp tấm áo đó lên mình thì màu da của Ngài rực rỡ, sáng chói. Dĩ nhiên màu da của Phật đẹp lắm, lúc nào cũng đẹp, nhưng mà đặc biệt có hai lần trong cuộc đời của Ngài: một là trước đêm thành đạo và hai là trước đêm nhập Niết-bàn màu da sáng chói rực rỡ hơn so với những ngày thường. Sự kiện này là muốn nói lên Đức Phật chuẩn bị nhập Niết-bàn.

Sau đó vị thương buôn này xin quy y với Đức Phật và rời đi.

****Sự kiện 48: Đức Phật dạy về hai bữa ăn có phước lớn nhất để khỏi có sự hối hận cho ông Cunda.***

“Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

- Này Ānanda, rất có thể có người làm cho thợ sắt Cunda hối hận: "Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho Người, thật là tai hại cho Người, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Người cúng dường, và nhập diệt". Này Ānanda, cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ sắt Cunda: "Này Hiền giả, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt. Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: "Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác? Thế nào là hai? Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn

di hưởng sanh tử. Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ; nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp; nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng an lạc; nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng danh tiếng; nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng cõi trời, nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng uy quyền".

Này Ānanda, cần phải làm cho thợ sắt Cunda tiêu tan hối hận.

Phật dạy về hai bữa ăn cho phước lớn nhất, lúc này Ngài nói với Thầy A-Nan, một phần để tránh sự hối hận của Cunda (Thuần Đà), một phần sợ người ta nói rằng do ăn bữa ăn cuối cùng cúng dường của ông mà Đức Phật bị bệnh, và Phật cũng muốn tán thán hai bữa ăn này. Hôm trước Thầy có giảng qua đoạn này.

****Sự kiện 49: Thế Tôn tiếp tục lên đường về Kusināra, Ngài nói với Thầy A-Nan rằng khi canh cuối giữa hai cây Sa-la, Ngài sẽ diệt độ.***

“Này Ānanda, hôm nay khi canh cuối cùng đã mãn, tại Upavattana ở Kusināra, trong rừng Sāla của dòng họ Mallā, giữa hai cây sālā song thọ, Như Lai sẽ diệt độ.”

“Tại Kusināra, giữa hai cây sālā song thọ, Ngài với tư thế dáng nằm sư tử, chánh niệm tỉnh giác. Và nói với Thầy A-Nan cho thông báo với dân làng nơi đó”.

Có nghĩa là, Đức Phật nói với Thầy A-Nan đêm nay vào canh cuối Ngài sẽ nhập Niết-bàn ở trong rừng của Kusināra, giữa hai cây song thọ và Ngài cho Thầy A-Nan thông báo với dân làng.

***Sự kiện 50: Cây Sāla nở hoa trái mùa rớt xuống cúng dường Như Lai cùng với hoa trời, nhạc trời. Phật dạy sự cúng dường tối thượng là sống và hành trì theo Pháp.**

“Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

- Nay Ānanda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hirannavati, đến ở Kusināra - Upavatama - rừng Sāla của dòng họ Mallā.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến bên kia sông Hirannavati, tại Kusināra Upavattana, rừng Sāla của dòng họ Mallā, khi đi đến nơi liền nói với Tôn giả Ānanda:

- Nay Ānanda, hãy trái chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sālā song thọ: nay Ānanda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, trái chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sālā song thọ. Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, hai chân để lên nhau chánh niệm và tỉnh giác.”

Khi tới khu Kusināra, Đức Phật nói trái tấm y xuống. Ngài nằm đầu hướng về phía Bắc trong tư thế kiết tường của con sư tử, chánh niệm,

tỉnh giác giữa hai cây sālā song thọ. Lúc này là chúng ta biết Đức Phật đến chỗ để Ngài nhập Niết-bàn rồi.

“Lúc bấy giờ, cây sālā song thọ trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá. Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Những thiên hoa Mandārava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài, nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.”

Khi Ngài nằm trong thế cát tường thì cây sālā nở hoa trái mùa, đầy cành lá và rơi xuống khắp thân của Ngài để cúng dường Ngài. Ngoài ra còn có hoa trời, có bọt trời và có nhạc trời cúng dường Đức Phật.

“Rồi Như Lai nói với tôn giả Ānanda:

- Nay Ānanda, các cây sālā song thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Mandārava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

Như chúng ta mà được hoa nở cúng dường, được chư Thiên cúng dường bản nhạc hay bọt trời, hay là một thiên hoa thì có phải mình thấy

quá vui rồi, quá hạnh phúc, quá xứng đáng rồi phải không? Nhưng mà Đức Phật nói hoa sàlà, nhạc trời, bột trời, hoa trời đó không phải là sự cúng kính cúng dường tối thượng Ngài đâu. Mà Đức Phật dạy thế này:

"Nhưng, này Ānanda, như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai. Này Ānanda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng. Do vậy, này Ānanda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ānanda, các Người phải học tập như vậy."

Sự cúng dường tối thượng không phải là cúng hoa. Chúng ta có mua hoa cỡ nào đi nữa cũng chỉ là biểu hiện tấm lòng của mình thôi. Cúng dường hoa trời, bột trời, nhạc trời cũng không phải là sự cúng dường tối thượng, mà sự cúng dường tối thượng chính là thành tựu Chánh pháp, sống tùy pháp, sống theo pháp, nương tựa pháp. Đại ý là quý vị có thực hành giáo pháp. Chính việc thực hành giáo pháp của mình đó là sự cúng dường tôn kính nhất! Thấy hạnh phúc chưa ạ?

Còn những chuyện chúng ta cúng hoa, cúng trái cây, hay là cúng cái gì cho Phật đó là biểu hiện tấm lòng của mình, là tốt thôi. Vì mình tôn kính Đức Phật mà, cúng một cành hoa, một đĩa trái cây cho Phật bằng lòng tôn kính có phước không? Có nha. Nhưng đại chúng nhớ, cúng dường tối thượng chính là sống trong Pháp. Mà đặc biệt là thành tựu chánh pháp, tức là đắc Thánh đó. Còn nếu chưa đắc Thánh thì sống tùy pháp, sống an trú trong pháp, thực hành giáo pháp, lấy pháp làm điểm tựa, nương tựa pháp mà sống là quý vị đã cúng dường lên Đức Phật tối

thượng rồi đó. Hạnh phúc chưa ạ? Cho nên từ nay, muốn cúng dường Đức Phật mà cúng dường tối thượng thì chính là việc hành trì Pháp, sống theo Pháp.

Trong cuộc sống, có thể đôi khi chúng ta không có đủ tiền để sắp xếp làm cái bàn thờ cho trang nghiêm. Thầy biết là có những trường hợp thương lắm, có nhiều Phật tử nghèo đến nỗi họ phải nhịn cái tiền ăn để mà cúng dường cho Phật một bình bông, một đĩa trái cây. Còn có những người không có nhà để ở. Nhà của họ là ở dưới gầm cầu, ban ngày đi làm, tối đến tìm cái vỉa hè nào để ở, đắp cái gì đó mà ngủ qua đêm. Thì bình bông, trái cây đâu mà họ cúng phải không? Nhưng mà có trường hợp, Thầy thấy có hai mẹ con cũng lớn tuổi, trước khi đi ngủ họ lấy hình Phật ra, niệm Phật, lạy Phật, rồi gấp lại và đi ngủ. Sáng sớm mai lại tiếp tục cuộc sống mưu sinh, đầu đường xó chợ đâu đó, nhưng trong lòng họ lúc nào cũng có Phật.

Hôm nay chúng ta nghe được tới đoạn này, dù ở bất cứ nơi nào và đi đâu, thì cũng nhớ *mình là con Phật*. Tùy hoàn cảnh, tùy điều kiện mà mình có thể hay không thể thờ Đức Phật trang nghiêm, tôn kính, nhưng trong lòng mình lúc nào phải cũng có Đức Phật. Mà để gọi trong lòng có Phật một cách có ý nghĩa nhất, tôn kính nhất, tối thượng nhất là hành pháp, tùy pháp, tức là sống theo pháp, nương tựa pháp, là cách cúng dường tối thượng nhất.

Còn ở đây, đến hoa trời, nhạc trời, bột trời những cái đó mà Đức Phật còn nói chưa phải là cách cúng dường tối thượng nhất. Hiểu được điều này thì mình biết để hành pháp, trì pháp thì đầu tiên phải bước qua giai đoạn học pháp. Học pháp rồi mới hành pháp. Qua việc hành pháp thì tùy duyên của mỗi người mà có pháp thành, thành tựu cái gì đó.

Hôm nay chúng ta học được cái chỗ quan trọng này, hạnh phúc lắm phải không. Bây giờ Thầy nói dù cho Phật tử có cúng một ngàn bình bông, hay một ngàn thứ trái cây cho Đức Phật thì cũng như vậy thôi. Chúng ta cúng thì mình lợi hay Phật lợi? Là mình lợi nha, Phật cho chúng ta cái gì thôi, chứ mình không cho Phật được cái gì đâu. Nhưng chính cái việc tôn kính Đức Phật như vậy thì đó là phần phước của đời mình. Nhiều khi Thầy thấy chúng ta không hiểu Phật, mình nói *"Hôm nay con cúng cho Phật một đĩa trái cây, một bình bông, là mấy ngày làm của con đó. Con cố gắng, sắp xếp lắm mới cúng được trái cây loại ngon, loại một, bông là bông tốt, bông đẹp"* rồi là *"Phật nhớ phù hộ cho con nha"*. Giống như chúng ta nghĩ là Phật cần bông và trái cây, nhận rồi Phật phù hộ cho mình. Không có nha! Ta hiểu đạo rồi, mình cúng là phần phước của mình. Vì tôn kính Phật mà mình cúng, nhưng ý nghĩa nhất là thực hành theo lời Phật dạy, là sống trong pháp, tùy pháp, nương tựa pháp và thành tựu cao nhất là thành tựu chánh pháp, tức là đến ngày đạt được Tứ đạo, Tứ quả, niết bàn. Đó là tuyệt vời nhất!

Sau này lạy Phật là để chúng ta học theo hạnh Phật, kính lạy Đức Thế Tôn, con học theo hạnh trí huệ của Ngài, con học theo hạnh từ bi của Ngài, dù là trong lúc này con thực tập những điều đó ít ỏi, nhỏ bé thôi. Đó là mình đang hướng về Ngài, lạy Phật là để học được cái hạnh gì nha.

****Sự kiện 51: Chư Thiên không nhìn xuyên qua thân Ngài Upavāna.***

Đức Phật có nhiều thị giả, nhưng vị thường đi theo Đức Phật nhiều nhất chính là Thầy A-Nan. Lúc này có một Thầy thị giả là Upavāna, Phật đang nằm và Thầy Upavāna đang đứng quạt cho Ngài.

"Lúc bấy giờ, tôn giả Upavāna đứng trước mặt Thế Tôn và quạy Ngai. Thế Tôn liền quở trách tôn giả Upavāna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta."

Tôn giả Ānanda, liền tự suy nghĩ: "Đại đức Upavāna này là thị giả sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavāna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta". Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavāna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt ta"?"

Rồi tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Đại đức Upavāna này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavāna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta." Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavāna: "Này Tỷ-kheo hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta"?"

- Này Ānanda, rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ānanda, cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusināra, Upavattana, rừng Sāla thuộc dòng họ Mallā, không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên thần có uy lực tụ họp. Này Ānanda, các vị Thiên Thần đang than phiền: "Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và tới hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỷ-kheo có oai lực này lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng". Này Ānanda, các chư Thiên than phiền như vậy."

Khi Đức Phật chuẩn bị nhập diệt bàn xung quanh bán kính nơi Phật nằm khoảng 12 do tuần (1 do tuần là hơn 16km), chư Thiên đứng sát nhau không còn một chỗ trống để lọt một mũi kim để đánh lễ Đức Phật. Nhưng các vị chư Thiên đó đang than phiền rằng các vị đến để đánh lễ Đức Thế Tôn, đêm nay Đức Thế Tôn nhập Niết bàn mà Đại đức Upavāna đứng không thấy được Đức Thế Tôn. Chúng ta nghe tiếp:

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?"

- Nay Ānanda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".

Nay Ānanda, có hạng Thiên thần ở trên đất với tâm tư thế tục những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".

Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng, với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được?"

"Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục" tức là chư Thiên đã đắc Thánh rồi, và các vị này không còn khóc nữa vì các Ngài không còn tham dục, không còn sân, không còn buồn, bậc Thánh A-la-hán thì không còn phiền não nữa. Các vị chư Thiên này nói "các hành là do vô thường", là

các pháp do duyên hợp thì phải do duyên tan, đã là vô thường thì làm sao mà tránh được. Không phải các Ngài không thương Phật, nhưng mà các Ngài thấy được cái chuyện Đức Phật có sanh, phải có tử, phải có niết bàn. Nói dễ hiểu là có sanh ra thì phải có chết đi, phải có ngày đó. Các pháp hợp rồi phải tan thôi.

Nhưng có những chư Thiên ở trên hư không và ở trên mặt đất, những chư Thiên này tâm tư còn thế tục, chưa đắc Thánh thì các vị này khóc than và than phiền. Thứ nhất vì có Ngài Upavāna đứng che không thấy được Đức Phật, thứ hai là *"Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm"*.

Đại chúng nhớ chi tiết này:

- Trên cung trời Tứ Đại Thiên Vương một ngày một đêm bằng ở dưới này 50 năm.
- Trên Đao Lợi một ngày một đêm bằng ở dưới này 100 năm.
- Trên Dạ Ma một ngày một đêm bằng ở dưới này 200 năm.
- Trên Đâu Suất một ngày một đêm bằng ở dưới này 400 năm.
- Trên Hóa Lạc một ngày một đêm bằng ở dưới này 800 năm
- Và trên cõi trời Tha Hóa Tự Tại một ngày một đêm bằng ở dưới này 1600 năm.

Chúng ta chỉ tính từ cung trời Đao lợi, Đức Phật hoàng pháp bốn mươi mấy năm thì trên đó chưa được một ngày. Từ khi Đức Phật thành đạo cho đến khi Ngài nhập Niết-bàn chỉ mới có nửa ngày của họ thôi. Cho nên họ mới thoảng gặp Phật mà bây giờ Phật đã nhập Niết-bàn. Ngày Phật thành đạo họ nói sẽ xuống đánh lễ Đức Phật, học hỏi nơi giáo

Pháp của Đức Phật, mà ngày họ xuống Phật nhập Niết bàn rồi, Thầy hay nói vui là chư Thiên đi trễ!

Thầy nói đại chúng nghe, mình làm phước thì làm trễ, đi học thì đi học trễ, người ta làm hết rồi tới phút chót mình mới làm. Có làm thì cũng tốt chứ, nhưng mà sau này quả lành cũng sẽ trở vào phút chót. Rồi tự hỏi tại sao người ta mọi chuyện được suôn sẻ, còn mình thì lên xuống trục trặc. Dĩ nhiên rồi mọi chuyện cũng được, nhưng mà đắng cay, mệt mỏi, tận cùng rồi mới thành. Quý vị làm phước vào giờ phút chót thì cái quả nó cũng tương xứng như vậy, cái gì cũng có cái giá của nó hết, nhân nào quả nấy nha. Thì cũng vậy, có những chư Thiên mới vừa thấy Đức Phật thành đạo xong, chưa kịp xuống đánh lễ là đã thấy Phật nhập niết bàn rồi.

Cho nên học bài học ở đây nha, thiện pháp làm được thì phải tranh thủ làm. Cuộc sống nó như vậy, tâm chúng ta vốn vô thường lắm. Mới ngày nào đó Phật tử thích cái đó chứ bữa sau chưa chắc thích cái đó đâu. Cái bình trà này bây giờ mình thích chứ chưa biết được tới bữa nào mình không thích nữa đâu. Hồi nhỏ chưa đi tu Thầy thích ăn chè lắm, cứ đến ngày 14, 15, 30, mừng một là ăn chè trừ cơm. Bây giờ nhìn ly chè hết thích rồi, qua thời kỳ thích ăn chè rồi. Có những cái trước kia Thầy thích lắm bây giờ không thích nữa, và có những cái trước kia Thầy không thích nhưng bây giờ lại thích. Đại chúng thấy rõ ràng cái tâm nó vô thường không? Rồi trong cuộc sống này có nhiều cái thay đổi lắm, nhất là cảnh trần bên ngoài. Các cảnh trần bên ngoài vốn là bất toại, là thay đổi, vô thường, nó sanh rồi diệt. Cho nên ta hiểu cái chuyện sanh diệt, đổi thay nó là chuyện gì đó rất là bình thường, nó là phải như vậy.

Quý vị thấy ở đây dùm cho Thầy là trong cuộc sống này khi mà mình có thể làm một việc thiện thì tranh thủ làm. Lúc trước là *"để từ từ"*

con làm", cái chuyện mà đắn đo, chọn cái gì để là tốt, tức là phải biết chọn cái gì là thiện nghiệp, phải biết lựa chọn cái nào tốt xấu, phải coi cái này có lợi ích không, làm có đúng chỗ, có hợp thời không, thì sau khi đã xác định làm hợp thời, làm lợi ích, có kết quả thì tranh thủ làm, nhanh nhẩu làm. Cái đó là biết chọn lựa. Còn cứ đắn đo, suy nghĩ trước sau, nên hay không nên, dù mình biết việc đó là việc thiện, cuối cùng tới giờ chót mới làm thì sau này quả nó trở vào phút chót. Quý vị hiểu chỗ này chưa? Học tới đây rồi sau này thấy có việc gì cần làm thì làm.

Trở lại chuyện các chư Thiên than phiền Ngài Upavāna đứng che Đức Phật, thì có chuyện này. Vào thời Đức Phật Tỳ-Bà-Thi (*Vipassī*), khi Ngài nhập Niết-bàn, người ta xây một cái tháp để thờ Xá-lợi Phật. Lúc đó tiền thân của Ngài Upavāna xin nguyện là kiếp sau Ngài sinh ra xin làm vị Thần bảo vệ tháp Xá lợi. Nhiều vị nguyện kì lạ lắm, hôm trước thì có người nguyện là vô bệnh như Ngài Bạc-câu-la (*Bakkula*), người nguyện là đệ nhất trí tuệ như Ngài Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*), người nguyện đệ nhất thần thông như Ngài Mục-Kiền-Liên (*Moggallāna*), có người nguyện sinh ra được đẹp nhưng không cần son phấn, còn Ambapālī thì nguyện né bụng mẹ được thì né, cuối cùng sinh ra dưới gốc xoài. Cho đến thời Đức Phật Ca Diếp (*Kassapa*) thì Ngài Upavāna là vị thọ thân và Ngài bảo vệ tháp Xá-lợi của Đức Phật Ca Diếp (*Kassapa*).

Rất đặc biệt cái chuyện nhân quả ở đây, với cái phước đặc biệt bảo vệ xá lợi Phật đó, đến thời Phật Thích Ca, Ngài Upavāna đi tu, chư Thiên tuy có thiên nhãn nhìn xuyên tường, nhìn thật xa được, nhưng không thể nhìn xuyên qua người của Ngài được. Có thể có một ngàn người, một tỷ người đứng trước chư Thiên và họ vẫn nhìn xuyên qua được. Nhưng đến chỗ Ngài Upavāna là không nhìn xuyên được, bởi vì Ngài Upavāna có cái phước bảo vệ tháp Xá-lợi Phật nên bây giờ phước đó trở người ta nhìn xuyên qua Ngài không được. Đại chúng thấy hay không ạ?

Cuộc đời này có nhiều người có phước lắm, đi đâu cũng có người bảo vệ hết, đi đâu cũng có người phò tá, hỗ trợ. Còn có người thì *"tự mình biết riêng mình, và ta biết riêng ta"* thôi, tự mình đi một mình, về một mình, làm gì cũng lui thủ một mình, nhiều khi người này người kia ăn hiếp cũng không có ai đứng ra bảo vệ. Nhưng có người có cái phước gì đó, họ đi đâu cũng có người hỗ trợ, bảo vệ hết, tại vì sao? Tại vì họ có cái phước đã từng bảo vệ, giúp đỡ, che chở, nâng đỡ cho người khác cho nên bây giờ đi đâu cũng được bảo vệ. Còn mình đi đâu người ta *"liếc mắt"*, nếu một, hai người thì không nói, chứ bị nhiều người quá thì phải coi lại. Nhiều khi mình không có ý gì hết nhưng mà người ta nhìn mình nghĩ thầm *"ông này có cái tướng không dễ thương"*. Năm người nói thì không gì mà cả ngàn người nói thì phải đặt lại câu hỏi cái nghiệp gì nó khiến mình bị như vậy.

Cho nên một số vị xuống đánh lễ lần cuối mà không thấy được Đức Phật mới than phiền, Phật nói Ngài Upavāna đứng ra một bên. Không học là sẽ không hiểu tại sao Phật kêu đứng qua một bên, Thầy lấy trong một tài liệu khác để giảng cái đoạn này. Còn trong này không nói Thầy Upavāna có phước bảo vệ, đó là lý do vì sao Phật tử phải nghe giảng để hiểu đoạn này.

****Sự kiện 52: Phật dạy về Bốn Thánh Tích để người đời sau chiêm ngưỡng, tôn kính.***

Có mấy lần Thầy sắp xếp đi Ấn Độ nhưng cứ trục trặc chuyện này chuyện kia nên chưa có duyên đi, đến Ấn Độ để đánh lễ Tứ động tâm và nhiều thánh tích khác. Trong đoạn Kinh này Đức Phật dạy có bốn nơi mà đến đó khởi lòng tôn kính, hoan hỷ cũng sanh phước.

“Bạch Thế Tôn, thuở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cư, từ các địa phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện.

Nghĩa là trước kia khi mãn mùa an cư quý Thầy về đánh lễ Đức Phật và những vị Tỷ kheo trưởng lão, đó cũng là phần phước và cái duyên lành để cho quý Thầy được học hỏi và dạy bảo. Nhưng bây giờ Thế Tôn sẽ nhập Niết-bàn và các trưởng lão cũng từ từ nhập Niết-bàn hết rồi thì chúng con phải làm sao? Đức Phật nói có bốn nơi mà chúng ta cần chiêm ngưỡng, đánh lễ và tôn kính:

Này Ānanda, có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?

"Đây là chỗ Như Lai đản sanh". Này Ānanda, đó là thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác", này Ānanda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", này Ānanda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

"Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn", này Ānanda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Đây là bốn nơi mà chúng ta cần chiêm ngưỡng, đánh lễ và tôn kính: chỗ Ngài đản sanh là vườn Lâm Tỳ Ni, chỗ Ngài thành đạo dưới cội Bồ đề, chỗ Ngài thuyết pháp bài pháp đầu tiên tại Vườn Nai và chỗ Ngài nhập niết bàn ở Kusināra giữa hai cây sālā song thọ. Phật nói tiếp:

Này Ānanda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Này Ānanda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: "Đây là chỗ Như Lai đản sanh", "Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", "Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", "Đây là chỗ Như Lai diệt độ, Nhập Vô dư y Niết-bàn".

Này Ānanda, và những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

Tức là bốn nơi đây chúng ta có chiêm ngưỡng và sau khi mất nhờ cái phước chiêm ngưỡng, cái phước tôn kính đó giúp cho mình sanh cảnh giới lành, cõi thiện thú, cõi Dục giới hoặc là chư thiên Dục giới.

Ở đây không phải chỉ cần đến đó nhìn thấy nơi Đức Phật đản sanh, nơi Đức Phật thành đạo mà có phước, mà cần phải khởi tâm tôn kính biết rằng tại nơi đây Đức Thế Tôn đã đản sanh, nơi dưới cội bồ đề Đức Thế Tôn đã thành đạo, nơi đây là Vườn Nai, Đức Thế Tôn đã thuyết bài pháp đầu tiên là Kinh Chuyển Pháp Luân, nơi đây là Kusināra dưới hai cây sālā song thọ Đức Phật đã nhập Niết-bàn, một con người vĩ đại như vậy, một con người đầy trí tuệ, từ bi, đức độ như vậy Ngài đã nằm lại

đây, ... mình thấy được những điều đó và khởi lòng tôn kính Đức Phật thì mới có phước! Chứ không phải chỉ thấy cái đó mà có phước, Phật tử nhớ điều này nha, sau này mà có cơ hội đến đó phải khởi lòng tôn kính Đức Phật.

Nhớ lại hôm trước Thầy giảng câu chuyện số 2 trong Kinh Pháp Cú, có anh thanh niên Matthakundali bị bệnh, nằm chấp tay tôn kính Phật vì bệnh nặng ngồi không nổi. Vị đó hướng tâm và khởi lòng tôn kính về Đức Phật rồi sau đó mất, nhờ phước tôn kính đó mà được sanh lên chư Thiên. Sau khi sanh lên chư Thiên thì anh mới quán xét lại tại sao mình được làm chư Thiên, và Matthakundali biết vì lòng tôn kính Phật. Lúc đó người cha đang thiêu xác của anh, và anh hoá hiện xuống khuyên cha mình nên quy y Tam Bảo. Qua đây chúng ta thấy gì? Đến nơi Tứ động tâm này, không phải chỉ thấy thôi mà được sanh phước, mà cần phải khởi tâm hoan hỷ và tôn kính thì sẽ được sanh phước, sanh phước là từ những tâm niệm đó.

****Sự kiện 53: Ngài dạy về cách cư xử với phái nữ.***

Trong chánh Kinh dạy như sau:

“Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào?”

- Nay Ānanda, chớ có thấy chúng.

- Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy chúng, thời phải như thế nào?

- Nay Ānanda, chớ có nói chuyện với chúng.

- Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với chúng, thời phải như thế nào?

- Nay Ānanda, phải an trú chánh niệm."

Đoạn này quý Thầy hỏi Đức Phật phải đối với người nữ thì như thế nào? Đức Phật nói chớ thấy, mà lỡ thấy rồi thì đừng nói chuyện, mà lỡ có việc phải nói chuyện thì phải an trú trong chánh niệm. Nhớ dùm Thầy hôm trước học trong Kinh Tăng Chi, Chương Một Pháp, nếu có một sức mạnh nào đó như sắc của người nữ thì người nam không tu được. Và nếu có một sức mạnh nào đó như sắc của người nam thì người nữ tu không được. Ở đây Đức Phật muốn nói đầu tiên là cái duyên nào cần phải tránh thì nên tránh, tu học đầu tiên là phải nên tránh, phải chọn lựa cái gì tiếp xúc và cái gì không nên tiếp xúc. Nếu mà phải tiếp xúc thì luôn luôn giữ chánh niệm. Từ đó hiểu rộng ra, trong bài **Tứ thực** có xúc thực, nghĩa là phải chọn lựa cái gì nên nghe, nên nhìn. Cái này quan trọng lắm, nếu không biết chọn lựa thì nhiều khi đang vui mà nghe cái đó thì trở thành buồn, sầu não, sai trái, nên cần phải biết chọn lựa.

****Sự kiện 54: Phật dạy xử sự thân Xá-lợi để cư sĩ lo, thân Như Lai sau khi Niết-bàn xử sự như Chuyển Luân Vương.***

- “*Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự thân xá-lợi Như Lai như thế nào?*”

- *Này Ānanda, các Ngươi đừng có lo lắng vấn đề cung kính thân xá-lợi của Như Lai. Này Ānanda, các Ngươi hãy nỗ lực, hãy tinh tấn hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn, chuyên hướng về tự độ. Này Ānanda, có những học giả Sát-đế-ly, những học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng dường thân xá-lợi của Như Lai.*

- *Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự thân Như Lai như thế nào?*

- *Này Ānanda, xử sự thân Chuyển luân Thánh Vương như thế nào, hãy xử sự thân xá-lợi Như Lai như vậy.*

- *Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân chuyển luân Thánh vương như thế nào?*

- Nay Ānanda, thân của Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới. Sau khi vắn vải mới xong, lại được vắn thêm với vải gai bện. Sau khi vắn vải gai bện, lại vắn thêm với vải mới, và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín. Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân của vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này và tại ngã tư đường, tháp của vị Chuyển luân Thánh vương được xây dựng lên. Nay Ānanda, đó là pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương.

Nay Ānanda, pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân Thế Tôn cũng như vậy. Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp, hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp), thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài”.

Tức là Thầy A-Nan hỏi Đức Phật sau khi Phật nhập Niết-bàn rồi, thân tứ đại của Ngài phải xử sự như thế nào? Đức Phật nói đừng lo quá về vấn đề cung kính thân xá lợi Như lai mà quý Thầy hãy lo chuyên cần tinh tấn tu tập. Nói đến đây mình thấy thương Phật chưa, cuối đời rồi đệ tử hỏi thì Ngài nói con đừng lo chuyện đó, lo tinh cần, lo chánh niệm đừng có phóng dật, lo tu đi con, còn thân ta đừng có quan trọng. Phật nói sẽ có các vị Bà-la-môn, có các vị Sát-đế-ly, có các vị gia chủ thâm tín sẽ lo cho Xá lợi, tức là lo hoả thiêu cho thân của Đức Phật như vị Chuyển Luân Thánh Vương.

Khi Đức Phật dạy thân Ngài đừng có lo, đã có các vị Bà-la-môn, có các vị Sát-đế-ly, có các vị gia chủ thâm tín sẽ lo, quý Thầy Tỷ-kheo đừng lo, quan trọng là lo tu. Chúng ta rút ra bài học này, quan trọng là mình sống như thế nào, chứ không phải là chết xong rồi như thế nào. Quan trọng giờ phút cận tử như thế nào, nếu mà hiểu đạo thì chết xong người

ta đem mình đi đâu cũng được, miễn sao họ thấy thuận lợi thì thôi. Thầy nói chết rồi đem vào bụi chuối cũng được, đem vào chỗ nào thân xác rã ra làm phân cũng được. Thời Đức Phật chết xong người ta hỏa táng, địa táng (chôn dưới đất), thủy táng (vứt dưới sông), điều táng (cho chim ăn), lâm táng (vứt ở trong rừng). Tức là không có quan trọng thân mình sau đó giục ở đâu, lúc đó còn đất, nước, gió, lửa thôi mà. Cho nên là người học Phật rồi quý vị đừng có nặng nề cái chuyện sau khi chết rồi cái thân này mình làm gì nha, con cháu muốn làm gì thì làm.

Ở Việt Nam thì địa táng đem đi chôn, hoặc hỏa táng gửi cốt trong chùa hay ở đâu đó, hoặc là thiêu xong rồi rải ra sông biển. Cái đó tùy tâm nguyện của mỗi người, hoặc là tùy tấm lòng của con cháu, nhưng cái đó không có quan trọng, nhớ không? Lúc đó cái thần thức của mình đi mất tiêu rồi, còn cái thân đó thôi, đối xử với cái thân mình thế nào không quan trọng. Còn con cháu biết ơn, biết lo thì cứ sắp xếp lo, nhưng cái người học Phật thì đừng lo quan trọng chuyện đó. Quan trọng là mình đã sống như thế nào! Mình sống làm sao như nước, mà nước ở thể khí chứ đừng có sống như ở nước ở thể lỏng. Sống ở nước thể lỏng tức là nước ở thể lỏng nó tìm chỗ thấp nó chảy xuống. Còn nước ở thể khí nó tìm cách nó bốc lên, là khi nhắm mắt một cái là mình sẽ đi lên như nước ở thể khí nó bay lên. Bay lên với những thiện nghiệp, với những công phu tu tập, theo đúng quy luật thì nó sẽ đi lên thôi, tùy khả năng mà đi lên đến đâu. Đi lên cõi lành Dục giới, cõi người hay chư Thiên dục giới. Nếu đắc Sơ đến Tứ thiên sanh lên cõi Phạm thiên Sắc giới, đắc Tứ không thiên sanh lên Phạm thiên Vô sắc. Vấn đề chúng ta là nước thể khí hay là nước ở thể lỏng. Nước ở thể khí thì theo quy luật tự nó bốc lên thôi, cái cây nó nghiêng về hướng nào thì nó sẽ ngã về hướng đó thôi.

Cho nên qua sự kiện các Thầy lo cho thân Đức Phật vì thương và kính Phật, Phật nói các Thầy đừng lo chuyện đó, hãy lo tu đi. Rút ra cái

bài học như vậy, quan trọng là mình sống có phước, có đức, có tu tập không, còn cái chuyện chết rồi con cháu muốn lo sao thì lo.

****Sự kiện 55: Bốn hạng người đáng xây tháp.***

“Này Ānanda, bốn hạng người sau này đáng được xây tháp. Thế nào là bốn? Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xứng đáng xây tháp. Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp. Đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp. Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ānanda, vì lý do gì, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp? Này Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Này Ānanda, vì lý do này, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp.

Này Ānanda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp? Này Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Này Ananda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Này Ānanda, vì lý do gì, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp? Này Ānanda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp đệ tử Thanh Văn của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Này Ānanda, vì lý do này, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp.

*Này Ānanda, vì lý do gì, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp?
Này Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp
của vị Pháp vương trị vì đúng pháp." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân
hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên.
Này Ānanda, vì lý do này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây
tháp.*

Này Ānanda, đó là bốn hạng người xứng đáng xây tháp”.

Đức Phật nói có bốn hạng người đáng được xây tháp:

1. Bạc Chánh Đăng Giác.
2. Phật Độc Giác.
3. Các vị Thánh Thanh văn.
4. Vị vua Chuyển Luân.

Tại sao các vị này đáng được xây tháp?

Nghĩa là Đức Phật nói khi xây tháp cho Đức Phật, cho bậc Chánh Đăng Giác thì sau này người có duyên lành nhìn vào cái tháp và hoan hỷ tán thán, đây là Phật Chánh Đăng Giác, đây là Phật Độc Giác, đây là vị Thánh, đây là vị Chuyển Luân Vương cai trị bằng đạo đức. Khi hoan hỷ với với những thành tựu tâm linh, những đức hạnh, trí tuệ, từ bi của các vị Thánh đó thì với cái tâm hoan hỷ đó thì sẽ được sanh lên thiện thú, cõi lành, chư Thiên.

Ngài Lakunṭaka được Phật tán thán là đệ nhất âm thanh vi diệu, nhưng trong Kinh kể Ngài rất là lùn, Thầy muốn nói ở cái chỗ tại sao Ngài lại lùn. Trong tiền nghiệp khi xưa, người ta xây cái xá lợi Phật, Ngài là kỹ sư làm công trình xây tháp đó. Người ta ủng hộ tịnh tài, tịnh vật, công sức muốn xây cái tháp thật lớn để xứng đáng với điều đó, để khi mọi người nhìn vào hoan hỷ với tháp của Đức Phật. Còn Ngài lại nghĩ xây gì mà lớn vậy, bớt một khúc đi, rồi khi làm thì bớt cái gì được thì bớt đi, rồi vì cứ bớt như vậy nên sau này Ngài sanh ra làm người còn có một khúc thôi. Phạm phu không xứng đáng thì không nói gì, mà đây

là tháp cho Đức Phật, Phật Độc Giác, các vị Thánh Thanh văn, các vị Chuyển luân vương, nhìn vào tháp mà hoan hỷ với các Ngài, với những thiện nghiệp, với những công đức, thành tựu tâm linh, giới - định - tuệ của các Ngài, các Ngài vĩ đại như vậy thì chỉ cần hoan hỷ với các Ngài là đã có phước rồi. Cho nên mình đổ kỵ với ai chứ đổ kỵ với bậc Thánh là nghiệp nặng lắm.

Tôn giả Losaka Tissa tiền thân Ngài đổ kỵ với một bậc Thánh, người ta cúng dường bữa ăn cho bậc Thánh mà đem về giữa đường Ngài giục vô đồng lửa. Và vì vậy sau này, khi Ngài Losaka Tissa sinh vào thời Đức Phật không bao giờ Ngài được ăn một bữa cơm no đầy đủ. Đến cuối đời Thầy Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) khát thực về, cầm vào bát và Ngài Losaka Tissa mới được ăn bữa cơm, đó là bữa cơm đầy đủ đầu tiên mà cũng là cuối cùng trong đời. Bởi vì cái nghiệp đổ kỵ với bậc Thánh nó khủng khiếp lắm, cho nên mình tùy hỷ với các bậc Thánh, với công đức của các Ngài là có phần phước rồi.

****Sự kiện 56: Thầy A-Nan dựa trên cột cửa và đứng khóc.***

Trong đêm đó Đức Phật sắp Niết-bàn, trong chánh Kinh:

“Bạch Thế Tôn, tôn giả Ānanda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa!"

Thầy A-Nan lúc này mới được Sơ quả thôi. Bậc Sơ quả, Nhị quả và Tam quả là các vị bậc Thánh hữu học, bậc Thánh A-la-hán mới gọi là bậc vô học. "*Vô học*" ở đây không phải là không đi học nữa, mà là "*Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc gì cần làm đã làm xong, không còn trở lui lại trạng thái này nữa*". Đó là không cần phải tu tập để đoạn tận phiền não nữa, việc đó đã xong, mười kiết sử đã đoạn, tứ Thánh quả đã chứng nên được gọi là "*bậc vô học*". Còn các vị Sơ quả, Nhị quả và Tam quả

vẫn còn phiền não đề đoạn, chưa đắc được đến mức cuối cùng là niết bàn A-la-hán, cho nên Ngài A-Nan mới nói *"Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học"*.

Đức Phật sắp nhập Niết-bàn và dĩ nhiên Thầy A-Nan là có nhiều người thương lắm, nhưng mà đại chúng nhớ ở đây, người mà thương, mà hiểu Thầy A-Nan nhất là Đức Phật. Thầy A-Nan thì không hiểu hết Đức Phật chứ Phật thì hiểu hết Ngài A-Nan. Giống như mẹ và con, mẹ hiểu hết con chứ con không có hiểu mẹ nổi đâu, trong cái chừng mực nào đó của thế gian người con làm sao hiểu hết được lòng mẹ được phải không? Nhưng mà người mẹ thì hiểu hết lòng con. Muốn hiểu hết lòng mẹ như thế nào thì quý vị lập gia đình, có con rồi sẽ hiểu lòng người mẹ như thế nào, còn bây giờ mình là một đứa con chưa lập gia đình, chưa có con thì chưa thể hiểu được tình mẹ đâu.

Thầy A-Nan thấy một người thương mình và hiểu như vậy, người đó sắp sửa niết bàn, nên đứng tựa cửa khóc ngon lành vậy đó. Mình nhìn qua tưởng Thầy A-Nan là người phạm tục, nhưng không phải, Ngài là bậc Sơ quả, chỉ vì Ngài thương Đức Phật, gắn liền với cuộc đời của Đức Phật. Và sự kiện Đức Phật nhập niết bàn có nhiều chuyện gắn liền với cuộc đời của Ngài A-Nan. Nói theo đời, chúng ta cứ hình dung ông lão 80 tuổi làm thị giả cho ông lão 80 tuổi, cả hai cũng yếu hết rồi. Ở đây chúng ta ngầm hiểu là không còn ai hiểu và thương Ngài A-Nan như Đức Phật.

****Sự kiện 57: Phật cho gọi A-Nan và dạy các pháp là vô thường.***

Đức Phật thấy Thầy A-Nan đứng khóc như vậy, Ngài biết nên cho gọi Ngài A-Nan đến bên để thuyết pháp.

“Thế Tôn nói với tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

Thôi vừa rồi, Ānanda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than. Nay Ānanda, Ta đã tuyên bố trước với người rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay Ānanda làm sao được có sự kiện này: "Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt?" Không thể có sự kiện như vậy được. Nay Ānanda, đã lâu ngày, người đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng. Nay Ānanda, người là người tác thành công đức. Hãy cố gắng tinh tấn lên, người sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu”

Đức Phật nói với Ngài A-Nan mọi cái sanh ra thì phải mất đi, có sanh thì có già, có tử, có biệt, mọi chuyện trên đời có hợp rồi có tan, có hợp thì có chia ly, có sanh là có tử. Đó là chuyện phải xảy ra. Đức Phật tán thán Thầy A-Nan đã đối với Đức Phật bằng thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp từ hoà, từ bi, từ ái, thương Phật bằng lòng từ mà *"có một không hai"*! Thầy đang đọc đoạn này mà Thầy rung động. Tình thương của Thầy A-nan với Phật khủng khiếp lắm. Và Đức Phật xác chứng cho Thầy A-Nan là không bao lâu Ngài sẽ thành bậc Thánh A-la-hán.

Đối với Ngài A-Nan, nhiều cái Thầy bình thản lắm nhưng đây là một con người quá vĩ đại, cho nên Ngài còn một chút phiền não, chứ không phải Ngài khổ khóc than như mình nha. Giọt nước mắt của bậc Thánh Sơ quả khác với giọt nước mắt của mình ở chỗ nào? Ở đây Thầy diễn tả như thế này, quý vị cứ lấy cái chảo nóng lên, nhỏ giọt của bậc Thánh xuống, nhỏ xong nó tan liền. Còn giọt nước mắt của mình là giọt nước mắt trầm luân, của ái luyến, vô minh, giọt nước mắt của sanh tử, phiền muộn, khổ đau, và nó cứ lớn thêm, nhiều thêm, nó bền chặt lắm. Còn đối với các bậc Thánh Sơ quả như Ngài A-Nan, Ngài cũng thương,

cũng buồn, cũng rơi giọt nước mắt, nhưng giọt nước mắt đó tan liền, Ngài khóc mà không khô như mình. Chúng ta không thể đem tâm phàm mà nghĩ cho bậc Thánh được nha.

***Sự kiện 58: Phật tán thán Ngài A-Nan là Đệ nhất Thị giả và có những đức tánh kỳ diệu là đại chúng thích nghe A-Nan nói và A-Nan im thì đại chúng sẽ thất vọng.**

Đức Phật tán thán Ngài A-Nan là đệ nhất bậc thị giả và có những đức tính rất là kỳ diệu, trong chánh Kinh thế này:

“Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những thị giả tối thắng như Ānanda của Ta. Này Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những vị thị giả tối thắng như Ānanda của Ta vậy”.

Này các Tỷ-kheo, vị Chuyển luân Thánh vương có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu.

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-lỵ... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương, chúng sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương và nếu vị Chuyển luân Thánh vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói chuyện, và nếu vị Chuyển luân Thánh vương làm thỉnh thời chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ānanda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo... chúng Tỷ-kheo ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ānanda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ānanda. và nếu Ānanda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài

thuyết pháp, và nếu Ānanda làm thính, thời này các Tỷ-kheo chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, Ānanda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu như vậy.

Chỗ này Đức Phật tán thán Ngài Ānanda là đệ nhất thị giả. Ngài A-Nan có 5 hạnh đệ nhất: *đệ nhất thị giả, đệ nhất kiên trì, đệ nhất cử chỉ tốt đẹp, đệ nhất đa văn, đệ nhất trí nhớ phi thường.*

Sau đó Đức Phật nói các vị Chuyển Luân Vương có những đức tính rất là kỳ diệu, đó là khi các Ngài nói thì người ta hoan hỷ. Ví dụ ở một đạo tràng, một hội chúng, vị vua Chuyển luân vương nói thì mọi người hoan hỷ, còn Ngài không nói thì mọi người buồn và đợi, Thầy Ānanda cũng vậy. Đặc biệt Thầy A-Nan mà nói thì người ta rất là vui, người ta chờ đợi Ngài nói, và rất là hoan hỷ khi Ngài A-Nan nói. Còn Ngài tới hội chúng mà không nói thì người ta buồn, người ta chờ đợi.

Có những người có cái phước như vậy đó, đến nay quý vị quán xét lại trong đời xem có những người như vậy không? Người đó mà ở đó thì người khác mong được họ nói, được chỉ dạy. Họ có phước đức gì đó ở giọng nói, ở tâm lành của họ, chỉ cần người đó xuất hiện thôi là nhiều người muốn nghe người đó nói.

Còn mình xuất hiện ở đâu, mình không nói người ta vui, mình nói người ta buồn, vì lời nói của mình toàn dao găm, lựu đạn, mảnh chai chứ mình đâu có nói lời bao dung, thì làm sao mà người ta không sợ mình.

“Lời nói không là dao, nhưng cắt lòng đau nhói.

Lời nói không là khói, nhưng nghe mắt cay cay.

Lời nói không là mây, sao đưa ta xa mãi.

Sao không ngồi dừng lại, nói với nhau nhẹ nhàng!

"Phù sĩ xử thế phủ tại khẩu cung, sở dĩ trăm thân do kỳ ác ngôn", phạm ở đời như búa trong miệng, sở dĩ tự chém mình cũng vì lời nói ác. Có những người không có phước, họ nói ra mình cảm thấy tự cao, tự đại, tự mãn, khinh khi, xía xói làm sao. Có những người tâm của họ cũng lành lặn, không phải là tâm xấu đâu, nhưng khi nói ra thì không có cảm tình với giọng nói của họ, chứ không phải là tâm họ xấu.

"Thiện ý một câu ấm ba đông, lời ác lạnh người sáu tháng ròng", với tâm lành mình nói người ta ấm lòng ba mùa đông, mà với lời ác có thể làm cho người ta lạnh lòng sáu tháng. Cái lời nói nó quan trọng đến như vậy. Ở đây Thầy Ānanda có cái phước đặc biệt như vậy, nói thì người ta vui, không nói người ta chờ, người ta buồn.

****Sự kiện 59: Thầy A-Nan thỉnh Phật dừng nhập diệt tại Kusināra nhỏ bé. Phật dạy trước đây Kusināra là kinh đô phồn thịnh, là kinh đô của vua Thiện Kiến (Tiền thân Phật).***

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to lớn hơn như Campā (Chiêm-bà), Rājagaha (Vương Xá), Sāvattthi (Xá-vệ), Sāketa (Sa-kỳ), Kosambi (Kiều-thương-di), Bārānasi (Ba-la-nại). Thế Tôn hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.

- Nay Ānanda, chớ có nói như vậy, nay Ānanda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc.

Này Ānanda, thuở xưa có vị vua tên là Mahasudassana (Đại Thiên Kiến). Vị này là Chuyển luân vương, trị vì như pháp, là vị pháp vương, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Này Ānanda, đô thị Kusināra này là kinh đô của vua Mahasudassana, tên là Kusāvātī (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần.

Thầy Ānanda thỉnh Phật dừng nhập diệt ở Kusināra nhỏ bé này, có nhiều nơi rộng lớn, phồn vinh hơn. Đức Phật nói ở đây đã từng là kinh đô, Ngài đã có sáu lần bỏ thân ở đây, lần này là lần thứ bảy và sẽ không có lần thứ tám.

***Sự kiện 60: Đức Phật dạy Thầy A-Nan báo cho dân Mallā biết để đánh lễ, sau này người ta không biết sẽ buồn.**

“Này Ānanda, hãy đi vào Kusināra và nói với dân Mallā Kusināra: “Này các Vāsetthā, đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ”.

- Này Vāsetthā, các Ngươi hãy đến. Này Vāsetthā, các Ngươi hãy đến. Về sau chớ có hối hận: “Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai”.

“Dân Mallā cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ānanda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: “Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm”.

Trong đêm nay Đức Phật sẽ nhập Niết-bàn, Phật nói Ngài Ānanda báo cho dân Mallā biết để đánh lễ chứ không sau này người ta biết sẽ buồn. Đây là khu vực của người dân Mallā, họ tụ tập về đánh lễ Đức Thế Tôn.

****Sự kiện 60: Phật độ người đệ tử cuối cùng Tu-Bạt-Đà-La xuất gia đắc Thánh và dạy nơi nào có Bát Chánh Đạo là có Tứ Quả Sa-môn.***

Lúc này Thầy Tu-Bạt-Đà-La (Subhadda) gặp Đức Phật, chúng ta học chánh Kinh:

“Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pārana Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambalī, Pakadha Kaccāyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nāthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ". Nay Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Ngươi. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Nay Subhadda

trong pháp luật nào có Bát Thánh đạo thời ở đây có (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn. Nay Subhadda, chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Nay Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán”.

Nghĩa là Thầy Tu-Bạt-Đà-La (*Subhadda*) hỏi Đức Phật rằng các vị đó tự xưng là đã giác ngộ, vậy thì các vị ấy là đã giác ngộ hay chưa giác ngộ. Và thay vì Phật trả lời, Phật nói hãy bỏ chuyện đó qua một bên. Và Ngài nói trong giáo pháp nào có Bát Thánh đạo thì nơi đó mới có Tứ quả Sa-môn, tức là Tứ quả Thánh. Đức Phật nói trong pháp luật của Ngài có Bát Thánh Đạo, tức là có Tứ quả Sa-môn.

Nói dễ hiểu là khi nào có Đức Phật ra đời, Phật có dạy Bát chánh đạo, Phật có dạy giới - định - tuệ, Tứ diệu đế, Tứ niệm xứ, hay 37 Phẩm trợ đạo thì mới có người đắc Thánh. Và nơi nào còn có người hiểu Bát chánh đạo, tu theo Bát chánh đạo thì sẽ còn bậc Thánh nhân. Có chuyện đặc biệt thế này, sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp xong thì Thầy Tu-bạt-đà-la (*Subhadda*) xin xuất gia. Lúc này Phật nói Ngài Ānanda xuất gia khẩn cấp cho ông vì Phật biết Ngài sắp niết bàn rồi. Sau khi xuất gia xong, đang trong tư thế đi kinh hành là Thầy Tu-bạt-đà-la (*Subhadda*) đắc Thánh quả A-la-hán và nhập niết bàn trước Đức Phật luôn. Đây là người đệ tử cuối cùng. Sau này ai có hỏi quý vị ai là người đệ tử cuối cùng của Phật thì quý vị trả lời là Thầy Tu-bạt-đà-la (*Subhadda*), còn vị đệ tử đầu tiên là Thầy A-nhã Kiền-trần-như (*Añña Koṇḍañña*).

***Sự kiện 62: Đức Phật dạy lấy Pháp và Luật làm Thầy.**

“Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

- Nay Ānanda, nếu trong các người có người nghĩ rằng: "Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". Nay Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Nay Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người”.

Đức Phật dạy là sau này khi Ngài không còn nữa, chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, nam nữ cư sĩ như chúng ta bây giờ hãy lấy Pháp làm Thầy, Pháp làm nơi nương tựa. Đức Phật dặn dò hết rồi nghe, Thầy nói cho dễ hiểu đây là những di chúc, lời dặn dò của Đức Phật. Lấy Kinh - luật - luận làm Thầy, lấy giới - định - tuệ mà làm Thầy, lấy những lời dạy của Đức Phật làm Thầy của mình. Chứ không phải chúng ta nghĩ Đức Phật mất rồi thì thôi nha, mà chính Pháp và luật làm Thầy của mình.

****Sự kiện 63: Ngài dạy cách xưng hô lớn gọi nhỏ bằng tên họ và nhỏ thưa lớn là Thượng Tọa.***

“Nay Ānanda, nay các vị Tỳ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Sau khi Ta diệt độ, chớ có xưng hô như vậy. Nay Ānanda, vị Tỳ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỳ-kheo niên thiếu, hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả. Vị Tỳ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỳ-kheo niên lão là Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức.

Vào thời Đức Phật, hay gọi nhau là "*hiền giả*", lớn với nhỏ cũng như nhỏ với lớn. Thì Đức Phật dặn dò, vị trưởng lão gọi vị nhỏ bằng tên, bằng họ, bằng "*hiền giả*", vị nhỏ gọi vị lớn là "*Thượng Tọa*" hay "*Đại Đức*".

Chúng ta thấy cái chi tiết gì ở đây? Đó là một con người vĩ đại giữa đất trời như vậy, sở một đức hạnh, trí tuệ, từ bi như vậy, nhưng trước khi mất còn dặn dò đệ tử những điều chi li như một người mẹ hiền, như một người cha lành sắp đi xa. Quý vị thấy không, Ngài dặn từng li từng tí, từng cách xưng hô, nói chuyện với người nữ ra sao, điều nào nên làm, điều nào không nên làm và lấy ai làm Thầy, lấy giới luật và pháp làm Thầy. Quý vị thấy thương Phật chưa? Chúng ta phải có học đến những chỗ này mình mới thấy thương Phật.

****Sự kiện 64: Giới nhỏ có thể bỏ bớt.***

"Này Ānanda, nếu chúng Tăng muốn, sau khi Ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhất chi tiết."

Phật dặn Ngài Ānanda sau khi Ngài diệt độ có những giới nào nhỏ nhất, chi tiết, nếu bỏ được thì bỏ, nhưng quý Thầy không dám bỏ.

****Sự kiện 65: Đức Phật dạy hãy hành tội Phạm Đàn với Channa (Xa-Nặc).***

Trước khi Niết-bàn, Ngài nghĩ đến Xa-nặc (*Channa*), là người đi với ngựa Kiên Trắc (*Kanthaka*) đưa Ngài đi xuất gia. Ngài dạy rằng:

"Này Ānanda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội Phạm đàn (Brahmadanda) đối với Tỷ-kheo Channa".

- *Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm đàn?*

- *Này Ānanda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói. Chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa".*

Nghĩa là im lặng mặc tẩn với Xa-nặc, tại sao Phật lại dạy quý Thầy như vậy? Thầy Xa-nặc là người cũng có công đưa Phật đi xuất gia cùng với ngựa Kiên Trắc nhưng sau khi xuất gia, Thầy Xa-nặc hay chấp công vào cái công đó, Thầy thường nghĩ ngày hôm nay có Thế Tôn là do có

mình, ngày đó mình với ngựa Kiên Trắc đưa Thế Tôn xuất gia. Ngày hôm nay Thế Tôn là Thầy của đại chúng, mọi người kính trọng Thế Tôn bao nhiêu thì cũng nên kính trọng mình mấy phần, đại ý là như vậy. Chúng ta xem phim kiểm hiệp tiểu thư không *chảnh* chứ người hầu *chảnh* lắm, kiêu như vậy. Thầy Xa-Nặc chưa có chứng Thánh mà.

Đức Phật nói đối với Xa-Nặc im lặng, hỏi gì cũng kệ, không nói, không giảng dạy. Chúng ta nghe vậy tưởng là Phật không thương Xa-Nặc nhưng không phải vậy, mỗi người Đức Phật dạy mỗi kiểu.

Quý vị biết cách dạy ngựa không? Có một huấn luyện ngựa tên là Kesi đến hỏi pháp Đức Phật, và Đức Phật hỏi ông dạy ngựa ra sao? Ông ta nói có những con ngựa vuốt ve nhỏ nhẹ nó nghe, có những con ngựa phải đánh nó mới nghe, có những con ngựa vừa vuốt, vừa xoa, vừa đánh nó mới nghe, và có những con ngựa nói không nghe thì giết luôn. Đức Phật nói ta dạy đệ tử cũng vậy, có những đệ tử ta nói về lợi ích của những pháp thiện họ nghe, có những người nói về điều thiện họ không nghe mà phải nói về những quả báo của những bất thiện thì họ mới nghe, và có những người vừa nói về những lợi ích của việc thiện, của thiên giới, lợi ích của giữ giới, hành thiện và đồng thời nói về quả báo bất thiện họ mới nghe. Đức Phật mới nói thêm, có những người nói dùng hết cả ba cách mà không nghe thì giết luôn. Ông Kesi mới hỏi là giáo pháp của Đức Thế Tôn từ bi mà tại sao lại giết người? Đức Phật nói "*giết luôn*" ở đây chính là không thềm nói tới.

Quý vị đến với bậc trí mà người ta không thềm nói gì với mình, là biết mình phải tự coi lại mình nha. Chứ bậc trí không có cãi nhau đâu, không nói, như là không có sự hiện diện của mình, muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm, không có la, không có rầy.

"Thà là kẻ thù của người trí chứ đừng làm bạn với người ngu", làm bạn với người ngu là thế nào mình cũng bị ảnh hưởng, bị nhiễm cái bất thiện. Chúng ta không cần cái xấu, cái bất thiện chạy đến dụ mình đâu, mình tự chạy tới luôn đó. Cho nên sống với người ngu là mình bị ảnh hưởng. Còn làm có làm kẻ thù với người trí, thì yên tâm là họ không thù oán, không trả thù mình đâu. Bậc trí hành xử như vậy đó quý vị, đối với người cảm thấy không hợp, không có duyên, hay là hết nói nổi rồi, thì họ im lặng chấm dứt. Qua đây chúng ta cũng biết cách hành xử nha, chuyện gì có duyên thì cố gắng hành xử tốt với nhau, không có duyên nữa thì:

"Anh đi đường anh, tôi đi đường tôi

Tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi.

Đã biết không mong sum họp mãi

Bạn lòng chi nữa lúc chia phôi."

Ở đây trước khi Niết-bàn, Phật nói đôi với Xa-Nặc thì mặc tẩn, im lặng, ông nói gì thì nói không thêm giảng dạy. Sau khi Phật niết bàn, ông tới thừa chuyện nhưng không ai thêm nói, không ai thêm giảng dạy, bỏ mặc ông và ông bị sốc. Từ từ ông phản tỉnh, nhận ra lỗi lầm của mình và tu tập đắc Thánh.

Đại chúng thấy hay không, tức là như người huấn luyện ngựa, có những con ngựa phải đánh, có những con phải vuốt ve, thì ở đây như là phải đánh, phải cho bị sốc vậy. Trong cuộc đời có những người sau khi bị một cú sốc, một chương ngại, thất bại, đổ vỡ, mất mát, hay một tang thương nào đó thì họ mới trở nên vững chãi, thành công được.

Và đâu đây trong chúng ta hôm nay mà ngồi nghe Thầy giảng pháp, đâu đó có ai đau khổ quá mà tìm về với Đức Phật đó nha. Không biết có ai khổ quá, thấy tình đời nó bạc bẽo, phũ phàng trái ngang, hoặc làm ăn thất bại, hoặc là khổ đau trong chuyện tình cảm, khổ đau trong chuyện làm ăn, hoặc là người ta đối xử với mình bạc bẽo, hoặc là mình chia ly một người thân thương nào đó, hoặc gia đình mình có tang sự, hoặc qua một cơn bạo bệnh nào đó, qua một cơn mất mát đau thương nào đó... mà mình mới quay về với Phật. Không biết Thầy nói ra có trúng ai không nữa, nhưng thật sự là không có mất mát đau thương chúng ta ít có thấy được vô thường lắm, chúng ta ít hiểu được cái cảm giác ái biệt ly khổ lắm, ít hiểu được cái cảm giác oán tắng hội khổ, ít hiểu được cái cảm giác sanh ly tử biệt khổ lắm. Nhưng cũng là nhờ đó mà mình có duyên đến với Phật pháp.

****Sự kiện 66: Phật hỏi các vị Tỷ-kheo còn gì nghi ngờ về Phật – Pháp – Tăng và phương pháp tu tập thì hãy hỏi. Thế Tôn hỏi 3 lần, chúng Tỷ-kheo đều im lặng.***

“Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo, các người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Đức Phật hỏi các Thầy Tỷ-kheo còn gì nghi ngờ về Phật, về Pháp, về Tăng và phương pháp thực hành nữa không thì hãy hỏi. Lúc này các Ngài đắc Thánh hết rồi, không còn nghi ngờ gì nữa.

****Sự kiện 67: Lời cuối cùng của Đức Phật.***

Đây là câu nói cuối cùng của Đức Phật. Sau này ai hỏi quý Phật tử, khi Thế Tôn đản sanh, rồi thành đạo, hoằng pháp độ sanh, rồi niết bàn

dưới hai cây sālā song thọ, ở tại Kusināra, lời cuối cùng Phật dạy là gì quý vị hãy nhớ trả lời:

“Này các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các người: "Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật".

Đó là lời cuối cùng Như Lai”.

Các pháp hữu vi là do duyên hợp mà có. Cái gì mà do duyên hợp mà có thì phải có tan. Mọi cái có hợp có tan, mọi cái phải vô thường, mọi cái phải thay đổi, mọi cái phải sanh diệt. Ta không bỏ nó thì nó cũng bỏ ta, người không bỏ mình thì mình bỏ người, ai bỏ trước thôi. Cái hơi thở của chúng ta, mình không bỏ nó, nó cũng bỏ mình, chiếc xe mình không bỏ nó thì nó bỏ mình. Câu cuối cùng của Đức Phật nói là mọi cái đều vô thường và khuyến khích hãy tinh tấn tu tập và chớ có phóng dật.

"Chớ có phóng dật" hiểu dùm Thầy theo 3 nghĩa:

- Một điều ác nhỏ cũng không làm.
- Một điều thiện nhỏ cũng không bỏ
- Phải ý thức rằng mọi hình thức tái sanh đều còn đau khổ. Khi nào còn tái sanh là ngày đó chúng ta còn đau khổ, ngày nào còn xuất hiện năm uẩn này, còn xuất hiện Tam giới, trong 31 cõi này là ngày đó còn đau khổ.

****Sự kiện 68: Thế Tôn nhập Niết-bàn, Ngài nhập từ Sơ thiền đến Diệt Thọ Tưởng Định và xuất Diệt Thọ Tưởng Định, nhập Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Định. Xuất Tứ Thiền, Ngài vào Niết-bàn.***

Ngài nhập Niết-bàn như thế nào chúng ta đọc một đoạn trong chánh Kinh:

“Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiên. Xuất Sơ thiên, Ngài nhập Nhị thiên. Xuất Nhị thiên, Ngài nhập Tam thiên. Xuất Tam thiên, Ngài nhập Tứ thiên. Xuất Tứ thiên, Ngài nhập định Không vô biên xứ. Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô biên xứ. Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu xứ. Xuất Vô Sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tướng phi phi tướng xứ. Xuất Phi tướng phi phi tướng xứ, Ngài nhập Diệt thọ tướng định”.

“Rồi xuất Diệt thọ tướng định, Ngài nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định. Xuất Phi tướng phi phi tướng xứ, Ngài nhập Vô sở hữu xứ định. Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ định. Xuất thức Vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên xứ định. Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ thiên. Xuất Tứ thiên, Ngài nhập định Tam thiên. Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Nhị thiên. Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Sơ thiên. Xuất Sơ thiên, Ngài nhập định Nhị thiên. Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Tam thiên. Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Tứ thiên. Xuất Tứ thiên, Ngài lập tức diệt độ”.

Tức là trước khi nhập niết bàn Ngài nhập từ Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô Sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ và Diệt thọ tướng định, là một vòng. Sau đó Ngài lại xuất Diệt thọ tướng định và nhập ngược lại từ Tứ thiên xuống đến Sơ thiên. Rồi từ Sơ thiên lại lên Tứ thiên, Tứ không thiên, Diệt thọ tướng định, rồi từ Diệt thọ tướng định Ngài nhập ngược lại xuống Tứ thiên rồi đến Sơ thiên.

Đức Phật nhập, xuất 2,4 triệu lần như vậy, và chỉ có hai lần Ngài nhập, xuất như vậy thôi. Lần thứ nhất đó là đêm trước khi Ngài thành đạo và lần này là đêm trước khi nhập niết bàn. Và cuối cùng khi đến Tứ

thiền thì Ngài vào niết bàn. Khi xả Tứ thiền xong thì lúc này hơi thở không còn nữa và ngay đó Ngài nhập niết bàn.

Xin thưa quý Phật tử, có những người nằm xuống mà để lại bao nhiêu sự tiếc thương. Khi Đức Thế Tôn nằm dưới hai cây sālā song thọ thì đã có rất nhiều chư Thiên về đánh lễ Ngài, chập kín cả phạm vi 12 do tuần. Thầy thì chưa đi Ấn độ nhưng nghe kể lại khi đến Kusināra, vào đánh lễ Ngài là muốn khóc thối, bởi vì đó là nơi địa cầu thọ tang. Có một con người vĩ đại như vậy, đã 20 A-tăng kỳ 100 ngàn đại kiếp, tính từ lúc được thọ ký là 4 A tăng kỳ 100 ngàn đại kiếp, bao lần rơi máu lệ, bao lần bỏ mạng, bao lần hành nhẫn ba-la-mật bậc hạ, cho vợ, cho con, cho ngai vàng, địa vị, cho tất cả những gì bên ngoài có thể cho. Đã bao nhiêu kiếp Ngài đã cho tứ chi, và đã bao nhiêu kiếp Ngài bỏ mạng này, có những kiếp Ngài đổi mạng này để học được một câu pháp. Rồi khi duyên đã đủ, dưới cội bồ đề Ngài đắc thành Phật quả. Hơn 40 năm hoằng pháp độ sanh, dưới hai cây sālā song thọ ở Kusināra, sau khi đã xuất nhập thiền 2,4 triệu lần và khi xuất Tứ thiền Đức Phật vào niết bàn. Từ lúc đó, một con người vĩ đại như vậy từ nay trở đi đã không còn nữa. Đó là nơi mà địa cầu thọ tang. Cho nên đến đó người ta tự nhiên cảm thấy muốn khóc, rồi ai cũng thế, rồi ai cũng vậy. Khi chúng ta học niệm chết thì nhớ thế này, vĩ đại như Đức Thế Tôn rồi cũng có ngày trở về Kusināra, hướng chỉ là chúng ta.

"Kính lạy Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn không giúp cho con không chết nhưng Đức Thế Tôn dạy cho con không sợ chết."

Bây giờ chúng ta vẫn còn sợ chết vì mình tu tập chưa đến nơi. Vĩ đại như Đức Phật, một con người đức hạnh như vậy, từ bi và trí tuệ như vậy, rồi cũng có lúc Ngài phải ra đi dưới hai cây sala song thọ. Rồi ai

cũng thế, rồi ai cũng vậy. Có sanh thì phải có diệt, có đến thì phải có đi. Đó là quy luật của cuộc đời. Đức Thế Tôn của chúng ta cũng như vậy!

Sau khi thành đạo với những gì có thể, bằng từ bi, bằng trí tuệ, Ngài đã độ, Ngài đã làm, đã giúp cho những người hữu duyên một là đắc Thánh, không thì được an lạc hiện tại, hoặc nữa là duyên lành cho đời sau kiếp khác. Có những con người mà vĩ đại như vậy đó quý vị, mà rồi cũng về Kusinàrà.

"...Đường đời như khúc nhạc

Nghĩa trang - nốt cuối cùng

Đời người khi thôi hát

Về nằm dưới gốc thông.

Vũ trụ thì mênh mông

Tiếc đời người hữu hạn

Mới “có” rồi bỗng “không”

Một đời sao quá ngắn

Sống, nhà cao, cửa rộng

Chết, nằm trong đất cằn

Sống, kẻ khinh người trọng

Chết, đất hóa công bằng.

Thôi cần gì bon chen

Cốt sống sao lương thiện

Ở đời cần tình thương

Lợi danh là phù phiếm..."

(Thơ Diệp Minh Tuyền)

Hình ảnh Đức Thế Tôn nhập diệt ở Kusināra dạy cho mình một bài học, có những người ra đi đã để lại bao nỗi tiếc thương của bao người, của chư Thiên, của nhân loại, nơi đó trở thành nơi địa cầu thọ tang. Có những con người ra đi rồi người ta đâu có khóc thương, đôi lúc người ta còn vui nữa kia, nhưng có những con người, với đức độ từ bi và trí tuệ như vậy, sự ra đi của Đức Thế Tôn là điều gì đó nuối tiếc, đau thương của những người còn lại nếu những người đó chưa đắc Thánh.

Chúng ta học khoảng thời gian từ lúc còn 10 tháng trước Ngài nhập niết bàn cho đến ngày hôm nay, nói lời sau cùng "*Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật*". Một người vĩ đại như vậy đó, dạy những gì cần dạy, dạy những bài pháp quan trọng và ngay cả những việc chi li, lật vật Ngài dặn lại đệ tử. Phút cuối đời, một ông lão 80 tuổi, sau khi ăn bữa ăn cuối cùng xong từ đó cố gắng trở về Kusināra để nhập Niết bàn vì còn độ người đệ tử cuối cùng, vì còn để thuyết bài Kinh Đại Thiệ Kiến, và cũng vì để nơi Ngài nằm xuống không vì sự tranh giành xá lợi mà tang thương giết chóc. Đến giờ phút cuối cùng rồi Ngài vẫn lo, vẫn thương cho đời.

Hôm nay chúng ta học tới đây phải rút ra một bài học, sống một kiếp người ý nghĩa hay không là mình làm được cái gì cho đời, dĩ nhiên là chúng ta chỉ bằng một hạt cát giữa biển cả so với công hạnh của Thế Tôn. Nhưng những gì Thế Tôn dạy cho ta về những tháng ngày cuối

cùng của Ngài, ta lấy đó làm hành trang, tư lương, cách sống cho mình, sống là cho đi, sống là giúp người, sống là chia sẻ. Là người con Phật, phải mong thêm nhiều người hiểu về lời dạy của Đức Phật, vì mình biết rằng chỉ có hướng người hiểu lời Đức Phật thì mới có thể chấm dứt khổ đau.

Không phải hôm nay giảng tới đây mà Thầy muốn khóc đâu quý vị. Mấy lần rồi khi Thầy soạn bài tới đây thì tự nhiên Thầy rơi nước mắt. Mình không có cái phước được gặp Đức Phật trực tiếp, hoặc khi có Phật thì không biết mình đang lang thang ở nơi đâu. Nhưng qua những trang Kinh còn lại, chỉ diễn tả lại những tháng ngày cuối đời của Đức Phật thôi, mình chỉ biết quỳ xuống: *"Xin đại nguyện giữa vô cùng sa mạc, lấy muôn thân đánh lễ Phật ven đường!"* Con không biết nói làm sao để có thể nói hết tấm lòng biết ơn của con dành cho Đức Thế Tôn!

Qua sự kiện chư Thiên cúng dường bột trời, hoa trời, nhạc trời, hoa sala nở trái mùa để cúng dường Đức Phật, mà Đức Phật nói đệ tử của ta sống theo pháp, thành tựu pháp, tùy pháp, thực hành pháp mới là cách cúng dường tối thượng cho Như Lai. Vậy bây giờ chúng ta không còn gặp Phật nữa, nhưng lời Phật còn đó, thương Phật, kính Phật, tin Phật thì mình phải thực tập lời Phật dạy. Đó là cách cúng dường, và là cách trả ơn cho Đức Phật đó. Ngài không cần mình trả ơn, nhưng chúng ta là con người mà, mình biết ơn Đức Phật. Chúng ta thử nghĩ, nếu không có Đức Thế Tôn thì làm sao có ngày mình thoát khỏi kiếp luân hồi, đó là nói xa. Nói gần, nếu không có Đức Thế Tôn thì đến ngày hôm nay mình khổ đau đến như thế nào, những lần mình khổ đau, những lần mất mát, những lần bị cú sốc, những lần mình bị ái biệt ly khổ, chúng ta không có những lời dạy của Phật mình có vượt qua được không? Nếu không có lời dạy Đức Thế Tôn làm hành trang cho đời mình, đến ngày hôm nay mình có lẽ đã phạm rất nhiều bất thiện nghiệp rồi. Phước phần cho đời mình đến hôm nay là từ ngày biết đến giáo pháp của Đức Thế Tôn, ta có một trang

sách mới cho cuộc đời. Thầy mong rằng những lời dạy của Đức Phật sẽ đánh động đến quý vị phần nào đó. Ngày Đức Thế Tôn một con người vĩ đại như vậy nằm xuống, là nơi địa cầu thọ tang.

Quý vị học tới đây, lát nữa sau khi nghe Thầy giảng xong ra bàn Phật lạy Phật 3 lạy để cảm ơn Đức Thế Tôn đã cho con được điểm phúc biết được giáo pháp của Ngài. Ngài đã dạy cho con con đường thoát khổ, để an lạc lợi ích hiện tại và an lạc ở đời sau kiếp khác. Ngài đã dạy cho con con đường chấm dứt tử sanh này. Con không biết nói gì hơn bằng cách con sống theo pháp, sống theo lời dạy của Thế Tôn. Dù cuộc đời có nhiều gian khó, dù bệnh tật có thể phía trước, dù một ngày nào đó con có thể ra gầm cầu, dù một ngày nào đó con tứ cố vô thân, không còn ai nữa, dù một ngày nào đó cuộc đời có xua đuổi con, dù một ngày nào đó cuộc đời con có khó khăn như thế nào đi nữa, nhưng con nguyện không bao giờ để đứt quy y. Con đã quỳ ở dưới chân Đức Phật để nguyện làm đệ tử của Đức Phật rồi. Cuộc sống có thể nào đi nữa, con cũng không bao giờ để mất quy y. Dù có đổi thay như thế nào thì niềm tôn kính của con về Đức Phật, về mười phương ba đời chư Phật vẫn là tôn kính như vậy. Dù biết rằng niềm tin đó đến khi bất động phải là Sơ quả. Nhưng ngày nào con còn sống, ngày nào con có thể tu tập được, nguyện luôn tôn kính Đức Phật.

“Xin đại nguyện giữa vô cùng sa mạc

Lấy muôn thân đánh lễ Phật ven đường.”

Giờ phút Đức Phật nằm xuống ở đây, rồi ai cũng thế, rồi ai cũng vậy, rồi ai cũng trở về Kusināra của mình, rồi ai cũng phải đến lúc mà thôi. ***"Thế Tôn không giúp cho con không chết, nhưng Đức Thế Tôn dạy cho con không sợ chết"***. Thầy mong quý vị đến một ngày nào đó, đến một lúc nào đó đối diện với cái chết, mình chết tỉnh, chết an, chết

sạch và chết một cách gọi là làm chủ tâm của mình, làm chủ sanh già bệnh chết, làm chủ được cái chết của mình. Dĩ nhiên đó là ngày đắc Thánh, nhưng ngày nào dù chưa đắc Thánh, biết lời Phật dạy mình chết trong chánh niệm, chết trong tỉnh thức, nhẹ nhàng an nhiên mà ra đi. Cái thân hèn này của con, nếu duyên đã đến, mà con không còn duyên tuổi thọ nữa, nghiệp đã đến thì con đi. Nhưng nếu thân của con còn có thể làm lợi ích cho Phật pháp, còn có thể làm lợi ích cho đời, nếu cánh tay này của con có thể là cánh tay nối dài để nhiều người biết đến Phật, nếu con còn có thể bắt một nhịp cầu để cho nhiều người biết đến giáo pháp của Đức Thế Tôn thì xin cho con tiếp tục sống để làm các thiện sự, các việc lành đó. Còn nếu như duyên đã hết rồi, con xin nhẹ nhàng con ra đi, bởi những gì con làm đã hết sức rồi. Con đã cố gắng hết sức. Làm sao mà đã hết sức nha, để xứng đáng là con của Phật. Ngài đã hy sinh bao nhiêu kiếp, từ lúc bắt đầu là 20 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp, từ lúc được thọ ký là 4 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp mới có được giáo pháp để ngày hôm nay mình tu học. Khi Ngài nằm xuống như vậy, mình là con người, mình biết ơn mà. Biết ơn thì phải thực tập theo lời của Phật. Ngoài thực tập theo lời Phật để bản thân được an lạc, mình lại tiếp tục nữa, chia sẻ giáo pháp này đến nhiều người biết. Vì mình tin rằng khi ai đó trở về bên cạnh Đức Phật thì người đó sẽ được an lạc hiện tại và đời sau kiếp khác, xa hơn là sẽ có ngày chấm dứt khổ đau và luân hồi.

****Sự kiện 69: Về việc hỏa thiêu kim thân Thế Tôn, Tộc Trưởng Mallā cung kính nhục thân 7 ngày khiêng không nổi, vì ý chư Thiên muốn khiêng kim thân Thế Tôn đến phía Đông của thành tại đền của dân Mallā.***

“Đến ngày thứ bảy, dân Mallā ở Kusināra suy nghĩ: "Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá lợi Thế Tôn với các điệu múa hát, nhạc, tràng hoa, hương, nay chúng ta hãy chôn thân xác xá lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy".

Sau khi Đức Phật đã Niết-bàn, và để thân Đức Thế Tôn đến bảy ngày, dân Mallā muốn thỉnh thân Thế Tôn ra ngoài thành và ra ngoài phía Nam để làm lễ thiêu tại chỗ ấy. Nhưng tộc trưởng Mallā định khiêng thân Xá-lợi Như Lai nhưng lại không khiêng nổi, các vị Mallā mới hỏi Ngài A-Nậu-Lâu-Đà (*Anuruddha*), chúng ta nghe chánh Kinh:

“Lúc bấy giờ tám vị tộc trưởng Mallā gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá lợi Như Lai nhưng khiêng không nổi được. Các vị Mallā ở Kusināra bạch Tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì tám vị tộc trưởng Mallā này gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá lợi Như Lai, nhưng không khiêng nổi được?

- Nay Vāsetthā, vì ý định của các Ngươi khác, ý định của chư Thiên khác.

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên là gì?

Này các Vāsetthā, ý định của chư Thiên như sau: "Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương hương của Chư thiên nay chúng ta hãy khiêng thân xá lợi Thế Tôn về hướng Bắc phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, hãy khiêng qua Trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallā tên là Makuta-bandhana và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy".

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên thế nào, ý định của chúng con cũng vậy.

Ngài A-Nậu-Lâu-Đà nói các vị muốn vậy nhưng chư Thiên họ không có muốn vậy. Ngài A-Nậu-Lâu-Đà nói ý của chư Thiên là mang Xá-lợi Phật về hướng Bắc, rồi qua hướng Đông rồi mới hoả thiêu thân Thế Tôn tại đền thờ Makuta-bandhana. Và lúc này thì họ mới khiêng đi được.

****Sự kiện 70: Xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân Xá-lợi Như Lai như vậy.***

Sau đó các vị tộc trưởng vùng Mallā hỏi Ngài A-Nan:

“Rồi dân Mallā bạch tôn giả Ānanda:

- Bạch Tôn giả Ānanda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân xá lợi Như Lai?

- Nay các Vāsetthā, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá lợi Như Lai như vậy.

Các vị tộc trưởng vùng Mallā muốn biết thân của Phật bây giờ phải xử sự như thế nào và Ngài A-Nan nói *“xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá lợi Như Lai như vậy”*. Chỗ này lúc này Đức Phật đã dạy Thầy A-nan.

****Sự kiện 71: Ngài Ca-Điếp trên đường trở về, nghe vị Tỳ-kheo tên Subhadda nói Phật nhập Niết-bàn sẽ đỡ bị phiền nhiễu quấy rầy bởi những giới luật.***

Lúc này Ngài Ca Diếp nghe tin Đức Phật nhập Niết-bàn và đang trên đường đi về với 500 vị Tỳ-kheo, sau đó thì có sự kiện này:

"Lúc bấy giờ, Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi đang ngồi trong hội chúng này. Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi nói với những Tỷ-kheo ấy:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rầy với những lời: "Làm như thế này không hợp với các Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi". Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm, những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm."

Vị Tu-bạt-đà-la (*Subhadda*) này là một vị cùng tên với Thầy Tu-bạt-đà-la (*Subhadda*) - vị đệ tử cuối cùng của Đức Phật. Khi những vị Tỷ-kheo đang buồn thương Đức Phật thì vị *Subhadda* nói rằng, thôi đừng có buồn rầu chúng ta đã được giải thoát rồi, lúc trước còn Đức Phật, Ngài nói điều này làm, điều kia không làm, giống như là bị ép buộc vậy, bây giờ Đức Phật niết bàn rồi thì khỏe không còn ai ràng buộc nữa.

Chúng ta thấy thời Đức Phật mà còn có những người như vậy, họ là ai mà nói như vậy. Có hai cha con ông Subhadda, trước khi đi xuất gia hai vị này là thợ hớt tóc, có một lần Đức Phật đến quê hương của hai vị này để hoằng pháp. Lúc này họ đã xuất gia rồi, hai cha con này rất tôn kính Đức Phật, muốn cúng dường lên Đức Phật nhưng lại không có tiền. Họ mới nghĩ ra cách là ra đầu làng cắt tóc cho người ta, rồi dùng những tịnh tài, tịnh vật đó để làm những món thịnh soạn nhất cúng dường lên Đức Phật. Sau khi biết được chuyện này thì Đức Phật trách họ. Và cũng bởi vì chuyện đó mà ông Subhadda giận Đức Phật.

Ngay cả Thầy Ma-ha-Ca-Điếp (*Mahākassapa*) cũng có lần Ngài dạy đệ tử nhưng người đó cãi lời, và giận rồi đốt luôn cả thất của Ngài. Có những cái chướng duyên như vậy. Vì làm không đúng pháp nên Phật

trách, vậy mà giận Phật. Khi Phật nhập niết bàn thì vui vì không còn ai rầy mình nữa.

Cho nên chúng ta thấy đề độ một người là dễ hay khó? Phật đó mà còn có người muốn hại, muốn vu oan cho Phật nữa mà, còn nghĩ về Phật như vậy nữa mà. Cho nên đề độ một người khó lắm nha, phàm phu thì chuyện gì mà không dám làm, chuyện gì mà không dám nói.

****Sự kiện 72: Tộc trưởng Mallā châm lửa giàn thiêu không cháy vì chư Thiên tác động muốn chờ Ngài Ca-Điếp về tới.***

“Lúc bấy giờ bốn vị tộc trưởng Mallā gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy.

Các vị Mallā ở Kusināra bạch tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, bốn vị tộc trưởng Mallā này gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn, nhưng châm lửa không cháy?*
- Nay các Vāsetthā, ý định của chư Thiên khác.*
- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên như thế nào?*
- Nay các Vāsetthā, ý định của chư Thiên như sau: "Tôn giả MahāKassapa nay đang đi giữa đường giữa Pāvā và Kusināra cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi tôn giả MahāKassapa cúi đầu đánh lễ Thế Tôn".*
- Bạch Tôn giả, ý định chư Thiên như thế nào, hãy làm y như vậy.*

Chúng ta nhớ là Ngài Đại-Ca-Điếp (*Mahākassapa*) đời này và nhiều kiếp trước đã giúp cho rất nhiều người sanh Thiên. Ngài dạy, hướng dẫn

cho người ta sống một cuộc đời đạo đức nên họ sanh Thiên rất nhiều. Khi Đức Phật nhập niết bàn, chư Thiên xuống đánh lễ Đức Phật lần cuối, thì không thấy Ngài Ca-diếp ở đâu hết. Họ nghĩ rằng sư phụ mình đâu rồi, và biết là Ngài đang trên đường về. Nên khi thiêu chư Thiên không chịu, họ tác động bằng thần thông không thiêu được, phải đợi Ngài về đánh lễ Thế Tôn. Ngài A-Nậu-Lâu-Đà (*Anuruddha*) mới nói phải đợi Ngài Ca-Điếp về đánh lễ Thế Tôn thì mới thiêu được.

"Rồi Tôn giả Mahā Kassapa đến tại đền Makuta Bandhana của những vị Mallā tại giàn hỏa Thế Tôn, khi đến xong liền choàng áo phía một bên vai, chắp tay, đi nhiều phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần, cúi mở chân ra và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn."

Năm trăm vị Tỷ-kheo ấy choàng áo phía một bên vai, chắp tay, đi nhiều qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn."

Và khi tôn giả Mahā Kassapa và năm trăm vị Tỷ-kheo đánh lễ xong, thời giàn hỏa Thế Tôn tự bắt lửa cháy".

Lúc này Ngài Ca-Điếp và quý Thầy đã về tới và đánh lễ Đức Thế Tôn, sau đó thì giàn hỏa tự cháy.

****Sự kiện 73: Ông Bà-la-môn Dona phân chia Xá-lợi Phật làm 8 phần, ông lấy cái bình, người Moriyā đến sau xin lấy phần tro còn lại.***

Chúng ta đã được biết là trước khi nằm xuống Đức Phật đã sắp xếp hết, Ngài về đây vì 3 lý do: độ cho vị đệ tử cuối cùng là Thầy Tu-bạt-đà-la (*Subhadda*), thuyết bài Kinh Đại Thiện Kiến, và nơi đây có vị tên là Dona có biệt tài thương thuyết để các nước không tranh giành xá lợi. Xá lợi được chia làm tám phần, chúng ta nghe qua chánh Kinh:

“Này Tôn giả Bà-la-môn, Ngài hãy phân chia xá lợi ra tám phần đồng đều.

- Xin vâng, các Tôn giả.

Bà-la-môn Dona vâng lời hội chúng ấy, phân chia xá-lợi Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thưa hội chúng:

- Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đựng chia xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình.

Và hội chúng ấy tặng Bà-la-môn Dona cái bình.

Ông Dona chia xá lợi ra tám phần, còn ông thì được nhận cái bình đựng xá lợi.

“Và người Moriyā ở Pipphalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gửi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusināra: "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được hưởng một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn".

"- Nay không còn phần Xá-lợi Thế Tôn nào. Xá-lợi Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại". Rồi các vị này lấy than tro còn lại”

Các vị Moriyā tới sau thì lấy phần tro, ông Dona thì lấy bình đựng Xá lợi, còn tám phần Xá lợi chia cho tám nước: vua nước Magadha tên là Ajātasattu (vua A-xà-thế), những người Licchavi ở Vesālī, những người Sakya ở Kapilavatthu, những người Buli ở Allakappa, những người Koli ở Rāmagama, Bà-la-môn Vethadāpaka, những người Mallā ở Pāvā, những người Mallā ở Kusināra.

Kính thưa quý Phật tử, tới đây là hết Kinh Đại Bát Niết Bàn. Đó là những tháng ngày cuối đời của Đức Phật, Thầy tóm tắt những sự kiện căn bản, từ mười tháng đến ba tháng, đến một ngày và đến đêm cuối cùng. Thầy gửi đến đại chúng với một mong muốn là sau ba ngày nghe bài Kinh này chúng ta sẽ hiểu thêm về Đức Phật của mình. Với sự hiểu biết đó, lòng tôn kính và niềm tin của ta đối với Đức Phật sẽ càng vững chãi, và càng thương Đức Phật hơn nữa. Tất cả những điều này sẽ là phần cúng dường dâng lên Đức Phật! Mình biết rằng Ngài sẽ không cần gì từ nơi mình đâu, nhưng chúng ta là những đứa con của Ngài. Ngày vui nhất trần gian là ngày Thế Tôn đản sanh, ngày hạnh phúc nhất trần gian là ngày Thế Tôn thành đạo, và ngày buồn nhất trần gian là ngày Thế Tôn nhập niết bàn. Ở Kusināra là nơi địa cầu thọ tang, là ngày mà chư Thiên, trần gian này vắng đi một vị Phật Chánh Đẳng Giác, đã *20 A-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp* hi sinh bao nhiêu máu lệ để tìm ra được con đường cho chúng ta đi.

Rồi Ngài cũng nằm lại!

Xin đại chúng lặng yên một chút! Xin đại chúng tĩnh tâm lại một chút để hướng về Đức Phật, và xin cúng dường tất cả những công đức con làm được xin dâng lên Đức Thế Tôn, và nguyện với Đức Thế Tôn chúng con sẽ cố gắng, tinh tấn làm các thiện pháp để xứng đáng là đệ tử của Người. Và con sẽ cố gắng để là cánh tay nối dài của Đức Thế Tôn, để đưa những người hữu duyên trở về bên giáo pháp của Ngài, để nương pháp mà sống. Xin đại chúng hãy hướng về Đức Phật với lòng tôn kính!

Kính thưa quý Phật tử, tôn kính Đức Phật bằng cách là hàng ngày mình sống trong pháp nha, nương tựa pháp mà sống. Thôi thì cuộc hợp nào rồi cũng tan, cục nước đá nào cũng phải tan, lớp học mình giờ cũng tới giờ tan, có sanh tức có diệt, có hợp tức có tan. Thầy hy vọng qua ba

buổi học vừa rồi chúng ta sẽ học được thêm nhiều điều. Xin cảm ơn đại chúng!

Bài giảng ngày 06,07,08/01/2022